

# Luận Đại Trí Độ

## Tập I

### Cuốn 6 - 10

(Mahàprajñàparamitàsatra)

**Tác giả:** Nàgàrjuna (Long Thọ)  
**Dịch Phạn ra Hán:** Cư Ma La Thập  
**Việt Dịch** HT.Thiện Siêu

Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam  
Ấn hành 1997

---o0o---

*Nguồn*

<http://www.quangduc.com>

# Luận Đại Trí Độ

## Tập I

### Cuốn 6 - 10

(Mahàprajñàparamitàsatra)

**Tác giả:** Nàgàrjuna (Long Thọ)  
**Dịch Phạn ra Hán:** Cư Ma La Thập  
**Việt Dịch:** HT.Thiện Siêu

Cuốn 6 .....	3
Chương 10 .....	3
GIẢI THÍCH: "MƯỜI DỤ" .....	3
Cuốn 7 .....	27
Chương 11 .....	27
GIẢI THÍCH: PHẬT THỂ GIỚI NGUYỆN .....	27
Chương 12 .....	37
GIẢI THÍCH: TAM MUỘI .....	37
Chương 13 .....	44
GIẢI THÍCH: PHÓNG QUANG .....	44
Cuốn 8 .....	50
Cuốn 9 .....	73
CHƯƠNG 14 .....	73
GIẢI THÍCH: HIỆN PHỔ THÂN .....	73
CHƯƠNG 15 .....	82
GIẢI THÍCH: MƯỜI PHƯƠNG CHƯ BỒ-TÁT ĐẾN .....	82
Cuốn 10 .....	95

## Cuốn 6

### Chương 10

#### GIẢI THÍCH: "MƯỜI DỤ"

**KINH:** Hiểu rõ các Pháp như huyễn, như sóng nắng, như trăng dưới nước, như hư không, như thành Càn-thát-bà, như mộng, như ảnh, như tiếng vang, như bóng trong gương, như hóa.

**LUẬN:** Ấy là mười thí dụ để giải thích pháp Không.

**1- Như huyễn. Hỏi:** Nếu tất cả pháp Không ví như huyễn thuật, vì sao các pháp lại có thể thấy, có thể nghe, có thể ngửi, có thể nếm, có thể xúc, có thể biết? Nếu thật không có thì không có thể thấy cho đến có thể biết? Lại nữa, nếu không mà vọng kiến là có, thế vì sao không thấy tiếng, nghe sắc? Nếu hết thấy đều không có gì, thế vì sao có cái thấy được, có cái không thấy được? Như một ngón tay, móng thứ nhất không, móng thứ hai cũng không, thế tại sao không thấy móng thứ hai mà chỉ thấy móng thứ nhất? Vậy cho biết móng thứ nhất thật có nên có thể thấy, móng thứ hai thật không nên không thể thấy?

**Đáp:** Các pháp tướng tuy không, cũng có phân biệt có thể thấy và không thể thấy. Ví như Voi, Ngựa huyễn hóa và các thứ khác tuy biết nó không thật, nhưng sắc có thể thấy, tiếng có thể nghe, đối với sáu căn không tạp loạn. Các pháp cũng như vậy, tuy không mà có thể thấy, có thể nghe, không tạp loạn. Như kinh Đức Nữ (Therisutra) thuyết: "Đức Nữ bạch Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn, như Vô minh có ở bên trong chẳng?"

Phật nói "Không phải".

- Bạch, có ở bên ngoài chẳng?

- Không.

- Bạch, có ở bên trong bên ngoài chẳng?

- Không.

- Bạch Thế Tôn, Vô minh ấy từ đời trước mà đến chẳng?

Phật nói "Không".

- Bạch, từ đời này đến đời sau chẳng?

- Không.
- Bạch, Vô minh ấy có sanh có diệt chăng?
- Không.
- Bạch Thế Tôn, có một pháp nhất định có thật tánh gọi là Vô minh chăng?
- Không.

Bấy giờ Đức Nữ lại bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn, nếu Vô minh không ở trong không ở ngoài; cũng không ở trong ở ngoài; không từ đời trước đến đời nay, từ đời nay đến đời sau; cũng không có tánh chơn thật; vậy sao nói từ Vô minh làm duyên mà có Hành cho đến các khổ tập? Bạch Thế Tôn, ví như có cây, nếu không có gốc làm sao sanh cọng, đọt, cành, lá, hoa, quả được?"

Phật nói: "Các pháp tướng tuy không, nhưng vì kẻ phàm phu vô văn vô trí đối với các pháp sanh đủ thứ phiền não, do phiền não làm nhân duyên tạo nghiệp thân khẩu ý, do nghiệp làm nhân tác thành thân đời sau, do thân làm nhân duyên mà thọ khổ thọ vui. Ở trong đó, không có phiền não tạo tác thật sự, cũng không có thân khẩu ý nghiệp, cũng không có kẻ thọ khổ thọ vui, ví như huyễn sư huyễn làm ra các vật, ý người nghĩ sao? Các vật huyễn ấy có ở bên trong chăng?"

- Bạch Thế Tôn, không phải.
- Có ở bên ngoài chăng?
- Bạch Thế Tôn, không.
- Có ở bên trong bên ngoài chăng?
- Bạch, không.
- Từ đời trước đến đời nay, từ đời nay đến đời sau chăng?
- Bạch, không.
- Các vật huyễn có sanh có diệt chăng?
- Bạch, không.
- Thật có một pháp gọi là vật huyễn chăng?

- Bạch, không.

Phật nói: "Người có thấy có nghe kỹ nhạc do huyền thuật làm ra chăng?"

- Bạch, con cũng có nghe có thấy.

Phật hỏi Đức Nữ: "Nếu huyền thuật không, dối trá, không thật; làm sao từ huyền thuật làm ra kỹ nhạc?"

Đức Nữ bạch Phật: "Bạch Thế Tôn, huyền tướng ấy là như vậy, tuy vốn không có căn bản, mà vẫn có thể nghe, thấy". Phật nói: "Vô minh cũng như vậy, tuy không có ở bên trong, không ở bên ngoài, không có ở bên trong bên ngoài, không từ đời trước đến đời nay, từ đời nay đến đời sau, không có thật tánh, không có sanh diệt, nhưng Vô minh làm nhân duyên mà có các Hành sanh, cho đến các khổ tập hợp. Như khi huyền dứt thì vật huyền cũng dứt. Vô minh cũng vậy, Vô minh hết thì Hành cũng hết, cho đến các Khổ và Tập cũng hết".

Lại nữa, thí dụ về huyền là chỉ cho chúng sanh hay rằng hết thấy pháp Hữu vi là trống không không bèn chắc. Như nói: các Hành như huyền, đối gạt trẻ con, hệ thuộc vào nhân duyên, không tự tại, không trụ lâu. Thế cho nên nói các Bồ-tát biết các pháp như huyền.

**1- Như ráng nắng.** Ráng nắng là khi mặt trời chiếu vào bụi trần do gió thổi động, thấy như Ngựa chạy giữa đồng hoang, người vô trí trông thấy bảo đó là nước, tướng nam tướng nữ cũng vậy. Ánh mặt trời của kiết sử phiền não chiếu vào bụi trần các Hành do gió tà ức niệm thổi lên, xoay chuyển trong đồng hoang sanh tử. Người không có trí tuệ cho đó là một tướng, là nam, là nữ. Thế gọi là như ráng nắng.

Lại nữa, nếu ở xa trông thấy ráng nắng tưởng là nước, đến gần không có tướng nước. Người vô trí cũng như thế. Nếu xa rời Thánh pháp, không biết lý Vô ngã, không biết các pháp không, thời với pháp ấm, giới, nhập tánh không, sanh ra tướng người, tướng nam, tướng nữ. Nếu gần gũi Thánh pháp thời biết thật tướng các pháp, bấy giờ các thứ vọng tưởng hư cuồng trừ sạch. Thế nên nói các Bồ-tát biết các pháp như ráng nắng.

**2- Như trăng dưới nước:** Thí như trăng thật ở giữa hư không mà ảnh hiện dưới nước. Trăng thật pháp tướng ở giữa hư không của như pháp tánh, thật tế, mà trong nước tâm của người phàm lại hiện ra tướng ngã, ngã sở. Thế nên gọi là như trăng dưới nước.

Lại nữa, như trẻ con thấy trăng dưới nước, vui mừng muốn nắm lấy, người lớn thấy vậy thì cười. Người vô trí cũng như thế, do thân kiến mà thấy có tự ngã, do không có thật trí mà thấy đủ thứ pháp, thấy rồi hoan hỷ muốn nắm lấy các tướng: Tướng nam, tướng nữ v.v... Các Thánh nhân đắc đạo thì cười, như kệ nói:

"Như trăng dưới nước, nước trong nắng.

Trong mộng được tiền, chết cầu sống.

Nếu ai thật muốn được như vậy,

Là kẻ ngu si bị Thánh cười".

Lại nữa, như trong nước đứng lặng trông thấy bóng trăng, khuấy nước lên thì không thấy nữa. Trong nước tâm vô minh, đứng lặng thấy có bóng tự ngã và các kiết sử kiêu mạn. Dùng gậy trí tuệ chơn thật khuấy nước tâm lên thì không còn thấy bóng các kiết sử, tự ngã nữa. Vì thế nên nói các Bồ-tát biết các pháp như trăng dưới nước.

**3- Như hư không:** Chỉ có danh mà không có thật pháp, hư không chẳng phải là pháp có thể thấy, nhìn ở xa, do nhãn quan mà thấy thành màu xanh bạc. Các pháp cũng như thế, rỗng không, không có gì, do xa rời thật trí tuệ vô lậu, bỏ thật tướng nên thấy bỉ, ngã, nam, nữ, ốc xá, thành quách, các thứ tạp vật, tâm đắm vào, như trẻ con ngửa xem trời xanh, cho là có sắc thật, có người bay lên thật xa thì hoàn toàn không thấy gì, chỉ vì nhìn xa, bảo là sắc xanh. Các pháp cũng như thế, vì thế nên nói là như hư không.

Lại nữa, như hư không tánh thường thanh tịnh nhưng vì khí u ám mà cho là bất tịnh. Các pháp cũng như thế, tánh thường thanh tịnh, vì dâm dục, sân nhuế che ám mà cho là bất tịnh, như kệ nói:

"Như trời mùa hạ, sấm chớp mưa,

Mây mờ che khuất không trong sáng.

Phàm phu vô trí cũng như thế,

Các thứ phiền não thường che tâm.

Như mặt trời mọc về mùa đông,

Thường bị hôn khí, tuyết che ám.

Tuy được Sơ quả và Nhị quả.  
Còn bị dục nhiễm làm che lấp.  
Hoặc như mặt trời mọc mùa xuân,  
Thường bị bóng mây làm u ám,  
Tuy lìa dục nhiễm được Tam quả,  
Si, mạn dư tàn còn che tâm.  
Hoặc như mặt trời thu không mây,  
Cũng như biển cả nước thanh tịnh,  
Việc làm đã xong tâm vô lậu,  
La-hán được thanh tịnh như vậy".

Lại nữa, hư không không có đoạn đầu, đoạn giữa, đoạn cuối; các pháp cũng như vậy.

Lại nữa, như trong kinh Đại thừa, Phật nói với Tu-bồ-đề: Hư không không đời trước, cũng không đời giữa, cũng không đời sau; các pháp cũng như vậy. Kinh kia, được nói rộng trong đó. Thế nên nói các pháp như hư không.

**Hỏi:** Hư không thật có pháp, vì sao? Vì nếu hư không không thật pháp thì các động tác đưa lên, hạ xuống, đến, đi, co duỗi, ra, vào v.v... cũng không có, vì không có chỗ để chuyển động?

**Đáp:** Nếu pháp hư không thật có, thì hư không phải có chỗ trú, vì sao? Vì không có chỗ trú thì không có pháp. Nếu hư không trú trong lỗ trống, ấy là hư không trú trong hư không, vì vậy không phải trú trong lỗ trống. Nếu ở trong vật đặc, mà vật đặc chẳng phải là hư không, thì không thể trú được, vì nó không dung nạp.

Lại nữa, ông nói chỗ trú là hư không, như trong vách đá đặc không có chỗ trú. Nếu không có chỗ trú thì không có hư không. Vì hư không không có chỗ trú, cho nên không có hư không. Vì vô tướng nên không có hư không. Các pháp mỗi mỗi đều có tướng, vì tướng có nên biết có pháp; như tướng cứng của đất, tướng ướt của nước, tướng nóng của lửa, tướng động của gió, tướng biết của thức,

tướng hiểu của tuệ, tướng sanh tử của thế gian, tướng vĩnh diệt của Niết-bàn; còn hư không không có tướng cho nên không.

**Hỏi:** Hư không có tướng, ông không biết nên nói là không. Chỗ không có sắc tướng ấy là tướng của hư không.

**Đáp:** Không phải! Không sắc tướng, ấy gọi là phá trừ sắc, không còn pháp gì khác, như đèn tắt; vì thế nên không có tướng hư không.

Lại nữa, pháp hư không ấy không có, vì sao? Vì ông nhận nơi sắc mà nói chỗ không sắc tướng là tướng hư không. Nếu vậy khi sắc tướng chưa sanh thời không có tướng hư không.

Lại nữa, ông cho sắc là pháp vô thường, hư không là pháp thường, vậy khi sắc tướng chưa sanh phải trước có pháp hư không, vì là thường có. Nếu sắc tướng chưa có, thời không có chỗ vô sắc; nếu không có chỗ vô sắc, thời không có tướng hư không. Nếu không có tướng thời không pháp, vì vậy nên hư không chỉ có danh mà không có thật. Các pháp cũng như thế, chỉ có giả danh mà không thật. Vì thế nên nói các Bồ-tát biết các pháp như hư không.

**5- Như tiếng vang:** Ở trong núi sâu, hang hẹp, khe cùng, mà có tiếng nói, tiếng đánh đập, từ tiếng đó mà có tiếng dội lại, gọi là tiếng vang. Kẻ vô trí cho là có tiếng người nói, người trí thì suy nghĩ tiếng đó không phải là tiếng người phát ra mà chỉ do tiếng xúc chạm nên có vang dội lại. Tiếng vang không thật mà có thể lừa dối lỗ tai. Như người khi sắp muốn nói thì trong miệng có gió tên là Ưu-đà-na, nó trở vào đến rún, xúc chạm rún có tiếng vang phát ra, khi tiếng vang phát ra xúc chạm bẫy chỗ rồi lui lại, ấy là ngôn ngữ, như kệ nói:

"Gió tên Ưu-đà-na  
Chạm rún rồi đi lên,  
Gió ấy chạm bẫy chỗ:  
Gáy, lợi răng, răng môi.  
Lưỡi, cổ họng và ngực,  
Trong ấy phát lời nói,  
Người ngu không hiểu thế,  
Mê đắm khởi sân si.



Người bậc trung có trí,  
Không sâu cũng không đắm,  
Cũng lại không ngu si,  
Chỉ tùy các pháp tướng.  
Cong, thẳng và co duỗi  
Đi, lại hiện ngữ ngôn,  
Đều không có tác giả,  
Việc ấy là huyễn ư?  
Hay là người gỗ máy,  
Hay là việc trong mộng,  
Hay bị bệnh nóng buồn,  
Có hay là không có?  
Việc ấy ai biết được?  
Người xương ấy gân buộc,  
Mà phát ra tiếng nói,  
Như vàng chảy xuống nước".

Vì thế nên nói các Bồ-tát biết các pháp như tiếng vang.

5- Như thành Càn-thát-bà: Khi mặt trời mới mọc, thấy các cửa thành, lầu gác, cung điện có người đi ra đi vào, mặt trời càng lên cao nó càng mất. Thành ấy chỉ có thể mắt trông thấy mà không có thật, ấy gọi là thành Càn-thát-bà. Có người từ trước chưa thấy thành Càn-thát-bà, sáng sớm nhìn hướng Đông thấy nó, ý cho là thật vui, chạy mau đến đó, càng gần càng mất, mặt trời càng lên cao nó càng mất. Lúc rất đói khát sàu muộn, thấy khí nóng bốc lên chạy nhảy như ngựa hoang, cho đó là nước, chạy mau đến đó càng gần càng mất, mệt nhọc cùng cực, khi đi đến trong hang hẹp núi cùng, cả kêu than khóc, nghe có tiếng dội lại cho là có cư dân, tìm kiếm hết sức mệt mà không thấy, suy nghĩ rồi tự ngộ, thời tâm mong ước thềm khát liền lặng dứt. Người vô trí cũng như thế, ở

trong âm, giới, nhập, không thật mà thấy tự ngã và các pháp, tâm đắm trước tham dâm, sân hận, chạy cuồng khắp nơi cầu vui tự mãn, điên đảo dối trá, cùng cực áo não. Nếu lấy trí tuệ biết không thật ngã không thật pháp, bấy giờ điên đảo mơ ước chấm dứt.

Lại nữa, thành Càn-thát-bà chẳng phải thành, tâm người tưởng là thành. Phàm phu cũng như vậy, chẳng phải thân tưởng là thân, chẳng phải tâm tưởng là tâm.

**Hỏi:** Một việc cũng đủ biết, sao dùng nhiều ví dụ làm gì?

**Đáp:** Trước tôi đã đáp, pháp Ma-ha-diễn như nước trong biển cả, nhiếp hết tất cả các pháp. Ma-ha-diễn có nhiều nhân duyên nên nêu nhiều ví dụ, không lỗi gì.

Lại nữa, Bồ-tát vì lợi trí sâu xa, đủ các pháp môn, các nhân duyên, các thí dụ, hoại diệt các pháp, vì người mà giả thuyết nên cần nhiều thí dụ.

Lại nữa, trong hết thảy pháp Thanh-văn, không có thí dụ thành Càn-thát-bà, chỉ có các thí dụ về vô thường như: Sắc như bọt nước, thọ như bóng nước, tướng như ngựa đồng, hành như cây chuối, thức như huyễn và thí dụ về Không trong kinh Huyền-Võng; vì thí dụ về thành Càn-thát-bà có khác nên nói trong đây.

**Hỏi:** Trong pháp Thanh-văn lấy thành thí dụ thân, sao trong đây nói thí dụ thành Càn-thát-bà?

**Đáp:** Trong pháp Thanh-văn, thành là để thí dụ cho các duyên là thật có, chỉ thành là giả danh; còn thành Càn-thát-bà, chính các duyên cũng không có, như vòng lửa quay chỉ mê hoặc mắt người. Trong pháp Thanh-văn, vì để phá vô ngã nên lấy thành thí dụ. Còn trong đây Bồ-tát lợi căn thâm nhập trong các pháp Không, nên lấy thành Càn-thát-bà để thí dụ; vì vậy nên nói như thành Càn-thát-bà.

**7- Như mộng:** Như trong mộng không có sự thật mà thấy có thật, khi thức dậy mới biết không, trở lại tự cười mình. Người cũng như vậy, ở trong sức ngủ của các kiết sử, thật không có mà vẫn ái trước, khi được đạo giác ngộ, mới biết là không thật, cũng lại tự cười mình; vì vậy nên nói như mộng.

Lại nữa, mộng là do sức ngủ, không có pháp mà thấy là có. Người cũng như vậy, do sức ngủ của vô minh, các thứ không có mà thấy có, nào là ngã, ngã sở, nam nữ v.v...

Lại nữa, trong mộng không có việc vui mừng mà mừng, không có việc giận mà giận, không có việc sợ mà sợ. Chúng sanh trong ba cõi cũng như vậy, vì sức

ngủ của vô minh nên không đáng giận mà giận, không đáng mừng mà mừng, không đáng sợ mà sợ.

Lại nữa, mộng có năm thứ: Trong thân không điều hòa, hoặc nhiệt khí nhiều, thời phần nhiều mộng thấy lửa, thấy sắc vàng, đỏ; hoặc lãnh khí nhiều, thời phần nhiều mộng thấy nước, thấy sắc trắng; hoặc phong khí nhiều, thời phần nhiều mộng thấy bay, thấy sắc đen; hoặc thường nhớ tưởng suy nghĩ những việc từng nghe thấy, thời hay mộng thấy việc ấy; hoặc do thiên Đế-thích muốn làm cho mộng để được khiến thấy việc vị lai. Năm thứ mộng ấy đều không có thật mà vọng thấy có. Người cũng như vậy, chúng sanh trong năm đường, vì nhân duyên của lực thân kiến nên thấy bốn thứ ngã: Sắc ấm là ngã, sắc là ngã sở, sắc ở trong ngã, ngã ở trong sắc. Giống như sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Bốn nhân năm thành hai mươi cách chấp ngã. Khi đắc đạo thật tri tuệ giác ngộ rồi, thời biết không thật.

**Hỏi:** Không nên nói mộng không có thật, vì sao? Thức tâm có đủ nhân duyên mới sanh, tâm thức trong mộng có các thứ duyên, nếu không có duyên ấy thì làm sao sanh thức?

**Đáp:** Không phải! Không thể thấy mà thấy; như trong mộng thấy người trên đầu có sừng, hoặc mộng thấy thân mình bay giữa hư không, nhưng người thật không có sừng, cũng không bay; thế nên không thật.

**Hỏi:** Thật có đầu người, ở nơi khác cũng thật có sừng, vì tâm mê lầm mà thấy trên đầu người có sừng. Thật có hư không, cũng thật có vật bay, vì tâm mê lầm mà tự thấy thân mình bay, chứ chẳng phải không thật?

**Đáp:** Tuy thật có người có đầu, tuy thật có sừng, nhưng thấy người trên đầu có mọc sừng, đó là vọng kiến.

**Hỏi:** Thế giới rộng lớn do nhân duyên đời trước mà có nhiều loại bất đồng, hoặc có thế giới khác, có người đầu mọc sừng, hoặc một tay một chân, có người cao một thước, có người cao chín thước, vậy người có sừng, có gì là kỳ quái?

**Đáp:** Nếu ở thế giới khác mà có sừng, có thể vậy, nhưng mộng thấy những người được biết ở thế giới này có sừng, thời không thể được.

Lại nữa, nếu có người mộng thấy ranh giới của hư không, của phương hướng, của thời gian; các việc ấy làm sao có thật? Vì chỗ nào lại không có hư không, không có phương hướng, không có thời gian? Vì vậy trong mộng không mà thấy có.

Trên kia ông vừa nói không có duyên làm sao sanh thức? Tuy không có duyên của năm trần, nhưng do niệm lực tư duy chuyển thành pháp duyên sanh. Hoặc người nghe nói có hai đầu, do lời nói đó mà sanh tưởng tượng. Trong mộng không mà thấy có cũng như thế. Các pháp cũng vậy, các pháp tuy không mà có thể thấy, có thể nghe, có thể biết, như kệ nói:

"Như mộng, như huyễn,  
Như Càn-thát-bà,  
Tất cả các pháp,  
Cũng lại như thế".

Vì vậy nên nói các Bồ-tát biết các pháp như mộng.

**8- Như ảnh:** Ảnh chỉ có thể thấy mà không thể nắm bắt. Các pháp cũng như vậy, nhãn căn v.v... thấy, nghe, giác tri, nhưng thật không có, như kệ nói:

"Ấy thật trí tuệ,  
Khắp nơi chẳng nắm,  
Như đồng lửa lớn,  
Cũng không thể đung,  
Pháp không thể thọ.  
Cũng không nên thọ".

Lại nữa, như ảnh, khi có ánh sáng dội thời hiện, không dội thời không có. Các phiền não kiết sử ngăn ánh sáng chánh kiến, thời có ảnh ngã tướng, pháp tướng hiện ra.

Lại nữa, như ảnh, người đi thời đi, người động thời động, người ở thời ở. Ảnh nghiệp thiện ác cũng như vậy, khi đời sau đi cũng đi, khi đời này ở cũng ở, quả báo không dứt; khi tội hay phước chín muồi thời hiện ra, như kệ nói:

"Giữa không cũng đi theo,  
Trong núi đá cũng theo,  
Dưới lòng đất cũng theo,

Trong biển nước cũng vào,

Nơi nơi thường theo dõi,

Nghiệp ảnh không lìa nhau".

Vì vậy nên nói các pháp như ảnh.

Lại nữa, như ảnh không thật mà tìm cầu thật, không được. Hết thấy pháp cũng như vậy, không, không thật có.

**Hỏi:** Ảnh không, không có thật, việc ấy không phải vậy, vì sao? Vì A-tỳ-đàm nói: "Thế nào gọi là sắc nhập? Xanh, vàng, đỏ, trắng, đen, xanh nhạt, tía, quang, minh, ảnh v.v... và ba thứ tác sắc nơi thân nghiệp; ấy gọi là sắc nhập có thể thấy", vì sao ông nói không?

Lại nữa, thật có ảnh, vì có nhân duyên. Nhân là cây, duyên là ánh sáng, hai việc ấy hợp lại có ảnh hiện ra, sao nói là không được? Nếu không có ảnh, các pháp do nhân duyên mà có cũng đều nên là không.

Lại nữa, ảnh ấy, sắc có thể thấy: dài, ngắn, lớn, nhỏ, thô, tế, cong, thẳng, hình động ảnh cũng động, sự ấy đều thấy rõ; vì thế cho nên có ảnh?

**Đáp:** Ảnh thật không, không có, ông cho rằng trong A-tỳ-đàm nói có, đó là người giải thích nghĩa A-tỳ-đàm nói như vậy; thuyết một thứ pháp môn, mà người không thể hội được ý ấy, nên chấp cho là thật. Như trong Tỳ-bà-sa có thuyết nói vi trần rất nhỏ, không thể phá, không thể đốt, ấy thời thường có. Lại có thuyết nói thật có pháp ở trong ba đời, từ trong vị lai ra đến hiện tại, từ hiện tại vào quá khứ, không bị mất, ấy thời là thường. Lại có thuyết nói các pháp hữu vi, sanh diệt đổi mới mãi không ngừng. Nếu như vậy, thời là tướng của đoạn diệt, vì sao? Vì trước có nay không. Như vậy đủ các thứ dị thuyết, trái ngược lời Phật, không thể dẫn lời ấy làm chứng.

Nay ảnh khác với sắc pháp, sắc pháp sanh ra tất cả hương, vị, xúc v.v... ảnh thời không vậy; ấy là chẳng phải có. Như bình, do hai căn biết được, là nhãn căn và thân căn; ảnh nếu có cũng phải do hai căn biết, nhưng mà không có chuyện đó. Vì thế ảnh chẳng phải là thật vậy, chỉ là pháp lừa dối con mắt. Như cầm que lửa quay nhanh thành vòng, vòng ấy chẳng phải thật. Nếu ảnh là vật có thật, thì lý đáng có thể phá, có thể diệt, nhưng nếu hình không diệt thì ảnh không bao giờ diệt, vì thế nên không.

Lại nữa, ảnh lệ thuộc hình, không tự tại nên không, tuy không mà tâm sanh mắt thấy; vì vậy nên nói các pháp như ảnh.

**9- Như bóng trong gương:** Như bóng trong gương, chẳng phải do gương làm ra, chẳng phải do mặt làm ra, chẳng phải do người cầm gương làm ra, cũng chẳng phải tự nhiên làm ra, cũng chẳng phải không nhân duyên.

Vì sao không phải do gương làm ra? Nếu mặt chưa soi đến, gương không có bóng; vì vậy nên không phải do gương làm ra.

Sao không phải do mặt làm ra? Vì không gương thời không có bóng.

Sao không phải do người cầm gương làm ra? Vì không gương, không mặt thời không có bóng.

Sao không phải tự nhiên làm ra? Nếu chưa có gương, chưa có mặt thời không có bóng, bóng phải đợi gương đợi mặt mới có, nên chẳng phải do tự nhiên làm ra.

Sao không phải không nhân duyên? Nếu không do nhân duyên thời phải thường có, nếu thường có, thì hoặc trừ gương trừ mặt ra, lý đáng có mặt xuất hiện; vì vậy nên chẳng phải không nhân duyên.

Các pháp cũng như vậy, chẳng phải tự nhiên tác, chẳng phải tha tác, chẳng phải cộng tác, chẳng phải không nhân duyên.

Thế nào là chẳng phải tự tác? Vì ngã là bất khả đắc, vì hết thấy pháp do nhân duyên sanh, không được tự tại; vì các pháp đều thuộc nhân duyên nên chẳng phải tự tác.

Sao chẳng phải là tha tác? Vì tự đã không có thì tha cũng không, nếu là tha tác thời mất hiệu lực của tội phước. Tha tác có hai thứ, hoặc thiện hoặc bất thiện. Nếu thiện thì lẽ nên cho tất cả đều vui, nếu bất thiện thì lẽ nên cho tất cả đều khổ; nếu khổ lạc lẫn lộn, thì vì nhân duyên gì mà cho lạc, vì nhân duyên gì mà cho khổ. Nếu cả hai cùng tạo thì có hai lỗi là tự và tha. Nếu không có nhân duyên sanh khổ vui, thì người lẽ nên thường vui, lìa hết thấy khổ. Nếu không có nhân duyên thì người không nên tạo nhân vui, trừ nhân khổ. Hết thấy các pháp quyết chắc có nhân duyên, vì ngu si nên không biết. Ví như người từ nơi cây tìm lửa, từ nơi đất tìm nước, từ nơi quạt tìm gió, các loại như vậy đều có nhân duyên. Khổ lạc ấy do nhân duyên hòa hợp sanh. Nghiệp đời trước là nhân, đời nay hành động tốt, hoặc hành động tà vạy là duyên, từ đó mà có khổ vui. Các

nhân duyên khổ lạc ấy, muốn tìm cái thật, thì không có người làm, không có người chịu. Là không, nhưng năm ấm làm ra, là không, nhưng năm ấm chịu. Người vô trí được vui thì tâm tham dâm, ái trước, bị khổ thì sanh sân nhuế. Khi vui ấy diệt, lại muốn tìm cho được. Như trẻ con thấy bóng trong gương, tâm vui mừng ái trước, bóng mất thì đập gương mà tìm; người trí chê cười. Mất vui lại cầu, cũng như vậy, cũng bị Thánh nhân đắc đạo chê cười; vì vậy nên nói các pháp như bóng trong gương.

Lại nữa, bóng trong gương thật không, không sanh không diệt, lừa dối mắt người. Hết thấy các pháp cũng như vậy, là không, không thật, không sanh không diệt, lừa dối con mắt kẻ phàm phu.

**Hỏi:** Bóng trong gương từ nhân duyên mà có: Có mặt, có gương, có người cầm gương, có ánh sáng, các sự ấy hòa hợp mà có bóng. Nhân bóng ấy mà sanh lo, mừng, cũng làm nhân, cũng làm quả rõ ràng, cứ sao nói thật không, không sanh không diệt?

**Đáp:** Pháp từ nhân duyên sanh, không được tự tại, nên không. Nếu pháp thật có thì không nên từ nhân duyên sanh, vì sao? Nếu trong nhân duyên, trước đã có pháp, thì nhân duyên thành vô dụng, nếu trong nhân duyên, trước không có pháp, thì nhân duyên cũng thành vô dụng. Thí như trong sữa, nếu trước đã có lạc (kem) thì sữa không phải là nhân duyên của lạc, vì lạc đã có trước. Nếu trước không có lạc, như trong nước không có lạc, thì sữa ấy cũng không phải là nhân của lạc. Nếu không nhân mà có lạc, sao trong nước không sanh lạc? Nếu sữa là nhân duyên của lạc, sữa cũng không tự tại, nó cũng từ nhân duyên sanh. Sữa từ bò mà có, bò từ cỏ, nước mà có, như thế, không có giới hạn, đều có nhân duyên. Vì vậy, quả của trong nhân duyên không được nói là có, không được nói là không, không được nói là vừa có vừa không, không được nói là chẳng có chẳng không. Các pháp từ nhân duyên sanh, không tự tánh, như bóng trong gương, như kệ nói:

"Nếu pháp nhân duyên sanh,

Pháp ấy, tánh thật không,

Nếu pháp ấy chẳng không,

Không từ nhân duyên có.

Thí như bóng trong gương,

Chẳng gương cũng chẳng mặt,  
Cũng chẳng người cầm gương,  
Chẳng tư, chẳng vô nhân.  
Chẳng có cũng chẳng không,  
Cũng lại chẳng có không.  
Lời ấy cũng không nhận,  
Như vậy là Trung đạo.

Vì vậy nên nói các pháp như bóng trong gương.

**10- Như hóa:** Mười bốn tâm biến hóa: Sơ thiên có hai là Dục giới và Sơ thiên; Nhị thiên có ba là Dục giới, Sơ thiên và Nhị thiên; Tam thiên có bốn là Dục giới, Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên; Tứ thiên có năm là Dục giới, Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên. Ấy là mười bốn tâm biến hóa làm thành tám thứ biến hóa: 1- Có thể làm nhỏ cho đến vi trần; 2- Có thể làm lớn cho đến khắp đầy hư không; 3- Có thể làm nhẹ cho đến như lông hồng; 4- Có thể tự tại, lớn làm nhỏ, dài làm ngắn, đủ thứ như vậy; 5- Có chủ lực; 6- Có thể đi đến xa; 7- Có thể chuyển động đất; 8- Tùy ý muốn đều làm được, một thân có thể thành nhiều thân, nhiều thân có thể làm một, đi qua vách đá, đi trên nước, đạp hư không, tay sờ mặt trăng mặt trời; có thể chuyển tứ đại, đất thành nước, nước thành đất, lửa thành gió, gió thành lửa, đá thành vàng, vàng thành đá. Sự biến hóa ấy lại có bốn thứ: 1- Các cây thuốc, bảo vật ở dục giới do huyền thuật có thể biến hóa ra các vật. 2- Các người có thần thông có thể biến hóa ra các vật. 3- Trời, rồng, quỷ thần được năng lực của sanh báo có thể biến hóa ra các vật. 4- Sanh báo ở cõi Sắc, do năng lực tu định có thể biến hóa ra các vật. Như người biến hóa, không có sanh, già, bệnh, chết, không khổ, không vui, khác với người thường vì vậy nên không, không thật. Hết thầy pháp cũng như vậy, đều không sanh, trụ, diệt; vì vậy nên nói các pháp như biến hóa. Lại nữa, vật biến hóa trước không có nhất định, chỉ do tâm sanh, bèn có tạo tác, đều không có thật. Nhân thân cũng như vậy, vốn không sở nhân, chỉ từ tâm đời trước sanh thân đời nay, đều không có thật; vì vậy nên nói các pháp như biến hóa. Nếu như tâm biến hóa diệt, thời vật biến hóa cũng diệt. Các pháp cũng như vậy, nhân duyên diệt thời quả cũng diệt, không tự tại. Như sự biến hóa, tuy thật không mà có thể khiến chúng sanh sanh ưu khổ, sân nhuế, hỷ lạc, si hoặc. Các pháp cũng như vậy, tuy không, không thật, vẫn có thể



khiến chúng sanh khởi tâm hoan hỷ, sân nhuế, ưu khổ v.v... vì vậy nên nói các pháp như biến hóa.

Lại nữa, như pháp từ biến hóa sanh, không đoạn đầu, đoạn giữa, đoạn cuối. Các pháp cũng như vậy, như biến hóa, khi sanh không từ đâu đến, khi diệt không đi về đâu; các pháp cũng như vậy.

Lại nữa, như tướng biến hóa, thanh tịnh như hư không, không bị nhiễm trước, không bị tội phước làm bẩn. Các pháp cũng như vậy, như pháp tánh như như, như thật tế, tự nhiên thường tịnh, thí như bốn sông lớn của Diêm-phù-đề, một sông có năm trăm sông nhỏ phụ thuộc, nước trong ấy đủ thứ bất tịnh, nhưng khi chảy vào biển, tất cả đều thanh tịnh.

**Hỏi:** Không thể nói sự biến hóa là không, vì sao? Tâm biến hóa cũng từ tự định mà đắc, từ tâm ấy làm ra các biến hóa, hoặc người hoặc pháp. Sự biến hóa đó có nhân có quả, tại sao không?

**Đáp:** Như đã đáp ở đoạn nói về ảnh, đây sẽ đáp thêm. Nhân duyên ấy, tuy có mà quả biến hóa thì không, như miệng nói "không có gì cả", tuy có tâm sanh miệng nói, song không thể vì có tâm có miệng mà câu nói "không có gì cả" bèn là có. Hoặc nói có đầu thứ hai, tay thứ ba, tuy từ tâm sanh miệng nói, song không thể vì thế mà nói có đầu, có tay ấy thật. Như Phật thuyết: "Quán vô sanh, từ hữu sanh mà được giải thoát, nương vô vi, từ hữu vi mà được giải thoát". Tuy quán pháp vô sanh là không, nhưng nó có thể làm nhân duyên, vô vi cũng vậy. Biến hóa tuy không, cũng có thể làm nhân duyên mà sanh tâm. Cũng như huyễn, rắng nắng v.v... chín thí dụ tuy không mà có thể sanh các tâm. Lại nữa, sự biến hóa không thể tìm thấy trong sáu nhân bốn duyên. Không tương ứng với trong sáu nhân bốn duyên ấy nên không.

Lại nữa, không, không phải vì không thấy nên không, mà vì nó không có thật dụng nên nói không. Vì vậy nên nói các pháp như biến hóa.

**Hỏi:** Nếu các pháp đều không như mười thí dụ, vì sao chỉ lấy mười sự làm thí dụ, không lấy núi, sông, vách, đá làm thí dụ?

**Đáp:** Các pháp tuy không mà có phân biệt. Có thứ không khó hiểu, có thứ không dễ hiểu. Nay lấy thứ không dễ hiểu để thí dụ cho thứ không khó hiểu.

Lại nữa, các pháp có hai thứ: Có chỗ tâm đắm trước, có chỗ tâm không đắm trước. Nay lấy chỗ tâm không đắm trước để giải chỗ tâm đắm trước.

**Hỏi:** Sao mười thí dụ ấy là chỗ tâm không đắm trước?

**Đáp:** Mười thí dụ ấy không trường cửu, dễ sanh dễ diệt; vì vậy là chỗ tâm không đắm trước.

Lại nữa, có người chỉ biết mười thí dụ, là pháp lừa dối tai mắt mà không biết các pháp đều không, nên lấy nó để làm thí dụ các pháp. Nếu có người đối với mười thí dụ sanh tâm đắm trước, không hiểu rõ các thứ nạn luận, cho đó là có, thì mười thí dụ ấy thành vô dụng, tất lại phải nói các pháp môn khác.

**Hỏi:** Nếu các pháp đều không, chẳng sanh chẳng diệt, mười thí dụ ấy v.v... và các thí dụ, các nhân duyên, luận nghị, tôi đều đã biết là không. Nếu các pháp đều không, thì không nên nói thí dụ; nếu nói thí dụ, ấy chẳng là không?

**Đáp:** Tôi nói không là để phá các pháp hữu. Nay những lời ấy nói ra ấy nếu rằng có, thì trước đây đã phá; nếu là không, thì không nên nạn. Cũng như vị Tỳ-kheo chấp sự đưa tay lên xướng: "Đại chúng tất cả im lặng". Ấy là dùng lấy tiếng ngăn tiếng, chẳng phải tìm tiếng. Vì vậy, tuy nói các pháp không, chẳng sanh chẳng diệt, là vì thương xót chúng sanh, tuy nói, mà chẳng phải có; vì vậy nên nói các pháp như biến hóa.

**KINH:** Được vô ngại, không sợ hãi.

**LUẬN:** Trong các nhân duyên, năm ấm, mười tám giới, mười hai nhập, tâm vô ngại, vô tận, vô diệt, ấy là vô ngại không sợ hãi.

**Hỏi:** Như trước nói các Bồ-tát ở giữa vô lượng chúng không sợ hãi, nay vì sao lại nói vô ngại không sợ hãi?

**Đáp:** Trước nói nhân duyên không sợ hãi, nay nói quả không sợ hãi. Ở giữa đại chúng cho đến chúng Bồ-tát nói pháp không cùng tận, luận nghị không dứt, tâm không nghi nan; vì đã được vô ngại, không sợ hãi.

Lại nữa, như trước nói ở giữa vô lượng chúng không sợ hãi, mà không biết do lực gì nên không sợ hãi; vì vậy nên lại nói tiếp không sợ hãi là do được lực vô ngại.

**Hỏi:** Nếu các Bồ-tát cũng có vô ngại, không sợ hãi, vậy Phật với Bồ-tát có gì khác?

**Đáp:** Như tôi nói ở trước, các Bồ-tát tự có lực không sợ hãi, nên ở giữa các pháp không sợ hãi, chứ không phải ở giữa Phật không sợ hãi.

Lại nữa, pháp vô ngại có hai thứ: Một là khắp mọi nơi, hai là không khắp mọi nơi. Như vào một kinh thư cho đến vào trăm ngàn kinh thư vô ngại, hoặc vào trong một chúng, hoặc vào trong trăm ngàn chúng không sợ hãi. Các Bồ-tát cũng như vậy, ở trong trí tuệ vô ngại, chứ không phải ở trong trí tuệ Phật. Như lúc Phật giảng chiếc bát giữa hư không, năm trăm ngàn A-la-hán và Di-lặc các Bồ-tát đều không lấy được. Các Bồ-tát cũng như vậy, trong tự lực thì vô ngại, mà trong trí tuệ của Phật thì có ngại, vì vậy nên nói các Bồ-tát được vô ngại, không sợ hãi.

**KINH:** Khắp biết tâm hành chúng sanh đi về đâu, dùng trí vi diệu mà độ thoát.

**LUẬN:** **Hỏi:** Thế nào khắp biết tâm hành chúng sanh?

**Đáp:** Biết tâm chúng sanh đi đến nơi nào trong các pháp, như ánh sáng mặt trời khắp chiếu, Bồ-tát khắp biết chỗ xu hướng của tâm hành chúng sanh mà giáo hoá, rằng hết thảy chúng sanh xu hướng có hai, một là tâm thường đi tìm vui, hai là trí tuệ phân biệt, biết được tốt xấu. Người chớ đi theo tâm ái trước, mà nên đi theo trí tuệ, nên tự trách tâm mình: "Người vô số kiếp lại đây, nhóm các nghiệp tạp nhiễm, không biết nhàm đủ, mà chỉ dong ruổi theo khoái lạc thế gian, không biết là khổ. Người không thấy thế gian khoái lạc mà gây ra hoạn khổ, thọ sanh trong năm đường, đều do tâm tạo, đâu phải ai khiến vậy. Người như Voi cuồng, dẫm đạp tàn hại, không bị câu ché, ai điều phục người. Nếu được điều phục hay, thời xa lìa hoạn khổ ở đời. Nên biết ở trong thai bất tịnh, khổ ách giống như địa ngục. Đã sanh ra ở đời, già, bệnh, chết, khổ, ưu bi muôn mối. Nếu sanh lên trời, sẽ bị đọa lạc trở lại. Ba cõi không an, người vì sao mà vui đắm?" Quở trách tâm mình như thế, thì không chạy theo người, ấy là Bồ-tát biết tâm hành của chúng sanh.

**Hỏi:** Thế nào gọi là dùng trí tuệ vi diệu mà độ thoát? Trong đây thế nào gọi là trí tuệ vi diệu? Thế nào gọi trí tuệ thô thiển?

**Đáp:** Xảo tuệ của thế gian, ấy gọi là trí tuệ thô thiển. Thực hành bố thí, trí giới, thiền định, gọi là trí tuệ vi diệu.

Lại nữa, trí của thi và giới là trí tuệ thô thiển; trí của thiền định gọi là trí tuệ vi diệu. Lại nữa, trí của thiền định là trí tuệ thô thiển; trí của thiền không y ý gọi là trí tuệ vi diệu. Lại nữa, thủ của các pháp tướng là trí tuệ thô thiển; đối với các pháp tướng không thủ không xả, gọi là trí tuệ vi diệu. Lại nữa, phá vô minh các phiền não, được các pháp tướng, ấy là trí tuệ thô thiển; nhập vào như pháp tướng, cũng như chơn kim không tổn không mất, cũng như Kim-cương không

phá không hoại, lại như hư không không nhiễm không trước, ấy gọi là trí tuệ vi diệu. Vô lượng trí tuệ như vậy, các Bồ-tát tự được, lại giáo hoá chúng sanh; vì vậy nên nói các Bồ-tát biết chỗ đến của tâm hành chúng sanh, dùng trí tuệ vi diệu mà độ thoát.

**KINH:** Ý không quái ngại.

**LUẬN:** Thế nào là ý không quái ngại? Bồ-tát đối tất cả người oán, thân, phi oán phi thân, tâm bình đẳng không ngăn ngại.

Lại nữa, hết thảy chúng sanh trong thế giới nếu đến xâm hại, tâm không oán hận, hoặc cung kính đủ thứ, cũng không vui mừng, như kệ nói:

"Đối Phật Bồ-tát,  
Tâm không ái trước,  
Ngoại đạo, ác nhân,  
Tâm không ghét, giận".

Tâm thanh tịnh như vậy, gọi là ý không quái ngại. Lại nữa, tâm đối với các pháp vô ngại.

**Hỏi:** Bồ-tát ấy chưa được Phật đạo, chưa được Nhất thiết trí, sao đối với các pháp tâm vô ngại?

**Đáp:** Vì Bồ-tát được vô lượng trí tuệ thanh tịnh nên đối với các pháp, tâm vô ngại.

**Hỏi:** Chư Bồ-tát vì chưa được Phật đạo không nên có vô lượng trí; vì còn kiết sử dư tàn không nên có thanh tịnh trí?

**Đáp:** Các Bồ-tát ấy không phải là nhục thân kiết nghiệp trong tam giới, mà đều là được pháp thân tự tại, qua khỏi già, bệnh, chết; vì thương chúng sanh nên Bồ-tát đi trong tam giới; vì trang nghiêm Phật độ, giáo hoá chúng sanh, đã được tự tại, muốn thành Phật thì được thành.

**Hỏi:** Như pháp thân Bồ-tát thì cùng với Phật không khác, thế sao còn gọi là Bồ-tát, sao còn lễ Phật nghe Pháp? Nếu cùng với Phật có khác, sao lại có vô lượng thanh tịnh trí?

**Đáp:** Bồ-tát ấy tuy pháp thân không già, bệnh, chết; hơi khác với Phật. Cũng như trăng mười bốn, mọi người sanh nghi cho hoặc tròn hoặc không tròn. Bồ-tát cũng như vậy, tuy có thể thành Phật, có thể thuyết pháp, nhưng chưa thật thành Phật; Phật như trăng rằm tròn đầy, chắc chắn không nghi.

Lại nữa, vô lượng thanh tịnh có hai: Một là thật có lượng nhưng đối với người vì không thể lường được, mà gọi là vô lượng; cũng như nước biển, như cát sông Hằng v.v... Vì người không thể lường được, mà gọi là vô lượng, chứ đối với chư Phật Bồ-tát thì chẳng phải vô lượng. Vô lượng thanh tịnh trí của Bồ-tát cũng lại như vậy, đối với hàng trời, người, Thanh-văn và Bích-chi Phật, vì họ không thể lường được, mà gọi là vô lượng trí. Lúc Bồ-tát được Vô sanh trí, đoạn hết các kiết sử, được trí thanh tịnh.

**Hỏi:** Nếu bấy giờ đã đoạn hết các kiết sử, thì khi thành Phật còn đoạn gì?

**Đáp:** Thanh tịnh ấy có hai: Một là lúc thành Phật, các kiết sử sạch hết, được thanh tịnh thật. Hai là lúc Bồ-tát xả nhục thân pháp thân, đoạn các kiết sử được thanh tịnh. Cũng như một ngọn đèn có thể trừ được bóng tối, được có các sự làm lụng; lại có ngọn đèn lớn hơn, càng sáng tỏ gấp bội. Phật và Bồ-tát đoạn các kiết sử cũng như vậy. Kiết sử được đoạn của Bồ-tát tuy được gọi là đã đoạn, nhưng so với kiết sử được đoạn của Phật, còn chưa sạch hết. Ấy gọi là do được vô lượng thanh tịnh trí nên đối với các pháp ý không quái ngại.

**KINH:** Thành tựu đại nhẫn.

**LUẬN: Hỏi:** Trước đã nói đẳng nhẫn, pháp nhẫn, nay sao lại nói thành tựu đại nhẫn?

**Đáp:** Hai nhẫn ấy tăng trưởng gọi là đại nhẫn.

Lại nữa, đẳng nhẫn ở giữa chúng sanh hết thấy đều nhẫn được, còn nhu thuận pháp nhẫn, là đối với pháp thâm diệu nhẫn được. Hai nhẫn này tăng trưởng, tác chứng được vô sanh nhẫn. Nhục thân tối hậu thấy được khắp mười phương chư Phật đang hóa hiện ở trước mắt, hoặc đang ngồi giữa hư không, ấy gọi là thành tựu đại nhẫn. Cũng như trong pháp Thanh-văn, Noãn pháp tăng trưởng gọi là Đảnh pháp; Đảnh pháp tăng trưởng gọi là Nhẫn pháp, mà không phải còn có pháp khác tăng trưởng làm khác đi. Đẳng nhẫn, Đại nhẫn cũng như vậy.

Lại nữa, có hai thứ nhẫn là: Sanh nhẫn, Pháp nhẫn. Sanh nhẫn là nhẫn đối với chúng sanh, như hàng hà sa khắp chúng sanh đem đủ thứ ác gia hại mà tâm không sân hận; dù cung kính cúng dường đủ thứ mà tâm cũng không hoan hỷ.

Lại nữa, quán chúng sanh không có ban đầu. Nếu có ban đầu thì không có nhân duyên, nếu có nhân duyên thì không có ban đầu. Nếu không ban đầu thì cũng nên không có sau rốt, vì sao? Vì ban đầu và rốt sau đối đãi. Nếu không ban đầu, không rốt sau thì cũng không chặng giữa. Lúc quán như vậy, không rơi vào nhị biên đoạn thường. Dùng đạo an ổn quán chúng sanh, không sanh tà kiến, ấy gọi là Sanh nhẫn. Trong pháp thậm thâm, tâm không quán ngại, ấy gọi là Pháp nhẫn.

**Hỏi:** Thế nào là Pháp thậm thâm?

**Đáp:** Như trước đã nói trong mục thậm thâm Pháp nhẫn.

Lại nữa, Pháp thậm thâm là trong Mười hai nhân duyên triển chuyển sanh quả, trong nhân không phải có quả, cũng không phải không quả. Từ trong ấy mà ra gọi là Pháp thậm thâm.

Lại nữa, vào ba môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô tác, thời được Niết-bàn thường lạc, nên gọi là Pháp thậm thâm.

Lại nữa, quán hết thủy pháp phi không bất không, phi hữu tướng, phi vô tướng, phi hữu tác, phi vô tác. Trong khi quán như vậy, tâm cũng không dính, ấy gọi là Pháp thậm thâm, như kệ nói:

"Pháp nhân duyên sanh,

Gọi là Không tướng,

Cũng gọi giả danh,

Cũng gọi Trung đạo.

Nếu pháp thật có,

Không thể lại không.

Trước có nay không,

Ấy gọi là đoạn.

Chẳng thường, chẳng đoạn,

Cũng chẳng có không,

Tâm thức đều diệt,

Ngôn ngữ cũng dứt".

Đối với pháp sâu xa ấy, tín tâm vô ngại, không hỏi không mất, ấy gọi là thành tựu Đại nhẫn.

**KINH:** Như thật khéo độ.

**LUẬN:** Có pháp ngoại đạo, tuy độ chúng sanh nhưng không phải là như thật độ, vì sao? Vì còn các thứ tà kiến kiết sử. Nhị thừa tuy có chở độ, nhưng không đúng như chỗ nên độ, vì sao? Vì không có Nhất thiết trí, tâm phương tiện mông, chỉ có Bồ-tát mới như thật khéo độ. Cũng như người khéo đưa qua sông: Với người này thì dùng phao nổi, bè cỏ đưa qua; với người kia thì dùng thuyền vuông đưa qua. Cả hai cách cùng đưa qua mà khác biệt. Bồ-tát khéo độ chúng sanh cũng như vậy.

Lại nữa, thí như trị bệnh, thuốc đắng, chích đốt mà bệnh được lành; còn như có thứ thuốc thần diệu tên là Tô-đà-phiến-đà, mắt người bệnh trông thấy thì các bệnh tật đều lành. Hai cách trị bệnh đồng nhau, mà phương pháp hơn kém khác nhau. Thanh-văn và Bồ-tát giáo hóa độ người cũng như vậy, khổ hạnh đầu đà, đầu đêm, giữa đêm, cuối đêm, tâm siêng tọa thiền, quán khổ mà đắc đạo, đó là lối giáo hóa của Thanh-văn; còn các pháp tướng không trói không mở, tâm được thanh tịnh, đó là lối giáo hóa của Bồ-tát.

Như trong Văn-thù-sư-lợi Bản duyên (Manj 50; sryavadana), Văn-thù-sư-lợi bạch Phật: "Bạch Đại đức Thế Tôn! Xưa con trong đời trước đã trải qua vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, bấy giờ có Phật hiệu là Sư-tử-âm-vương, Phật và chúng sanh sống lâu mười vạn ức na-do-tha tuổi, Phật đem Tam thừa giáo mà độ chúng sanh. Nước tên là Thiên-quang-minh, các cây trong nước ấy đều do bảy báu tạo thành. Cây phát ra vô lượng pháp âm thanh tịnh, là pháp âm Không, Vô tướng, Vô tác, bất sanh, bất diệt, vô sở hữu. Chúng sanh nghe được, thời tâm bừng sáng, đắc đạo. Bấy giờ đức Phật Sư-tử-âm-vương trong hội thuyết pháp đầu, có chín mươi chín ức người đắc A-la-hán đạo, chúng Bồ-tát cũng như vậy. Các Bồ-tát ấy, tất cả đều được Vô sanh Pháp nhẫn, vào chủng chủng pháp môn, thấy vô lượng chư Phật, cung kính cúng dường và độ vô lượng vô số chúng sanh, được vô lượng Đà-la-ni môn, vô lượng chủng chủng tam muội. Còn hàng Bồ-tát sơ phát tâm mới vào đạo số không kể xiết. Quốc độ của đức Phật ấy trang nghiêm vô lượng, không thể nói hết. Lúc Phật giáo hóa đã xong, thời vào Vô-dư Niết-bàn. Chánh pháp trụ sáu vạn năm. Pháp âm của các cây cũng

không còn phát ra lại. Bây giờ có hai Tỷ-kheo Bồ-tát, một vị tên là Hỷ-căn (Prasannendriya), và một vị tên là Thắng-ý (Agramati)".

Hỷ-căn Pháp sư ấy, dung nghi chất trực, không bỏ thế pháp, cũng không phân biệt thiện ác. Đệ tử của Hỷ-căn thông minh ưa pháp, ưa nghe thâm nghĩa. Pháp sư ấy không khen ngợi thiếu dục tri túc, không khen ngợi giới hạnh đầu đà, chỉ thuyết thật tướng thanh tịnh của các pháp. Ngài bảo các đệ tử: "Hết thầy các pháp, tướng dâm dục, tướng sân nhuế, tướng ngu si, các pháp tướng ấy tức là thật tướng các pháp, không bị ngăn ngại". Dùng phương tiện ấy, dạy các đệ tử nhập vào "Nhất thiết trí".

Lúc ấy các đệ tử, đối với mọi người không sân không hối, tâm không hối tiếc nên được sanh nhĩn, được sanh nhĩn nên được pháp nhĩn. Ở trong thật pháp, tâm như núi Tu-di không lay động.

Thắng-ý Pháp sư, giữ giới thanh tịnh, thực hành hai hạnh đầu đà, được bốn Thiên và bốn Vô sắc định. Các đệ tử của Thắng-ý, căn ám độn, nhiều tham cầu, vì phân biệt tịnh và bất tịnh, tâm luôn động chuyển.

Một lúc nọ, Thắng-ý đi vào làng, đến nhà đệ tử của Hỷ-căn, ngồi vào chỗ ngồi, khen ngợi sự trì giới, thiếu dục, tri túc, thực hành hạnh đầu đà, Thiên định ở chỗ vắng, rồi chê bai Hỷ-căn rằng: "Người ấy thuyết pháp dạy người đi vào tà kiến, nói rằng dâm dục, sân nhuế, ngu si là tướng không ngăn ngại, ấy là người tu hành hỗn tạp, chẳng phải thuần thanh tịnh". Đệ tử của Hỷ-căn là người lợi căn đắc Pháp nhĩn, hỏi lại Thắng-ý rằng: "Thưa Đại đức, pháp dâm dục ấy là tướng gì?"

- Dâm dục là tướng phiền não.
- Dâm dục phiền não ở trong hay ở ngoài?
- Dâm dục phiền não không ở trong không ở ngoài; vì nếu ở trong thì không cần đợi nhân duyên bên ngoài mới sinh, nếu ở ngoài thì đối với ta vô sự, không làm não ta được.

Cư sĩ nói: Nếu dâm dục phiền não chẳng phải ở trong chẳng phải ở ngoài; chẳng phải từ Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn hướng, trên, dưới đến; tìm khắp không thấy thật tướng của nó, pháp ấy tức bất sanh bất diệt, nếu không sanh diệt, không, không có gì, làm sao gây ra phiền não được?



Thắng-ý nghe lời ấy tâm không vui, không đáp lại được, từ chỗ ngồi đứng dậy, nói như vậy: "Hỷ-căn phần nhiều dối gạt mọi người đắm trong đường tà".

Thắng-ý Bồ-tát ấy chưa học âm thanh Đà-la-ni, nghe Phật thuyết thì hoan hỷ, nghe ngoại đạo thuyết thì sân hận, nghe ba bất thiện căn thời không vui vẻ, nghe ba thiện căn thời rất hoan hỷ, nghe nói sanh tử thời lo, nghe nói Niết-bàn thời mừng. Rồi từ nhà cư sĩ, Thắng-ý đi đến rừng cây, vào trong tinh xá, nói với các Tỷ-kheo: "Nên biết Hỷ-căn Bồ-tát hư dối, phần nhiều khiến người ta vào trong tà ác, vì sao? Vì kia nói tướng dâm, nộ, si và hết thầy các pháp đều là tướng vô ngại".

Khi ấy, Hỷ-căn suy nghĩ: "Người này quá sân, vì ác nghiệp che lấp, sẽ đọa tội lớn. Ta nay sẽ vì ông ấy nói pháp sâu xa, dấu đời nay không được gì, cũng làm nhân duyên cho Phật đạo ở đời sau".

Khi ấy, Hỷ-căn họp Tăng, nhất tâm nói kệ:

"Dâm dục tức là đạo,

Sân si cũng như vậy,

Trong ba sự như thế,

Vô lượng chư Phật đạo.

Nếu có người phân biệt,

Dâm, nộ, si là đạo,

Người ấy cách xa Phật,

Thí như Trời với đất.

Đạo và dâm, nộ, si.

Là một pháp bình đẳng,

Nếu ai nghe sợ hãi,

Cách Phật đạo rất xa.

Dâm pháp bất sinh diệt,

Không thể khiến tâm nã,

Nếu ai chấp tự ngã,  
Dâm đưa vào ác đạo.  
Thấy pháp có khác không,  
Là chẳng lìa có, không.  
Nếu rõ có là không,  
Siêu thắng thành Phật đạo".

Lúc nói hơn bảy mươi bài kệ như vậy, ba vạn Thiên tử được Vô sanh Pháp nhẫn, một vạn tám ngàn Thanh-văn, không ái trước hết thấy các pháp đều được giải thoát.

Khi ấy, Thắng-ý Bồ-tát, thân liền rơi vào địa ngục, thọ khổ vô lượng ngàn vạn ức năm, khi được ra khỏi địa ngục sanh trong loài người, bị bài báng bảy mươi bốn vạn năm, trải qua trong vô lượng kiếp không nghe được tiếng Phật. Và khi tội ấy mỏng dần, vị ấy dần nghe được Phật pháp, dần có nghe được Phật pháp, xuất gia học đạo vẫn trở lại xả giới, thường xả giới như vậy sáu vạn hai ngàn đời, được làm Sa-môn trong vô lượng đời, tuy không xả giới nhưng các căn ám độn.

Hỷ-căn Bồ-tát hiện làm Phật ở quá mười vạn ức Phật độ về phía Đông, Quốc độ kia hiệu là Bảo Nghiêm, Phật hiệu là Quang Du Phật Minh Vương. Thắng-ý Tỳ-kheo lúc ấy là thân con hôm nay. Con quán sát bấy giờ phải thọ vô lượng khổ ấy". Văn-thù-sư-lợi lại bạch Phật: "Nếu có người cầu Tam thừa đạo, không muốn thọ các khổ, thì không nên phá các pháp tướng mà ôm lòng sân nhuế". Phật hỏi Văn-thù: "Ông nghe các bài kệ được lợi ích gì?" Đáp: "Con nghe các bài kệ, được dứt hết các khổ, đời đời được lợi căn trí tuệ, hiểu pháp sâu xa, khéo thuyết nghĩa sâu xa, là bậc nhất ở giữa chư Bồ-tát".

Như vậy, gọi là khéo thuyết các pháp tướng, ấy gọi là như thật khéo nói.

(Hết cuốn 6 theo bản Hán)

--o0o --

## Cuốn 7

### Chương 11

#### GIẢI THÍCH: PHẬT THẾ GIỚI NGUYỆN

**KINH:** Nguyện lãnh thọ vô lượng thế giới của chư Phật.

**LUẬN:** Các Bồ-tát thấy các thế giới của các chư Phật độ trang nghiêm vô lượng, phát các lời nguyện: Có thế giới Phật hoàn toàn không có các khổ, cho đến không có tên ba đường ác. Bồ-tát thấy rồi tự phát nguyện: "Khi ta thành Phật, thế giới ta không có các khổ, cho đến không có ba đường ác, cũng sẽ như vậy".

Có thế giới Phật trang nghiêm bằng bảy báu, ngày đêm thường có ánh sáng thanh tịnh, mặc dầu không có mặt trời mặt trăng. Bồ-tát bèn phát nguyện: "Khi ta thành Phật, thế giới ta thường có ánh sáng thanh tịnh cũng sẽ như vậy".

Có thế giới Phật, hết thầy chúng sanh đều thực hành mười thiện, có đại trí tuệ, y phục ẩm thực nghĩ đến liền có, bèn phát nguyện: "Khi ta thành Phật, chúng sanh trong Quốc độ ta, y phục ẩm thực cũng sẽ như vậy".

Có thế giới Phật thuần các vị Bồ-tát, sắc thân như Phật, với ba mươi hai tướng tốt quang minh chiếu suốt, cho đến không có tên Thanh-văn, Bích-chi Phật, cũng không có nữ nhân. Hết thầy đều thực hành Phật đạo thâm diệu, du hành đến mười phương giáo hóa hết thầy, rồi phát nguyện: "Khi ta thành Phật, chúng sanh trong Quốc độ ta cũng sẽ như vậy".

Như vậy v.v... vô lượng Phật thế giới đủ thứ trang nghiêm, Bồ-tát nguyện đều được cả; vì vậy nên gọi là nguyện thọ vô lượng thế giới Phật.

**Hỏi:** Các Bồ-tát hạnh nghiệp thanh tịnh, thì tự được quả báo thanh tịnh, vì sao cần phải lập nguyện rồi sau mới được? Cũng như nhà nông được lúa, há lại chờ ước nguyện?

**Đáp:** Làm phước mà không có ước nguyện thì không có mục tiêu, vì có nguyện dẫn lối mới thành tựu được, cũng như vàng nấu chảy, tùy theo thợ làm vàng không nhất định. Như Phật dạy: Có một người tu được một ít phước bố thí, một ít phước trì giới, mà không biết pháp Thiên định, thế nhưng khi nghe nói trong loài người có kẻ giàu vui, tâm thường niệm tưởng, ái trước, nguyện ước không bỏ, nên sau khi mệnh chung sanh làm người giàu vui. Lại có người tu một ít phước bố thí, một ít phước trì giới, mà không biết pháp Thiên định, thế nhưng

khi nghe nói có các cõi trời: Tứ-thiên-vương thiên, Tam-thập-tam thiên, Dạ-ma thiên, Đâu-suất-đà thiên, Hóa-lạc thiên, Tha-hóa-tự-tại thiên, tâm thường nguyện ước, nên khi mệnh chung, đều được sinh lên cõi ấy. Đó là đều do nguyện lực mà được. Bồ-tát cũng như vậy, tu theo lời nguyện "tịnh Quốc độ", vậy sau mới thành; vì vậy nên biết nhân nguyện mà được thọ quả báo thù thắng.

Lại nữa, trang nghiêm Phật độ là việc lớn, chỉ tu hành công đức không thể thành được, phải cần có nguyện lực; cũng như sức bò tui hay kéo xe, nhưng phải có người cầm cương mới có chỗ đến. Nguyện "thanh tịnh Quốc độ" cũng như vậy, phước như xe bò; nguyện như người cầm cương.

**Hỏi:** Nếu không phát nguyện, không được phước ư?

**Đáp:** Tuy được nhưng không bằng có nguyện: Nguyện thường giúp cho phước, thường nhớ nghĩ sở hành, phước đức được tăng trưởng.

**Hỏi:** Nếu phát nguyện mà được quả báo, thì như người làm mưu nghiệp ác, không nguyện sanh địa ngục, chắc cũng không bị quả báo địa ngục?

**Đáp:** Tội phước tuy có quả báo nhất định, nhưng người có phát nguyện, tu một ít phước mà nhờ có nguyện lực, nên được quả báo lớn. Như trước nói, trong khi mắc quả báo khổ, mà hết thấy chúng sanh đều nguyện được vui, chứ không ai nguyện được khổ, thế nên không nguyện sanh địa ngục; vì vậy nên phước thì có vô lượng báo mà tội thì hữu lượng.

Có người nói: "Tội lớn nhất thì đọa A-tỳ địa ngục, thọ báo một kiếp. Phúc to nhất thì sanh lên Phi-hữu-tướng-phi-vô-tướng-xứ, thọ báo trong tám vạn đại kiếp. Các Bồ-tát nguyện thanh tịnh thế giới, cũng vô lượng kiếp, nhập đạo được Niết-bàn", ấy là thường, lạc.

**Hỏi:** Như trong phẩm Nê-lê (Địa ngục) nói: Tội hủy báng Bát-nhã Ba-la-mật, bị ở trong địa ngục phương này kiếp tận, lại đến trong địa ngục phương khác, thế vì sao ở đây nói đến tội to nhất thọ báo chỉ trong một kiếp?

**Đáp:** Phật pháp vì chúng sanh nên có hai đạo giáo hóa: Một là Phật đạo, hai là Thanh-văn đạo. Trong Thanh-văn đạo, người tạo tội ngũ nghịch, Phật nói họ chịu địa ngục một kiếp; trong Bồ-tát đạo, người phá Phật pháp, thì nói họ ở phương này kiếp tận lại đến phương khác chịu vô lượng tội. Trong pháp Thanh-văn, phước to nhất thọ báo tám vạn kiếp; trong Bồ-tát đạo, phước lớn nhất thọ báo vô lượng A-tăng-kỳ kiếp; vì vậy nên phước đức cần có nguyện.

Ấy là nguyện thọ vô lượng thế giới chư Phật.

**KINH:** Niệm vô lượng Phật độ, chư Phật tam muội, thường hiện trước mặt.

**LUẬN:** Vô lượng Phật độ là các Phật độ trong mười phương. Niệm Phật tam muội là thường lấy tâm và mắt thấy mười phương ba đời các đức Phật như hiện ở trước mặt

**Hỏi:** Sao gọi là niệm Phật tam muội?

**Đáp:** Niệm Phật tam muội có hai: 1- Trong pháp Thanh văn, đối với một Phật thân, tâm và mắt thấy ở khắp mười phương. 2- Trong Bồ-tát đạo, niệm ba đời Phật mười phương chư Phật ở trong vô lượng Phật độ; vì vậy nên nói niệm vô lượng Phật độ, chư Phật tam muội, thường hiện ở trước.

**Hỏi:** Như Bồ-tát tam muội có chủng chủng vô lượng, sao chỉ tán thán Bồ-tát ấy được niệm Phật tam muội hiện ở trước mặt?

**Đáp:** Vì Bồ-tát ấy niệm Phật nên được vào trong Phật đạo, vì vậy nên niệm Phật tam muội thường hiện ở trước.

Lại nữa, niệm Phật tam muội hay trừ các thứ phiền não và tội chướng đời trước. Các thứ tam muội khác có thứ trừ được dâm không thể trừ được sân, có thứ trừ được sân không thể trừ được dâm, có thứ trừ được si không thể trừ được dâm, sân, có thứ trừ được ba độc không trừ được tội đời trước; còn niệm Phật tam muội này trừ được tất cả các phiền và các tội.

Lại nữa, niệm Phật tam muội có đại phúc đức, có thể độ sanh. Các Bồ-tát ấy muốn độ chúng sanh, các tam muội khác không bằng phúc đức của niệm Phật tam muội này, có thể chóng hết các tội. Như nói: Xưa có năm trăm khách buôn, vào biển tìm châu báu, gặp Ngư-vương Ma-già-la hả miệng, nước biển chảy vào trong đó, thuyền đi rất mau, sắp trôi dạt vào miệng Ngư-vương; thuyền sư hỏi người ở trên lầu: "Ngươi thấy gì?" Đáp: "Thấy ba mặt trời xuất hiện, núi bạc la liệt, nước chảy dồn đến như vào hang lớn". Thuyền sư nói: "Ngư-vương Ma-già-la ấy hả miệng, một mặt trời là thật, hai mặt trời kia là hai mắt của cá, núi bạc là răng của cá, nước chảy gấp đến là vào miệng cá. Chúng ta thôi xong rồi! Vậy ai nấy đều phải cầu xin các thiên thần cứu vớt". Khi ấy mọi người đều lo cầu việc đó mà vẫn không thấy ích gì. Bấy giờ ở đó có Ưu-bà-tắc thọ ngũ giới, nói với mọi người: "Chúng ta hãy cùng xưng niệm "Nam Mô Phật", Phật là đáng vô thượng, hay cứu vớt khổ ách". Tức thời ai nấy đều nhất tâm xưng "Nam Mô Phật".

Chuyện về cá ấy, đời trước nó là đệ tử phá giới của Phật, được trí túc mạng, khi nghe xưng tiếng Phật, tâm tự hồi ngộ, liền ngậm miệng lại, người trên thuyền được thoát. Chỉ nhờ niệm Phật mà trừ được trọng tội, thoát khỏi các khổ ách, hưởng gì niệm Phật tam muội.

Lại nữa, Phật là Pháp vương, Bồ-tát là Pháp tướng, chỉ có Phật Thế Tôn được tôn trọng, thế nên, nên thường niệm Phật.

Lại nữa, thường niệm Phật, được các thứ công đức lợi lạc, cũng như đại thần, đặc biệt mong ân sủng mà thường niệm đến chủ. Bồ-tát cũng như vậy, biết các thứ công đức và vô lượng trí tuệ đều từ nơi Phật mà được; và biết ân Phật rất nặng nên thường niệm Phật.

Ông hỏi vì sao thường niệm Phật, mà không thực hành các tam muội khác? Nay nói thường niệm, cũng không nói là không thực hành các tam muội khác; vì thực hành niệm Phật tam muội nhiều cho nên nói là thường niệm.

Lại nữa, trước tuy nói Không, Vô tướng, Vô tác tam muội mà chưa nói niệm Phật tam muội, cho nên nay nói.

**KINH:** Hay khuyến thỉnh vô lượng chư Phật.

**LUẬN:** Khuyến thỉnh có hai: Một là lúc Phật mới thành đạo, Bồ-tát ngày đêm sáu thời lễ thỉnh, bày vai áo bên phải, chấp tay nói: "Vô lượng chư Phật trong mười phương Phật độ, lúc mới Thành đạo, chưa Chuyển pháp luân, tôi tên ... kính thỉnh hết thấy chư Phật, vì chúng sanh chuyển xe pháp, độ thoát hết thấy".. Hai là lúc chư Phật muốn xả bỏ vô lượng thọ mạng để vào Niết-bàn, Bồ-tát cũng đêm ba thời, ngày ba thời, bày vai áo bên phải, chấp tay nói: "Vô lượng chư Phật trong mười phương Phật độ, tôi tên ... thỉnh Phật trụ lâu ở thế gian vô lượng số kiếp, để độ thoát hết thấy, lợi ích chúng sanh", ấy gọi là thường khuyến thỉnh vô lượng chư Phật.

**Hỏi:** Theo lệ của chư Phật, hẳn là phải thuyết pháp, rộng độ chúng sanh. Lễ ấy tự nó phải như vậy, có sao lại cần phải thỉnh, nếu chư Phật ở trước mặt thời có thể thỉnh được, còn nay như Phật trong mười phương vô lượng Phật độ, mắt cũng không thấy được, làm sao mà thỉnh?

**Đáp:** Chư Phật tuy hẳn phải thuyết pháp không đợi người khuyến thỉnh, nhưng ai thỉnh cũng được phước, như Đại quốc vương, tuy được nhiều đồ ăn ngon, mà có người thỉnh mời chắc được ân phước, để ghi nhận tâm người kia vậy. Lại như tâm từ niệm tưởng chúng sanh, khiến được khoái lạc, chúng sanh tuy

không được gì, nhưng người niệm tưởng được phước rất lớn. Thỉnh Phật thuyết pháp cũng như vậy.

Lại nữa, có các đức Phật, không có ai thỉnh, bèn nhập Niết-bàn mà không thuyết pháp. Như trong kinh Pháp Hoa, đức Thế Tôn Đa Bảo, vì không có người thỉnh, bèn vào Niết-bàn. Về sau, hóa thân Phật và Thập bát bửu, vì để làm chứng việc nói kinh Pháp Hoa, mà xuất hiện cùng một lần. Cũng như Phật Tu-phiền-đa, vì bản hạnh của đệ tử chưa thuần thực, nên bỏ mà vào Niết-bàn, lưu lại hóa Phật một kiếp để độ chúng sanh.

Nay Đức Thích-ca Văn Phật sau khi đắc đạo năm mươi bảy ngày, im lặng không thuyết pháp, tự nói: "Pháp của Ta sâu xa khó hiểu khó biết. Hết thầy chúng sanh bị ràng buộc theo pháp thế gian không thể hiểu được, chẳng bằng Ta im lặng vào Niết-bàn là vui".

Bấy giờ các Bồ-tát và Thích-đề-hoàn-nhơn (trời Đế-thích), Phạm-thiên vương chư thiên, chấp tay thỉnh lễ, thỉnh Phật vì chúng sanh, bắt đầu Chuyển pháp luân. Phật im lặng nhận lời. Sau đó Ngài đi đến trong rừng Nai thuộc thành Ba-la-nại Chuyển pháp luân. Như vậy, sao nói thỉnh Phật không có ích chi?

Lại nữa, Phật pháp xem chúng sanh đều bình đẳng, không quý không tiện, không khinh, không trọng. Có người thỉnh thì Ngài vì lời thỉnh ấy mà thuyết pháp cho họ. Tuy chúng sanh không thấy Phật, mà Phật thường thấy tâm chúng sanh, cũng nghe lời họ thỉnh. Giả sử chư Phật không nghe không thấy, người thỉnh Phật cũng có phước đức, hưởng gì Phật đều nghe thấy, mà thỉnh Phật lại không ích sao?

**Hỏi:** Đã biết thỉnh Phật là có ích, vì sao chỉ thỉnh có hai việc?

**Đáp:** Các việc khác không cần thỉnh, hai việc này mới thiết yếu phải thỉnh, nếu không thỉnh mà Phật tự thuyết, sẽ có bọn ngoại đạo nói: "Thế đạo thường định, có sao ái trước pháp, đa ngôn đa sự?" Vì vậy nên cần có thỉnh mới thuyết.

Hoặc có người nói: "Nếu biết các pháp tướng thì không nên ham sống, trụ lâu ở thế gian nên sớm vào Niết-bàn". Vì vậy nên cần có thỉnh.

Hoặc không thừa thỉnh mà thuyết, người ta sẽ nói Phật ái trước pháp, muốn cho người ta biết, nên phải đợi người ta thừa thỉnh mới Chuyển pháp luân. Các hàng ngoại đạo tự đắm trước vào pháp, hoặc thừa thỉnh, hoặc không thừa thỉnh, vẫn tự nói pháp cho người; còn Phật đối với pháp không ái trước, mà vì thương

xót chúng sanh nên có thỉnh Phật thuyết, Phật mới vì họ thuyết. Chư Phật không do không thừa thỉnh mà bắt đầu Chuyển pháp luân, như kệ nói:

"Phật nói cái gì thật,  
Cái gì là bất thật,  
Thật cùng với bất thật,  
Cả hai đều không thật.  
Chân thật tương như vậy,  
Không hý luận các pháp,  
Vì thương xót chúng sanh,  
Phương tiện Chuyển pháp luân".

Lại nữa, nếu không thừa thỉnh mà Phật tự thuyết pháp, ấy là tự hiển bày chỗ tự chấp trước pháp, tất phải đáp mười bốn vấn nạn. Nay chư thiên thỉnh mà Phật thuyết pháp, chỉ vì các đoạn khổ, già, bệnh, chết, không vì hý luận cho nên Phật không đáp mười bốn vấn nạn, mà không lỗi; vì nhân duyên ấy, nên cần có thỉnh mới Chuyển pháp luân.

Lại nữa, Phật sanh ở trong loài người, dùng theo pháp của bậc đại nhân, tuy có tâm đại bi, nhưng không thỉnh thì không nói. Nếu không thỉnh mà nói, ngoại đạo sẽ chê; vì vậy nên ban đầu cần phải có thỉnh.

Lại nữa, hàng ngoại đạo tôn thờ Phạm thiên, nay Phạm thiên tự thỉnh Phật, thì ngoại đạo sẽ tâm phục.

Lại nữa, phép Bồ-tát ngày ba thời, đêm ba thời, thường hành ba việc: 1- Sáng sớm bày vai áo bên phải, chấp tay lễ mười phương Phật nói: "Tôi tên ... hoặc đời nay, hoặc đời quá khứ trong vô lượng kiếp thân, khẩu, ý tạo tội ác nghiệp, xin sám hối trước Phật hiện tại trong mười phương, nguyện được diệt trừ, không làm trở lại; trưa, chiều và đêm ba thời cũng như vậy. 2- Nghĩ đến công đức sở hành của chư Phật trong ba đời mười phương, và công đức của chúng đệ tử Phật, mà tùy hỷ khuyến trợ. 3- Khuyến thỉnh các đức Phật hiện tại trong mười phương, bắt đầu Chuyển pháp luân và thỉnh chư Phật trụ lâu ở thế gian vô lượng kiếp, để độ thoát hết thảy.



Bồ-tát thực hành ba việc ấy, công đức vô lượng, dần dần được gần Phật; vì vậy nên cần khuyến thỉnh.

**KINH:** Hay đoạn các thứ kiến, triền và các phiền não.

**LUẬN:** Kiến có hai: Một là thường, hai là đoạn. Thường kiến là thấy năm ấm thường, tâm tin nhận, vui thích. Đoạn kiến là thấy năm ấm đoạn, tâm tin nhận, vui thích. Hết thấy chúng sanh, phần nhiều rơi vào trong hai kiến đó. Bồ-tát tự dứt hai kiến đó, cũng trừ hai kiến cho hết thấy chúng sanh, khiến ở vào Trung đạo.

Lại có hai kiến: Hữu kiến và Vô kiến.

Lại có ba kiến: Hết thấy pháp đều chấp nhận, hết thấy pháp đều không chấp nhận, hết thấy cũng chấp nhận cũng không chấp nhận.

Lại có bốn kiến là chấp thế gian thường, thế gian vô thường, thế gian cũng thường cũng vô thường, thế gian cũng phi thường cũng phi vô thường. Hoặc chấp ngã và thế gian hữu biên, vô biên, cũng hữu biên cũng vô biên, cũng phi hữu biên cũng phi vô biên. Hoặc chấp có kẻ sau khi chết như đi, có kẻ sau khi chết không như đi, có kẻ sau khi chết như đi không như đi, có kẻ sau khi chết cũng chẳng như đi cũng chẳng không như đi.

Lại có năm kiến là thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ. Như vậy v.v... các thứ kiến chấp, cho đến sáu mươi hai kiến đều dứt hết.

Các kiến như vậy, do các thứ nhân duyên sanh, các thứ trí môn quán sát, hoặc ở bên các bậc Thầy nghe được. Các thứ tướng như vậy, có thể làm nhân cho các kiết sử, đem đến mọi thứ khổ cho chúng sanh, ấy gọi là các thứ kiến. Nghĩa chữ kiến sau sẽ nói rộng.

Triền là mười triền: Sân, dẫu tội, ngủ say, ngủ gật, giỡn cợt, giao động, không tâm, không quý, xan tham, tật đố. Lại nữa, hết thấy phiền não trói buộc tâm, đều gọi là triền.

Phiền não là thứ có thể khiến tâm phiền muộn, vì có thể nhiễu loạn tâm nên gọi là phiền. Phiền não có hai: Là đấm trước ở bên trong và đấm trước ở bên ngoài. Thứ đấm trước ở bên trong là năm kiến, nghi, mạn v.v... Thứ đấm trước ở bên ngoài là dâm, sân v.v... vô minh chung cả trong lẫn ngoài.

Lại có năm thứ kiết, một thuộc ái và một thuộc kiến.

Lại có ba thứ, một thuộc âm, một thuộc sân và một thuộc si, ấy gọi là phiền não.

Triền, có người nói mười triền, có người nói năm trăm triền.

Phiền não là hết thảy kiết sử. Kiết có chín, sử có bảy, hiệp thành chín mươi tám kiết (ba mươi ở Dục giới, ba mươi một ở Sắc giới, ba mươi một ở Vô Sắc giới). Như Ca-chiên-diên ở trong A-tỳ-đàm nghĩa thuyết: Mười triền và chín mươi tám kiết là một trăm lẻ tám phiền não. Trong A-tỳ-đàm của Độc tử thì số kiết sử cũng đồng, còn triền có năm trăm.

Các phiền não như vậy, Bồ-tát dùng mọi phương tiện để tự dứt, cũng có phương tiện khôn khéo dứt các phiền não cho người khác. Như lúc Phật tại thế, có ba anh em nhà họ nghe ở nước Tỳ-gia-ly có người kỹ nữ tên Yêm-la-bà-l□ ở thành Xá-bà-đề có người kỹ nữ tên Tu-mạn-na, ở thành Vương-xá có người kỹ nữ tên Ưu-bát-la-ban-na. Cả ba người sau khi nghe người ta ca ngợi ba người con gái đoan chánh không ai bằng, thì ngày đêm chuyên nhớ, tâm đắm đuối không rời, bèn ở trong mộng thấy cùng hành sự, khi thức dậy suy nghĩ: "Người con gái kia không đến, ta cũng không đi, mà sao dâm sự được thành?" Nhân đó mà tỉnh ngộ: "Hết thảy các pháp đều như vậy chăng?" Liền đi đến chỗ Bồ-tát Bạt-đà-ba-la hỏi việc ấy. Bạt-đà-ba-la đáp: "Các pháp thật như vậy, đều từ tâm niệm sanh". Như vậy, các thứ, vì ba người ấy mà phương tiện khéo nói các pháp Không. Khi ấy, ba người liền chứng được A-bệ-bạt-trí.

Các Bồ-tát ấy cũng như vậy, vì các chúng sanh mà dùng các cách khéo léo thuyết pháp, dứt các kiến, triền, phiền não cho họ.

Ấy gọi là hay đoạn các kiến, triền và các phiền não.

**KINH:** Du hý và xuất sanh trăm ngàn tam muội.

**LUẬN:** Các Bồ-tát tâm Thiền định điều hòa, có trí tuệ thanh tịnh và các phương tiện nên hay xuất sanh các thứ Tam muội.

Thế nào là Tam muội? Thiện tâm trụ một chỗ không giao động, ấy gọi là Tam muội.

Lại có ba thứ Tam muội: Có giác có quán, không giác có quán, không giác không quán.

Lại có bốn thứ Tam muội: Tam muội hệ thuộc Dục giới, Tam muội hệ thuộc Sắc giới, Tam muội hệ thuộc Sắc giới, Tam muội hệ thuộc Vô Sắc giới, Tam muội

không hệ thuộc. Trong ấy được dùng đến là Bồ-tát tam muội. Như trước nói, đối với Phật tam muội chưa được viên mãn, phải siêng hành siêng tu, nên nói là hay phát sanh.

**Hỏi:** Bồ-tát vì sao xuất sanh và dạo chơi trong năm ngàn Tam muội ấy?

**Đáp:** Chúng sanh vô lượng, tâm hạnh chẳng đồng, có kẻ lợi căn có kẻ độn căn, đối với các kiết sử, có dày có mỏng. Thế nên Bồ-tát thực hành trăm ngàn Tam muội để dứt trần lao cho họ, cũng như muốn làm cho người nghèo trở nên giàu to, thì phải chuẩn bị các thứ tài vật, tất cả được đầy đủ vậy sau mới có thể cứu vớt người nghèo. Lại như người muốn trị bệnh cho mọi người, thì phải chuẩn bị các thứ thuốc vậy sau mới trị được. Bồ-tát cũng như vậy, muốn rộng độ chúng sanh nên thực hành các thứ Tam muội.

**Hỏi:** Chỉ nên xuất sanh các thứ Tam muội ấy, có gì lại dạo chơi trong đó?

**Đáp:** Tâm Bồ-tát xuất sanh các Tam muội, lại vui thích ra vào tự tại nên gọi là chơi, chứ không phải lối chơi giỡn theo ái kiết.

Hý (chơi giỡn) tức là tự tại, như sư tử giữa bầy nai, tự tại không sợ nên gọi là hý. Các Bồ-tát ấy đối với các tam muội có sức tự tại, hay ra hay vào cũng như vậy. Các người khác đối với Tam muội, có thể tự tại vào mà không thể tự tại trú, và tự tại ra; có thể tự tại trú, không thể tự tại vào, tự tại ra; có thể tự tại ra, không thể tự tại trú, tự tại vào; có thể tự tại vào, tự tại trú, không thể tự tại ra; có thể tự tại trú, tự tại ra, không thể tự tại vào. Bồ-tát ấy có thể tự tại đủ ba cách, nên nói là du hý và xuất sanh trăm ngàn Tam muội.

**KINH:** Các Bồ-tát thành tựu vô lượng các thứ công đức như vậy.

**LUẬN:** Các Bồ-tát ấy thành tựu vô lượng công đức như vậy, là các Bồ-tát cộng trú với Phật.

Muốn tán thán công đức kia, trải vô lượng ức kiếp, không thể cùng tận; vì vậy nên nói thành tựu vô lượng công đức.

**KINH:** Các ngài tên là Kiên-đà-la Bồ-tát (Tàu dịch Thiện Thủ), Lạt-na-na-già-la Bồ-tát (Tàu dịch Bảo Tích), Đạo sư Bồ-tát, Na-la-đạt Bồ-tát, Tinh-đắc Bồ-tát, Thủy Thiên Bồ-tát, Chủ Thiên Bồ-tát, Đại-ý Bồ-tát, Ích-Ý Bồ-tát, Tăng-ý Bồ-tát, Bất-hư-kiến Bồ-tát, Thiện-tán Bồ-tát, Thế Thắng Bồ-tát, Thường cần Bồ-tát, Bất-xả-tinh-tán Bồ-tát, Nhật-tạng Bồ-tát, Bất-khuyên-ý Bồ-tát, Quán-Thế-Âm Bồ-tát, Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát (Tàu dịch Diệu-đức), Chấp-bảo-ấn Bồ-tát, Thường-cử-thủ

Bồ-tát, Di-lặc Bồ-tát ... Vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do-tha các Bồ-tát Ma-ha-tát như vậy đều là bậc bồ xứ kế thừa Tôn vị.

**LUẬN:** Các Bồ-tát như vậy cùng trú với Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật thành Vương-xá.

**Hỏi :** Các Bồ-tát như vậy rất nhiều, vì sao chỉ kể tên hai mươi hai vị Bồ-tát?

**Đáp:** Các Bồ-tát có vô lượng trăm ngàn vạn ức, không thể nói hết, nếu nói hết thì văn tự không chép đủ. Trong đây Bồ-tát có hai hạng là cư gia và xuất gia. Mười sáu Bồ-tát như Thiện thủ v.v... là Bồ-tát cư gia. Bạt-đà-bà-la là Bồ-tát cư gia, người cũ ở thành Vương-xá. Bảo-tích Vương tử Bồ-tát là người nước Tỳ-xá-ly. Tinh đặc trưởng giả tử Bồ-tát là người nước Chiêm-ba. Đạo sư sư sĩ Bồ-tát là người Xá-bà-đề. Từ thị, Diệu-đức Bồ-tát v.v... là Bồ-tát xuất gia. Quán Thế Âm Bồ-tát v.v... từ Phật độ tha phương đến. Nếu nói cư gia là đã gần hết thấy Bồ-tát cư gia. Nói Bồ-tát xuất gia, Bồ-tát tha phương cũng như vậy.

**Hỏi:** Thiện Thủ Bồ-tát có gì thù thắng mà kể ra trước hết? Nếu vì lớn nên kể trước, thì nên kể đến Bồ-tát Biến-cát, Quán Thế Âm, Đắc Đại Thế Chí v.v... Nếu vì nhỏ nên kể trước, thì nên kể các Bồ-tát nhục thân sơ phát ý (tâm)?

**Đáp:** Không vì lớn, không vì nhỏ, mà vì Thiện Thủ Bồ-tát là người cũ của thành Vương-xá, lớn hơn cả trong hàng Bạch y Bồ-tát. Phật ở thành Vương-xá, muốn thuyết Bát-nhã Ba-la-mật, vì vậy nên nói đến Thiện Thủ trước hết. Lại nữa, Thiện Thủ Bồ-tát có vô lượng các thứ công đức, như trong Ban-châu tam muội, Phật tự hiện ra ở trước tán thán công đức kia.

**Hỏi:** Nếu Di-lặc Bồ-tát đáng xưng là bồ xứ, thì các Bồ-tát khác sao cũng nói là kế thừa tôn vị?

**Đáp:** Các Bồ-tát ấy ở Phật độ mười phương, đều là vị Phật bồ xứ.

## Chương 12

### GIẢI THÍCH: TAM MUỘI

**KINH:** Bảy giờ Thế Tôn tự trải toà Sư tử, ngồi kiết-già, mình thẳng, buộc niệm ở trước, vào Tam muội vương tam muội, hết thấy Tam muội đều nhập vào trong đó.

**LUẬN:**

**Hỏi:** Phật có thị giả và các Bồ-tát, vì sao Ngài tự trải toà Sư tử?

**Đáp:** Việc ấy là Phật hóa thành, muốn để cho thích hợp với đại chúng; vì vậy nên A-nan không thể được trải.

Lại nữa, tâm Phật hóa làm cho nên nói là tự trải.

**Hỏi:** Sao gọi là toà Sư tử? Ấy là Phật tự hóa làm Sư tử hay là có Sư tử thật đến, hay là vàng bạc cây đá làm Sư tử? Lại Sư tử không phải là giống thú hiền, Phật không cần đến, cũng không nhân duyên, cho nên nó không nên đến?

**Đáp:** Đây hiệu là Sư tử chứ không phải là thật Sư tử . Phật là Sư tử trong loài người, nên chỗ Phật ngồi, hoặc giường, hoặc trên đất, đều gọi là toà Sư tử . Cũng như nay chỗ Quốc vương ngồi cũng gọi toà Sư tử.

Lại nữa, vua gọi người đứng kiền cũng gọi là nhân Sư tử, người xưng hô Quốc vương cũng gọi là nhân Sư tử. Lại như Sư tử, giữa loài thú bốn chân, đi một mình không sợ, chiết phục được hết thấy. Phật cũng như vậy, ở trong chín mươi sáu thứ ngoại đạo, hàng phục tất cả mà không sợ sệt, nên gọi là Sư tử người.

**Hỏi:** Có nhiều cách ngồi, sao Phật chỉ dùng cách ngồi kiết-già?

**Đáp:** Trong các cách ngồi, cách ngồi kiết-già an ổn nhất, không mệt mỏi. Ấy là cách ngồi của người tọa thiền nhiếp trú tay chân, tâm cũng không tán loạn.

Lại là cách an ổn nhất trong bốn oai nghi của thân. Thiền tọa ấy là cách ngồi để thủ đạo, Ma vương trông thấy, tâm nó lo sợ. Ngồi như vậy là pháp của người xuất gia, ngồi kiết-già phụ tọa dưới rừng cây, chúng nhân trông thấy đều rất hoan hỷ, cho rằng đạo nhân như vậy chắc chắn được đạo, như kệ nói:

"Nếu kiết già phụ tọa,

Thân an vào Tam muội,

Oai đức người kính ngưỡng,  
Như mặt trời chiếu thiên hạ.  
Trừ ngủ, biếng, che tâm,  
Thân nhẹ không mệt mỏi,  
Giác ngộ cũng dễ dàng,  
Yên như rỗng cuộn khúc,  
Thấy vẻ ngồi kiết già,  
Ma vương cũng sầu sợ,  
Huống gì người nhập đạo,  
Ngồi yên không lay động".  
Vì vậy nên ngồi kiết-giàphu.

Lại nữa Phật dạy đệ tử nên ngồi như thế. Có bọn ngoại đạo, hoặc thường co chân để cầu đạo, hoặc thường đứng, hoặc vác chân, điên cuồng nông nổi như vậy, tâm chìm biển tà, tình không an ổn; vì vậy Phật dạy đệ tử kiết-giàthân ngồi thẳng. Vì sao thân thẳng? Vì tâm dễ chánh, thân ngồi thẳng thời tâm không biếng nhác, đoan tâm chánh ý, buộc niệm ở trước, nếu tâm chạy loạn, nhiếp nó trở lại; vì muốn vào Tam muội nên các niệm chạy loạn cũng đều nhiếp nó lại. Buộc niệm như vậy vào Tam muội vương tam muội.

Sao gọi là Tam muội vương tam muội? Tam muội ấy tự tại bậc nhất giữa các Tam muội, có thể duyên vô lượng các pháp tướng, như vua là bậc nhất giữa mọi người, Chuyển luân Thánh vương là bậc nhất giữa các vua, Phật là bậc nhất giữa hết thảy trên trời dưới trời. Tam muội này cũng như vậy, là bậc nhất giữa các Tam muội.

**Hỏi:** Nếu do Phật lực thì hết thảy Tam muội đều nên bậc nhất, có sao chỉ gọi Tam muội vương là bậc nhất?

**Đáp:** Tuy là nói do thần lực của Phật, mà các Tam muội của Phật hành trì đều bậc nhất, nhưng trong các pháp phải có sự sai khác. Như các trân bảo của Chuyển luân Thánh vương, tuy hơn châu báu của các vua, nhưng trong đó trân bảo ấy tự có sai khác, quý tiện rất khác nhau.

Tam muội vương tam muội ấy nhiếp vào định nào? Có tướng gì? Có người nói: Tam muội vương tam muội gọi là tướng tự tại, nhiếp thuộc năm uẩn hiện ở trong Thiền thứ tư, vì sao? Vì chư Phật ở trong Thiền thứ tư thực hành Kiến đế đạo, chứng được A-na-hàm, tức thời trong mười tám chi thiền tâm mà chứng được Phật đạo, ở trong Thiền thứ tư mà xả thọ mạng, và từ trong Thiền thứ tư khởi lên mà nhập Vô-dư Niết-bàn. Ở trong Thiền thứ tư có Tám sanh trú xứ, Tám bội xả, Tám thắng xứ, Mười nhất thiết nhập, phần nhiều ở trong Thiền thứ tư. Thiền thứ tư gọi là bất động, pháp thiền định không ngăn ngại. Ở trong Dục giới, các dục ngăn ngại tâm thiền định. Trong Sơ thiền, giác quán làm tâm động. Trong Nhị thiền, sự mừng lớn làm tâm động. Trong Tam thiền, sự vui lớn làm tâm động. Trong Tứ thiền thì không động.

Lại nữa, ở Sơ thiền bị lửa đốt; ở Nhị thiền bị nước ngập; ở Tam thiền bị gió thổi; ở Tứ thiền không bị ba thứ hoạn nạn đó. Ở đây không còn hơi thở ra vào, xả niệm thanh tịnh; vì vậy nên Vương tam muội nếu ở trong Thiền thứ tư, thời như vật báu tốt cất trong kho tốt.

Lại có người nói: Tam muội của Phật, ai biết được tướng đó? Hết thấy các Phật pháp, nhất tướng vô tướng, vô lượng vô số, không thể nghĩ bàn. Các Tam muội khác còn không thể lường, không thể đếm, không thể nghĩ bàn, huống gì Tam muội vương tam muội? Tam muội như thế, duy có Phật biết được. Như thần túc, sự trì giới của Phật còn không thể biết, huống là Tam muội vương tam muội?

Lại nữa, Tam muội vương tam muội, hết thấy các Tam muội đều vào trong đó, nên gọi là Tam muội vương tam muội. Cũng như ở Diêm-phù-đề, ngàn sông muôn dòng đều chảy vào biển, cũng như tất cả nhân dân đều thuộc Quốc vương.

**Hỏi:** Phật có Nhất thiết trí, không gì không biết; có sao phải vào Tam muội vương tam muội này, vậy sau mới biết?

**Đáp:** Vì muốn chỉ rõ trí tuệ từ nhân duyên sanh, để ngăn bọn ngoại đạo mà nói trí tuệ của chúng ta trong tất cả thời là thường có, thường biết; vì vậy nên nói Phật nhập vào Tam muội vương tam muội thời biết, không vào thời không biết.

**Hỏi:** Nếu như vậy, thời Phật lực giảm yếu?

**Đáp:** Lúc muốn nhập Tam muội vương tam muội, không phải là khó, nghĩ đến liền được, không phải như hàng Thanh-văn, Bích-chi Phật, các tiểu Bồ-tát, gắng sức cầu nhập.

Lại nữa, nhập vào trong Tam muội vương tam muội ấy, khiến sáu thần thông thông suốt mười phương, không hạn không lượng.

Lại nữa, Phật nhập vào Tam muội vương tam muội, thời biến hóa đủ thứ, hiện đại thần lực. Nếu không nhập vào Tam muội vương tam muội mà hiện thần lực, thời có người tâm nghĩ: "Đó là Phật dùng huyền lực, chú thuật, hoặc là đại lực long thần, hoặc là trời chú không phải người", vì sao? Vì thấy một thân xuất ra vô lượng thân, các thứ quang minh biến hóa nên cho là không phải người; vì để đoạn chỗ nghi đó, nên Phật nhập vào Tam muội vương tam muội.

Lại nữa, Phật nếu vào các tam muội khác thời hàng chư thiên, Thanh-văn, Bích-chi Phật có thể lường biết. Tuy nói Phật thần lực là lớn mà còn có thể biết, thời tâm cung kính không nặng, vì vậy nên vào trong Tam muội vương tam muội, để hết thấy chúng Thánh, cho đến Thập trụ Bồ-tát không thể lường biết, không biết tâm Phật nương ở đâu, duyên ở đâu; vì vậy nên Phật nhập vào Tam muội vương tam muội.

Lại nữa, Phật có khi phóng ánh sáng lớn, hiện thần lực lớn, như khi sanh, khi đắc đạo, khi bắt đầu Chuyển pháp luân, khi chư thiên, Thánh nhân hòa hiệp tập hội lớn, hoặc khi tột phá ngoại đạo đều phóng hào quang lớn. Nay muốn hiện sự thù thắng đó nên phóng ánh sáng lớn, khiến mười phương hết thấy trời, người, chúng sanh, và các A-la-hán, Bích-chi Phật, Bồ-tát đều được thấy, biết; vì vậy nên Phật nhập vào Tam muội vương tam muội.

Lại nữa, ánh sáng, thần lực có hạ, trung, thượng. Chú thuật, huyền thuật làm ra ánh quang, biến hóa là hạ. Chư thiên, Long thần được quả báo có ánh sáng, thần lực là trung. Vào các tam muội, do tâm lực và công đức đời nay, mà phóng ánh sáng lớn, hiện thần lực lớn là thượng; vì vậy nên Phật vào Tam muội vương tam muội.

**Hỏi:** Như các Tam muội có mỗi mỗi tướng, thế nào hết thấy tam muội đều vào trong đó?

**Đáp:** Khi được Tam muội vương tam muội, thì hết thấy Tam muội đều được, nên nói đều vào trong đó. Do sức của Tam muội ấy, mà hết thấy các Tam muội đều được, vô lượng vô số, không thể nghĩ bàn, vì vậy gọi là vào.

Lại nữa, vào trong Tam muội vương tam muội ấy, thời hết thấy Tam muội, hãy muốn vào liền vào.



Lại nữa, vào trong Tam muội vương tam muội ấy thời có thể quán hết thấy tướng Tam muội, như ở trên núi nhìn xuống.

Lại nữa, Phật vào trong Tam muội vương tam muội ấy, thời có thể quán hết thấy mười phương thế giới, cũng có thể quán hết thấy chúng sanh; vì vậy nên Phật vào Tam muội vương tam muội.

**KINH:** Bấy giờ, Thế Tôn từ Tam muội an lành mà khởi, dùng Thiên nhãn quán xem thế giới, toàn thân mỉm cười.

**LUẬN:**

**Hỏi:** Sao Thế Tôn vào Tam muội vương tam muội, không thi tác gì, mà từ định khởi dậy, quán xem thế giới?

**Đáp:** Phật vào Tam muội vương tam muội thời hết thấy Phật pháp bảo tạng đều khai mở, đều xem thấy. Ở trong Tam muội vương tam muội ấy xem xong, tự nghĩ "Pháp tạng này của ta vô lượng vô số, không thể nghĩ bàn", vậy sau mới từ Tam muội an tường mà khởi, dùng Thiên nhãn quán xem chúng sanh, biết chúng sanh nghèo khổ, Pháp tạng này từ nhân duyên mà được, hể thấy chúng sanh cũng đều có thể được, chỉ vì ở trong si mê, không biết cầu tìm; vì vậy nên toàn thân mỉm cười.

**Hỏi:** Phật có Phật nhãn, Huệ nhãn, Pháp nhãn hơn Thiên nhãn, sao lại dùng Thiên nhãn quán xem thế giới?

**Đáp:** Vì Nhục nhãn thì thấy không khắp. Tuệ nhãn thì biết thật tướng của các pháp,

Pháp nhãn thì thấy người ấy dùng phương tiện gì, hành pháp gì mà đắc đạo. Phật nhãn thì hết thấy pháp hiện tiền đều biết rõ ràng; còn Thiên nhãn thì thấy thế giới và chúng sanh không bị chướng ngại, các nhãn khác không như vậy. Tuệ nhãn, Pháp nhãn, Phật nhãn tuy thắng song không phải để thấy chúng sanh. Muốn thấy chúng sanh, chỉ dùng hai nhãn là Nhục nhãn và Thiên nhãn; vì Nhục nhãn thấy không khắp bởi có chướng ngại, nên dùng Thiên nhãn mà xem.

**Hỏi:** Nay mắt ấy ở nơi Phật, sao gọi là Thiên nhãn?

**Đáp:** Mắt ấy phần nhiều ở chư Thiên. Thiên nhãn trông thấy không bị chướng ngại núi vách, cây cối. Nếu người do sức tu hành tinh tấn, trì giới, thiền định mà có được, không phải phần có được từ khi sanh ra; vì vậy nên gọi là Thiên nhãn.

Lại nữa, người phần nhiều tôn quý trời, lấy trời làm chúa. Phật theo lòng người; vì vậy nên gọi là thiên nhãn.

Lại nữa, trời có ba thứ là: Danh thiên, Sanh thiên, Tịnh-thiên. Danh thiên (Trời trên danh xưng) như Thiên vương, Thiên tử. Sanh thiên (Trời theo nơi sanh) là Đế Thích, Phạm vương, chư Thiên. Tịnh-thiên (Trời theo nghĩa có đức thanh tịnh) là Phật, Bích-chi Phật, A-la-hán. Tôn quý nhất trong hàng Tịnh-thiên là Phật, nên nay nói Thiên nhãn, cũng không lỗi.

Thiên nhãn quán xem thế giới là, vì chúng sanh thường cầu an vui mà lại bị khổ, tâm đắm trước tự ngã mà tâm ấy thật không tự ngã. Chúng sanh thường sợ khổ mà thường hành khổ, như người mù tìm con đường tốt lại bị sa hố sâu. Quán các thứ như vậy song, toàn thân mỉm cười.

**Hỏi:** Cười từ miệng phát ra, hoặc là con mắt cười, nay cứ sao nói toàn thân cười?

**Đáp:** Phật là bậc tôn quý tự tại trong thế giới, có thể khiến toàn thân như miệng, như mắt, cho nên đều có thể cười.

Lại nữa, hết thấy lỗ chân lông đều mở ra, cho nên gọi là cười. Do miệng cười hoan hỷ nên tất cả lỗ chân lông đều mở ra.

**Hỏi:** Phật là đáng chí tôn chí trọng, vì sao lại cười?

**Đáp:** Như đại địa, không vì vô sự và tiểu nhân duyên mà rung động. Phật cũng như vậy, nếu vô sự và tiểu nhân duyên thì không cười. Nay vì đại nhân duyên nên toàn thân cười. Thế nào là đại? Phật muốn thuyết Đại Bát-nhã Ba-la-mật, vô lượng vô số chúng sanh sẽ nối giống Phật, ấy là đại nhân duyên.

Lại nữa, Phật nói: "Ta đời đời từng làm tiểu trùng, ác nhân, dần dần nhóm các thiện căn, được đại trí tuệ, nay tự thành Phật, thần lực vô lượng, tối thượng tối đại. Hết thấy chúng sanh cũng có thể được như vậy, tại sao luống chịu khổ nhọc mà lại đọa chỗ nhỏ?"; vì vậy nên cười.

Lại nữa, có nhân nhỏ mà quả to, duyên ít mà báo lớn như cầu Phật đạo, chỉ tán thán một bài kệ, một lần xưng Nam Mô Phật, đốt một nén hương, mà chắc chắn được làm Phật, hưởng gì nghe hiểu các pháp thật bất sanh bất diệt, không bất sanh bất diệt, mà nhân duyên hành nghiệp cũng không mất; vì việc ấy nên cười.

Lại nữa, tướng Bát-nhã Ba-la-mật thanh tịnh như hư không, không thể cho, không thể lấy, Phật dùng các phương tiện quang minh thần đức, để giáo hóa hết

thầy chúng sanh, khiến tâm điều nhu, vậy sau mới có thể tín thọ Bát-nhã Ba-la-mật; vì vậy, nên nhân đó mà cười và phóng quang.

Cười có các nhân duyên: Có người hoan hỷ mà cười, có người sân nhuế mà cười, có người khinh người mà cười, có người thấy sự lạ mà cười, có người thấy việc đáng hổ thẹn mà cười, có người thấy phương khác phong tục lạ mà cười, có người thấy việc hy hữu khó được mà cười. Nay là việc hy hữu khó nhất: Các pháp tướng vốn bất sanh bất diệt, chơn không vô tự vô danh, vô ngôn vô thuyết, mà muốn tác danh lập tự để nói cho chúng sanh, khiến được giải thoát, ấy là sự khó nhất. Cũng như đồng lửa lớn trăm do tuần, có người đội cỏ khô, đi qua trong lửa mà không bị cháy một ngọn lá, ấy là rất khó. Chư Phật cũng như vậy, mang các cỏ danh tự của vạn pháp, vào trong thật tướng các pháp mà không bị ngọn lửa nhiễm trước bốc cháy, đi thẳng qua vô ngại; ấy là rất khó. Vì việc khó ấy nên cười. Như vậy, các việc khó hy hữu, cho nên toàn thân mỉm cười.

## Chương 13

### GIẢI THÍCH: PHÓNG QUANG

**KINH:** Từ trong tướng bánh xe ngàn cãm dưới bàn chân, phóng ra sáu trăm vạn ức ánh sáng.

**LUẬN:** **Hỏi:** Phật vì sao trước tiên phóng ánh sáng nơi thân?

**Đáp:** Đã đáp ở trong đoạn nói về nhân duyên cười trên kia, nay sẽ nói thêm: Có người thấy Phật vô lượng thân phóng ánh sáng lớn, sanh lòng thanh tịnh cung kính, biết đó không phải là người thường.

Lại nữa, Phật muốn hiện tướng bắt đầu của ánh sáng trí tuệ nên trước tiên phóng ra thân quang, chúng sanh biết Phật thân quang đã hiện, thì trí tuệ quang cũng sẽ xuất hiện.

Lại nữa, hết thảy chúng sanh thường đắm trước dục lạc, trong ngũ dục, sắc là đầu tiên. Khi thấy ánh sáng nhiệm màu này, tâm chắc ưa thích, mà xả bỏ các vui cũ, khiến tâm dần dần ly dục, vậy sau nói trí tuệ cho.

**Hỏi:** Các thiên nhân khác cũng có thể phóng quang, vậy Phật phóng quang có gì sai khác?

**Đáp:** Các thiên nhân tuy có thể phóng quang, nhưng có hạn lượng. Mặt trời mặt trăng chỉ chiếu trong tứ thiên hạ; còn Phật phóng quang chiếu khắp Tam thiên đại thiên thế giới, từ Tam thiên đại thiên thế giới xuất ra chiếu khắp đến hạ phương. Ánh sáng của người khác chỉ làm cho người hoan hỷ mà thôi, còn Phật phóng quang, có thể khiến hết thảy người nghe pháp đắc độ; vì thế cho nên khác.

**Hỏi:** Như trong một thân, đầu ở trên hết, sao lại trước tiên từ dưới chân phóng quang?

**Đáp:** Thân được trụ đều do chân. Lại nữa, trong một thân, tuy đầu quý mà chân tiện, Phật không tự quý ánh sáng, không vì lợi dưỡng, vì thế nên ở chỗ tiện phóng quang.

Lại nữa, các Rồng, Rắn lớn, Quỷ thần từ trong miệng tuôn ánh sáng, độc hại vật trước mặt. Nếu Phật từ miệng phóng ánh sáng, chúng sanh sẽ sợ hãi: Ánh sáng lớn gì thế, lại sợ bị hại? Cho nên Phật từ dưới chân phóng quang.

**Hỏi:** Dưới chân có sáu trăm vạn ức ánh sáng, cho đến nhục kế, là đều đếm được, còn không thể chiếu khắp Tam thiên đại thiên thế giới, hướng gì mười phương?

**Đáp:** Thân quang ấy là gốc của các ánh sáng, từ gốc ra chi lưu vô lượng vô số. Cũng như con trùng Ca-la-cầu-la, thân nó bé tí, song gặp gió thì to dần, cho đến có thể nuốt hết tất cả. Ánh sáng cũng như vậy, có thể độ được chúng sanh, càng tăng đến vô hạn.

**KINH:** Mười ngón chân, hai mắt cá, hai bắp chân, hai đầu gối, hai bắp vế, lưng, xương sống, bụng, lỗ rốn, tim, chữ vạn ở ngực, vai, cánh tay, mười ngón tay, cổ, miệng, bốn mươi cái răng, hai lỗ mũi, hai mắt, hai tai, tướng lông trắng, nhục kế, mỗi mỗi phóng ra sáu trăm vạn ức ánh sáng.

**LUẬN:** **Hỏi:** Ánh sáng dưới chân có thể chiếu đến Tam thiên đại thiên và mười phương thế giới, thì mỗi mỗi thân phần có phóng ra sáu trăm vạn ức ánh sáng nữa để làm gì?

**Đáp:** Trước tôi đã nói ánh sáng dưới chân chỉ chiếu hạ phương, các phương khác không chiếu, thế nên lại phóng ánh sáng nơi mỗi thân phần. Có người nói: Trong hết thầy thân phần, chân là chỗ đứng, cho nên rất lớn, các phần khác không được vậy, thế nên Phật trước tiên từ dưới chân phóng sáu trăm vạn ức ánh sáng để khai thị cho chúng sanh. Như trong ba mươi hai tướng, đầu tiên gieo trồng dưới chân để được an trú, thì hết thầy thân phần đều có thần lực.

**Hỏi:** Nương Tam muội gì, nương thần thông gì, nương thiên định gì mà phóng ra ánh sáng ấy?

**Đáp:** Nương trong Tam muội vương tam muội, phóng ra ánh sáng ấy, nương Như ý thông trong Lục thông, và đệ Tứ thiên trong Tứ thiên mà phóng ra ánh sáng ấy. Trong đệ Tứ thiên, từ Hỏa thắng xứ, Hỏa nhất thiết xứ phóng ra ánh sáng.

Lại nữa, lúc Phật mới sinh, lúc mới thành Phật, lúc bắt đầu Chuyển pháp luân, đều phóng ra vô lượng quang minh chiếu khắp mười phương, hướng gì lúc thuyết Đại Bát-nhã Ba-la-mật mà không phóng quang? Cũng như châu báu của Chuyển luân Thánh vương, thường có ánh sáng chiếu quân binh của vua, bốn bên đều một do tuần. Phật cũng như vậy, vì có duyên của chúng sanh, nếu không vào Tam muội, thì hằng phóng ánh sáng thường, vì sao? Vì các pháp bảo của Phật thành tựu vậy.

**KINH:** Từ các ánh sáng ấy, xuất ra ánh sáng lớn, chiếu khắp Tam thiên đại thiên thế giới. Từ Tam thiên đại thiên thế giới, chiếu khắp các thế giới nhiều như cát sông Hằng ở phương Đông, phương Nam, Tây, Bắc, bốn hướng trên dưới cũng như vậy. Nếu có chúng sanh gặp ánh sáng ấy, ắt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam Bồ-đề. Ánh sáng phóng ra quá hằng hà sa thế giới phương Đông, cho đến mười phương cũng như vậy.

**LUẬN: Hỏi:** Như tướng lửa cháy bốc lên, tướng nước thấm xuống, tướng gió đi ngang, ánh sáng ấy thuộc hơi lửa nên đi lên, làm sao biến khắp Tam thiên đại thiên thế giới và mười phương thế giới?

**Đáp:** Ánh sáng có hai thứ: Một thuộc hơi lửa, một thuộc hơi nước. Ánh sáng mặt trời thuộc hơi lửa, ánh sáng mặt trăng thuộc hơi nước. Tướng của lửa tuy cháy bốc lên, nhưng lửa trong thân người, trên dưới biến khắp. Lửa mặt trời cũng thế, cho nên tháng mùa hạ cả đất và nước đều nóng; vì vậy, nên biết lửa không phải đều bốc lên.

Lại nữa, ánh sáng ấy là Phật lực nên biến khắp mười phương. Cũng như chiếc cung mạnh điều khiển mũi tên, tùy nơi nhắm tới.

**Hỏi:** Vì sao trước tiên chiếu phương Đông, rồi sau mới chiếu phương Nam, Tây, Bắc?

**Đáp:** Vì mặt trời mọc phương Đông trước tiên, nên Phật theo ý của chúng sanh, trước tiên chiếu ở phương Đông.

Lại nữa, cùng một nghi nạn như nhau. Nếu trước tiên chiếu phương Nam, thì sẽ hỏi tại sao trước tiên không chiếu phương Đông, Tây, Bắc? Nếu trước tiên chiếu phương Tây, Bắc cũng thế thôi.

**Hỏi:** Ánh sáng bao lâu sẽ diệt?

**Đáp:** Phật dùng thần lực, muốn còn thì còn, xả thần lực thì diệt. Phật quang như ngọn đèn, thần lực như dầu, nếu Phật không xả thần lực thì ánh sáng không diệt.

**Hỏi:** Thế nào là Tam thiên đại thiên thế giới?

**Đáp:** Trong kinh Tạp A-hàm, Phật phân biệt nói: Ngàn mặt trời, ngàn mặt trăng, ngàn Diêm-phù-đề, ngàn Cù-đà-ni, ngàn Uất-đan-la-việt, ngàn Phát-bà-đề, ngàn Tu-di-sơn, ngàn Tứ-thiên-vương thiên, ngàn Tam-thập-tam thiên, ngàn Dạ-ma thiên, ngàn Đâu-suất-đà thiên, ngàn Hóa-tự-tại thiên, ngàn Tha-hóa-tự-tại thiên,

ngàn Phạm-thiên, ngàn Đại Phạm thiên. Ấy gọi là Tiểu thiên thế giới, tên là Châu □ > Châu □ ồm ngàn thế giới làm một Tiểu thiên thế giới. Từ một kể đến ngàn, gọi là hai ngàn Trung thiên thế giới. Lấy hai ngàn Trung thiên thế giới làm một, từ một kể đến ngàn, gọi là ba ngàn Đại thiên thế giới. Ngàn đầu là Tiểu thiên, ngàn thứ hai là Trung thiên, ngàn thứ ba là đại thiên. Số ngàn ngàn chồng lên, nên gọi là Đại thiên. Quá hai ngàn lại thêm ngàn, nên gọi là Tam thiên, ấy là danh từ tập hợp. Trăm ức nhật nguyệt cho đến trăm ức Đại Phạm thiên, gọi là Tam thiên đại thiên thế giới, một lần sanh, một lần diệt.

Có người nói: Thời gian trụ là một kiếp, thời gian diệt là một kiếp, trở lại thời gian sanh là một kiếp, ấy là Tam thiên đại thiên thế giới. Đại kiếp cũng có ba thứ phá hoại (đại tam tai) là nước, lửa, gió. Tiểu kiếp cũng có ba thứ phá hoại (tiểu tam tai) là đao, binh, ôn dịch, cơ cấn.

Tam thiên đại thiên thế giới ấy ở giữa hư không, trên gió là nước, trên nước là đất, trên đất là người.

Núi Tu-di có hai nơi: Nơi Tứ-thiên-vương ở và nơi Tam-thập-tam thiên ở, thừa ra là nơi trời Dạ-ma v.v... ở. Do nhân duyên phước đức, đất toàn bảy báu, gió nổi giữa không, cho đến trời Đại Phạm, đều là đất bảy báu, đều ở trên gió.

Ánh sáng chiếu khắp Tam thiên đại thiên thế giới ấy. Ánh sáng quá thừa ra, chiếu đến hàng sa thế giới phương Đông, phương Nam, Tây, Bắc; bốn hướng trên, dưới cũng như vậy.

**Hỏi:** Ánh sáng ấy chiếu khắp, tại sao không diệt?

**Đáp:** Ánh sáng lấy thần lực của Phật làm gốc, gốc còn cho nên không diệt. Cũng như suối Ròng, do sức Ròng mà nước không khô. Các ánh sáng ấy do tâm lực của Phật nên chiếu khắp mười phương, trung gian không diệt.

**Hỏi:** Như các sông lớn trong Diêm-phù-đề cũng có sông lớn quá hơn sông Hằng, vì sao thường chỉ nói Hằng hà sa?

**Đáp:** Cát ở sông Hằng nhiều, sông khác không bằng. Lại nữa, sông Hằng là nơi Phật sanh, nơi Phật du hành, các đệ tử tận mắt thấy nên lấy làm ví dụ.

Lại nữa, Phật ra đời tại Diêm-phù-đề, Diêm-phù-đề có bốn sông lớn, phát xuất ở phía Bắc, chảy vào trong bốn phương đại hải. Trong núi tuyết phía Bắc có ao A-na-bà-bạt-đa, có hoa sen bảy báu sắc kim, lớn như tàng xe. Long vương A-bà-

bạt-đa chính là đại Bồ-tát ở đệ thất trụ. Bốn bên áo ấy, có bốn dòng nước. Đông phương hình đầu voi, Nam phương hình đầu trâu, Tây phương hình đầu ngựa, Bắc phương hình đầu sư tử. Đông phương hình đầu voi, phát xuất sông Hằng, đáy sông có cát vàng. Nam phương hình đầu trâu, phát xuất sông Tân-đầu; đáy sông cũng có cát vàng. Tây phương hình đầu ngựa, phát xuất sông Bà-xoa; đáy sông cũng có cát vàng. Bắc phương hình đầu sư tử, phát xuất sông Tư-đà; đáy sông cũng có cát vàng.

Bốn sông ấy đều phát xuất ở Bắc sơn. Sông Hằng phát xuất ở Bắc sơn chảy vào biển Đông. Sông Tân-đầu phát xuất ở Bắc sơn chảy vào biển Nam. Sông Bà-xoa phát xuất ở Bắc sơn chảy vào biển Tây. Sông Tư-đà phát xuất ở Bắc sơn chảy vào biển Bắc. Trong bốn sông ấy, sông Hằng lớn nhất. Kinh thư của các người ở bốn phương xa đều cho sông Hằng là sông phước đức tốt lành, nếu ai vào đó tắm rửa thì các ác tội cấu đều trừ sạch, vì người ta kính thờ sông ấy, ai nấy đều biết, cho nên Phật lấy sông Hằng làm thí dụ.

Lại nữa, tên của các sông khác ưa thay đổi, tên của sông Hằng đời đời không thay đổi; vì vậy nên lấy cát sông Hằng làm thí dụ, không lấy các sông khác.

**Hỏi:** Cát trong sông Hằng có bao nhiêu?

**Đáp:** Hết thầy toán số không thể biết được, chỉ có Phật và pháp thân Bồ-tát mới biết được số đó. Phật và pháp thân Bồ-tát, hết thầy vi trần trong Diêm-phù-đề sanh, diệt, nhiều, ít, đều có thể đếm biết, huống gì là cát sông Hằng? Như lần Phật ngồi dưới gốc cây trong vườn phía ngoài tinh xá Kỳ-Hoàn, có một Bà-la-môn đi đến chỗ Phật hỏi: "Rừng cây này có bao nhiêu lá?" Phật tức thời đáp lại: "Có bấy nhiêu lá". Bà-la-môn sanh tâm nghi: "Lấy ai làm chứng?" Bà-la-môn đi đến bên gốc cây, lấy một ít lá trên cây rồi dấu kỹ đi trở lại hỏi Phật: "Rừng cây này có bao nhiêu lá nhất định?" Phật liền đáp: "Nay thiếu mất bấy nhiêu lá". Phật đã đúng như số lá của Bà-la-môn đã lấy mà trả lời. Bà-la-môn biết rồi, tâm rất kính tín, cầu xin Phật cho xuất gia, về sau được chứng quả A-lán, vì vậy, nên biết Phật có thể biết số cát sông Hằng.

**Hỏi:** Có bao nhiêu người gặp ánh sáng của Phật, ắt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam Bồ-đề? Nếu gặp ánh sáng bèn đắc đạo, Phật có tâm đại từ, sao không thường phóng ánh sáng để cho tất cả đắc đạo, cần gì phải trì giới, thiền định, trí tuệ, vậy sau mới đắc đạo?

**Đáp:** Chúng sanh do nhiều nhân duyên đắc độ chẳng đồng, có người do thiên định mà đắc độ, có người do trì giới thuyết pháp mà đắc độ, có người do ánh



sáng chạm thân mà đắc độ. Cũng như thành có nhiều cửa vào, mà nơi đi đến của mỗi cửa không khác. Có người do ánh sáng chạm thân mà đắc độ, nhưng cũng có người thấy ánh sáng hoặc chạm thân mà không đắc độ.

**KINH:** Bảy giờ, từ lỗ chân lông trên toàn thân của Thế Tôn cũng đều mỉm cười mà phóng ra các ánh sáng, chiếu khắp Tam thiên đại thiên thế giới, lại chiếu đến hằng hà sa thế giới khắp mười phương, nếu có chúng sanh gặp ánh sáng ấy, ắt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam Bồ-đề.

**LUẬN: Hỏi:** Trên kia, đã nói toàn thân mỉm cười; nay vì sao lại nói hết thảy lỗ chân lông đều cười?

**Đáp:** Toàn thân mỉm cười là phần thô, nay hết thảy lỗ chân lông đều cười là phần tế.

Lại nữa, trước toàn cả thân mỉm cười, ánh sáng có số lượng, nay hết thảy lỗ chân lông đều cười thì ánh sáng vô lượng; lượng.

Lại nữa, trước gặp ánh sáng của toàn thân mà chưa đắc độ, thì nay gặp ánh sáng của lỗ chân lông liền đắc độ. Cũng như rung cây lấy quả, quả chín rụng trước, nếu chưa rụng, lại rụng tiếp lần sau. Lại như bắt cá, lưới trước chưa bắt hết, lưới sau sẽ bắt. Nhân duyên cười như trên đã nói.

(Hết cuốn 7 theo bản Hán)

--o0o --

## Cuốn 8

**KINH:** Bảy giờ, Thế Tôn dùng ánh sáng thường chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới, và đến thế giới của chư Phật nhiều như cát sông Hằng ở phương Đông, cho đến mười phương cũng như vậy. Nếu có chúng sanh gặp được ánh sáng ấy, chắc chắn được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam Bồ-đề.

**LUẬN:**

**Hỏi:** Trên đã toàn thân mỉm cười và lỗ chân lông phóng ánh sáng, nay vì sao còn phóng ánh sáng thường để chiếu mười phương?

**Đáp:** Có người thấy ánh sáng lạ, bảo đó không phải ánh sáng của Phật. Thấy ánh sáng của Phật lớn dần thì tâm sanh hoan hỷ, nói đó thật là ánh sáng của Phật, nên chắc chắn đạt đến A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam Bồ-đề.

**Hỏi:** Thế nào là ánh sáng thường?

**Đáp:** Bốn bên thân Phật đều có ánh sáng một trượng, khi Bồ-tát sanh ra liền có. Đó là trong ba mươi hai tướng gọi là tướng trượng quang.

**Hỏi:** Vì sao ánh sáng của Phật thường một trượng mà không nhiều hơn?

**Đáp:** Ánh sáng thường của chư Phật thì vô lượng, thường chiếu mười phương thế giới. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni có thân thông và thân quang vô lượng, hoặc một trượng, trăm trượng, ngàn trượng, vạn ức cho đến khắp ba ngàn đại thiên thế giới, cho đến cả mười phương, như pháp thường của chư Phật. Nhưng vì chúng sanh ở trong đời ngũ trược ít đức ít trí, nên chỉ hiện ra ánh sáng một trượng, nếu hiện ra ánh sáng nhiều hơn thì hiện chúng sanh phước mỏng, căn độn, mắt không kham nổi ánh sáng đó. Như người thấy thân trời, thì con mắt bị mờ, vì ánh sáng mạnh mà mắt yếu. Nếu chúng ta có lợi căn phước trọng thời Phật sẽ hiện ra ánh sáng vô lượng.

Lại nữa, có người do thấy ánh sáng thường của Phật, sanh tâm hoan hỷ mà được đắc độ, cũng như Quốc vương đem đồ ăn thường còn lại cho kẻ dưới, người nhận được rất vui. Phật cũng như vậy, có người thấy các thứ ánh sáng khác thì tâm không hoan hỷ, mà thấy ánh sáng thường của Phật thì chắc chắn đạt đến A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam Bồ-đề.

**KINH:** Bảy giờ, Thế Tôn hiện ra tướng lưới rộng dài phủ khắp ba ngàn đại thiên thế giới, vui vẻ mỉm cười. Từ thiệt căn ấy phóng ra vô lượng ngàn vạn ức ánh

sáng, mỗi ánh sáng ấy hóa thành hoa báu kim sắc ngàn cánh. Trên các hoa ấy đều có hóa Phật kiết-già phu tọa, thuyết sáu độ Ba-la-mật, chúng sanh nghe được, chắc chắn được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam Bồ-đề. Cho đến các thế giới của chư Phật ở mười phương nhiều như cát sông Hằng đều cũng như vậy.

**LUẬN: Hỏi:** Như Phật Thế-Tôn, Đại đức tôn trọng, vì sao hiện ra lưỡi rộng dài có vẻ như tướng thấp kém?

**Đáp:** Ở trên đã phóng ra ba thứ ánh sáng chiếu đến mười phương chúng sanh, khiến cho được độ thoát. Nay muốn chính miệng nói ra Đại Bát-nhã Ba-la-mật, Đại Bát-nhã Ba-la-mật rất sâu xa khó hiểu khó biết, khó có thể tin thọ, cho nên hiện ra tướng lưỡi rộng dài để làm chứng. Tướng lưỡi như vậy, nói ra ắt chân thật.

Như xưa có một lần Phật ở nước Xá-bà-đề, thọ tuệ xong, A-nan theo Phật du hành các nước, khi sắp đến thành của Bà-la-môn, vua của thành Bà-la-môn vốn biết Phật có thần đức hay chuyển hóa chúng sanh, cảm động tâm mọi người, nay đi đến đây, thì ai còn thích ta nữa! Vua liền ra lệnh cấm: "Nếu ai cúng cho Phật ăn, nghe Phật nói thời bị phạt năm trăm tiền vàng".

Sau khi ra lệnh, Phật đến nước đó, cùng A-nan ôm bát vào thành khát thực, mọi người trong thành đều đóng cửa không tiếp, Phật ôm bát không mà ra khỏi thành. Lúc ấy, trong một gia đình có người tứ già, cầm chậu bể đựng đồ thiêu ra khỏi cửa để liệng, thấy Phật Thế-Tôn ôm bát không đi đến, người tứ già thấy tướng hảo của Phật sắc vàng, lông trắng, nhục kế, ánh sáng một trượng, mà bình bát trống không chẳng có đồ ăn. Thấy rồi vị ấy suy nghĩ: "Thần nhân như thế, đáng ăn đồ ăn của trời, nay tự hạ mình cầm bát đi xin, chắc vì lòng đại từ thương xót hết thảy", rồi liền sanh lòng tin thanh tịnh, muốn cúng dường đồ ngon, mà không làm sao được như nguyện. Hồ thẹn, vị ấy thưa với Phật: "Tôi nghĩ muốn dọn bữa cúng dường mà không thể được, nay đồ ăn xấu tệ này, Phật cần thì nhận lấy".

Phật biết tâm người kia tín kính thanh tịnh, nên đưa bình bát ra nhận đồ cúng thí đó. Phật liền cười, phát ra ánh sáng năm sắc, chiếu khắp trời đất, rồi trở lại nhập vào tướng giữa hai chân mày.

A-nan thấy thế quỳ thẳng chấp tay bạch Phật: "Kính thưa Thế Tôn, nay nhân duyên nào mà Ngài cười, xin cho con được nghe ý nghĩa ấy". Phật bảo A-nan: "Thầy có thấy bà già đem lòng tín vừa cúng thức ăn cho Phật chẳng?" A-nan thưa: "Bạch Thế Tôn, con có thấy". Phật nói: "Bà già ấy do cúng Phật ăn mà

trong mười lăm kiếp, ở trên cõi trời và trong cõi người, thọ phước báo khoái lạc, không bị đọa ác đạo, sau sẽ được làm thân nam, xuất gia học đạo thành Bích-chi Phật và nhập Vô-dư Niết-bàn". Bấy giờ cạnh Phật có một Bà-la-môn đứng đó, nói kệ:

"Ông là dòng Nhật chủng Sát-lợi,  
Thái tử của Tịnh-phạn Quốc vương,  
Chỉ vì ăn mà đại vọng ngữ,  
Đồ thúí ấy, báo nặng làm sao!"

Bấy giờ Phật đưa lưỡi rộng dài phủ cả mắt lên đến chân tóc, nói với Bà-la-môn: "Ông thấy trong kinh sách nói người có lưỡi như thế này mà nói dối chằng?" Bà-la-môn thưa: "Nếu người có lưỡi phủ đến mũi, nói đã không hư dối, huống gì phủ đến chân tóc. Tâm tôi tin Phật chắc chắn không vọng ngữ, nhưng chỉ không hiểu vì sao bố thí một ít mà được quả báo nhiều như vậy?" Phật nói với Bà-la-môn: "Ông có bao giờ thấy những việc hy hữu khó thấy ở giữa đời chằng?" Bà-la-môn thưa: "Đã thấy. Tôi có lần đi với người Bà-la-môn, giữa đường thấy bóng của một cây Ni-câu-lô-đà phủ cả năm trăm cỗ xe của khách buôn, mà bóng cây vẫn không hết. Ấy là việc hy hữu khó thấy". Phật hỏi: "Hạt giống của cây ấy lớn hay nhỏ?" Bà-la-môn đáp: "Lớn bằng một phần ba hạt cải". Phật nói: "Ai sẽ tin lời ông, cây to thế mà hạt giống lại rất nhỏ?" Bà-la-môn thưa: "Thật vậy, thưa Thế Tôn, chính mắt tôi thấy chứ không phải hư dối". Phật nói: "Ta cũng như vậy, thấy bà già ấy tín tâm thanh tịnh, cúng thí cho Phật, được quả báo lớn. Cũng như cây ấy, nhân ít mà quả báo nhiều. Lại do phước điền tốt của Như Lai mà được như vậy". Bà-la-môn tâm khai ý tỏ, nắm vốc sát đất, xin sám hối với Phật: "Tâm tôi mù mờ, ngu si không tin Phật". Phật thuyết mỗi mỗi pháp cho ông nghe rồi chứng được đạo quả ban đầu, tức thời ông đưa tay mà cất to tiếng nói: "Hết thầy mọi người, cửa cam lồ đã mở, vì sao không ra!" Tất cả các Bà-la-môn ở trong thành, đến nạp năm trăm tiền vàng cho vua, để rước Phật mà cúng dường, và đều nói: "Được mùi vị cam lồ, thì còn ai tiếc gì năm trăm tiền vàng ấy?" Mọi người đều đi đến Phật, lệnh cấm bị phá. Vua Bà-la-môn ấy cũng theo thần dân quy mạng Phật pháp. Hết thầy người trong thành đều được tịnh tín.

Như vậy, Phật hiện ra tướng lưỡi rộng dài là vì những người bất tín ấy.

**Hỏi:** Như vì Bà-la-môn hiện ra tướng lưới phủ cả mặt, mà ánh sáng của tướng lưới vì sao lại phủ đến ba ngàn đại thiên thế giới?

**Đáp:** Lưới phủ mặt đến chân tóc, là vì sự tin nhỏ, nay vì Bát-nhã Ba-la-mật là đại sự hưng khởi nên hiện tướng lưới rộng dài phủ cả ba ngàn đại thiên thế giới.

**Hỏi:** Người ở trong một thành tất cả thấy được tướng lưới phủ cả mặt ấy còn là khó, huống gì nay nói Đại Bát-nhã Ba-la-mật, tất cả đại hội, vô lượng chúng từ phương này và tha phương tập lại mà đều thấy cả sao? Lại mắt người thấy được không quá vài dặm, nay nói khắp ba ngàn đại thiên thế giới, không phải là to lớn khó tin lắm sao?

**Đáp:** Phật dùng phương tiện gia hộ thần lực, có thể làm cho chúng sanh đều thấy tướng lưới phủ cả ba ngàn đại thiên thế giới này. Nếu Phật không gia hộ thần lực, thời tuy hàng Thập trụ Bồ-tát cũng không biết tâm Phật. Nếu Phật gia hộ thần lực, thì cho đến súc sanh cũng có thể biết tâm Phật. Như trong Hậu-phẩm của Kinh Bát-nhã Ba-la-mật nói: "Hết thầy chúng sanh đều thấy pháp hội của Phật A-súc ở trước mắt. Cũng như khi Phật nói về thế giới đủ thứ nghiêm tịnh của Phật A-di-đà, A-nan xin nguyện muốn thấy, Phật liền làm cho hết thầy chúng hội đều thấy thế giới nghiêm tịnh của Phật Vô-lượng-thọ. Thấy tướng lưới của Phật cũng như vậy, Phật dùng tướng lưới rộng dài phủ khắp ba ngàn đại thiên thế giới, rồi sau đó Ngài cười. Nhân duyên cười đã nói như trên.

**Hỏi:** Ở trước đã phóng ánh sáng của tướng lưới, nay vì sao thiết căn lại phóng ánh sáng?

**Đáp:** Vì muốn cho hết thầy càng tin gấp bội. Lại vì sắc của tướng lưới như Lưu ly, kim quang trong sáng, cùng nhau phát khởi, nên lại phóng ánh sáng.

Lại nữa, các ánh sáng ấy biến thành hoa báu sắc vàng ngàn cánh, từ tướng lưới hiện ra hoa báu sắc vàng ngàn cánh ấy, quang minh chiếu suốt như mặt trời mới mọc.

**Hỏi:** Vì sao trong ánh sáng biến hóa làm hoa báu ấy?

**Đáp:** Vì Phật muốn ngồi.

**Hỏi:** Giường có thể ngồi, hà tất Hoa sen?

**Đáp:** Giường là chỗ ngồi của hàng bạch y thế gian. Lại vì Hoa sen mềm sạch, muốn hiện thần lực, có thể ngồi lên trên đó mà hoa vẫn không hoại. Lại vì chỗ ngồi làm tăng nghiêm diệu pháp. Lại vì các hoa khác đều nhỏ, không bằng hoa

ấy thơm, sạch, lớn. Hoa sen của loài người không quá một thước, còn Hoa sen trong ao Mạn-đà-kỳ-ni và ao A-na-bà-đạt-đa lớn bằng tầng xe. Hoa sen báu trên trời lại lớn hơn thế, ấy thời có thể để kiết-già phu tọa. Hoa của Phật ngồi còn hơn hoa ấy gấp trăm ngàn vạn lần. Lại đài Hoa sen như thế nghiêm tịnh, thơm, đẹp, có thể ngồi.

Lại nữa, lúc kiếp tận đốt cháy, tất cả đều không, do sức nhân duyên phước đức của chúng sanh, gió từ mười phương thổi đến, đối diện nhau, xúc chạm nhau, cầm giữ một giòng nước lớn, trên giòng nước có một người ngàn cái đầu, hai ngàn tay chân, gọi là vĩ-nữu, từ rốn người ấy xuất ra Hoa sen diệu bảo sắc vàng ngàn cánh, ánh sáng nó rất lớn như muôn mặt trời cùng chiếu, trong hoa có người kiết-già phu tọa. Người ấy lại có vô lượng quang minh, gọi là Phạm-thiên vương. Từ tâm Phạm-thiên vương sanh tám đứa con, tám đứa con sanh ra trời đất nhân dân. Phạm-thiên vương đã diệt sạch các dâm dục, sân nhuế. Do đó, nên nói: "Nếu có người tu thiền, tịnh hạnh, dứt trừ dâm dục, thì gọi là thực hành Phạm đạo". Phật Chuyển pháp luân, gọi là Pháp luân,

hoặc gọi là Phạm luân. Phạm-thiên vương ấy ngồi trên hoa sen, nên chư Phật tùy theo kế tục, kiết-già phu tọa trên hoa sen, nói sáu Ba-la-mật. Người nghe được pháp ấy, chắc chắn đạt đến A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam Bồ-đề.

**Hỏi:** Thích-ca Văn Phật hóa làm vô lượng ngàn vạn ức chư Phật, làm sao có thể nói pháp trong một lúc? Như trong A-tỳ-đàm nói: "Trong một lúc không có hai tâm, nếu lúc hóa Phật nói, thì Hóa chủ phải im lặng, lúc Hóa chủ nói thì hóa Phật cũng phải im lặng, làm thế nào cùng một lúc mà đều nói sáu Ba-la-mật?"

**Đáp:** Nói như thế là cách biến hóa của hàng ngoại đạo và hàng Thanh-văn. Còn như Phật biến hóa thì vô lượng do sức tam muội không thể nghĩ nghĩ, nên lúc Phật tự nói, thì cũng vô lượng ngàn vạn ức hóa Phật cũng đều nói.

Lại các hàng ngoại đạo và Thanh-văn không thể làm ra hóa, còn như Phật Thế-Tôn hóa rồi lại làm ra hóa. Các ngoại đạo và hàng Thanh-văn sau khi thân diệt, không thể lưu lại hóa, còn như Phật Thế-Tôn sau khi thân diệt độ, vẫn có thể lưu lại hóa Phật in như Phật không khác.

Lại nữa, trong A-tỳ-đàm, một lúc không có hai tâm, nay Phật cũng như vậy. Đương khi hóa Phật nói, cũng không có tâm, tâm Phật nghĩ tới hoá Phật, muốn khiến hoá Phật nói, liền nói.

**Hỏi:** Nay Phật muốn nói Bát-nhã Ba-la-mật, có sao khiến hóa Phật nói sáu Ba-la-mật?

**Đáp:** Sáu Ba-la-mật và Bát-nhã Ba-la-mật, là một pháp không khác. Năm Ba-la-mật trước mà không có được Bát-nhã Ba-la-mật, thì không gọi là Ba-la-mật. Như Đàn Ba-la-mật không có được Bát-nhã Ba-la-mật thì bị chìm trong pháp hữu tận của thế gian, hoặc được thành A-la-hán, Bích-chi Phật đạo mà nhập Niết-bàn. Nếu có được Bát-nhã Ba-la-mật cùng hợp lại thì gọi là Ba-la-mật, có thể đạt đến Phật đạo; vì vậy, Bát-nhã Ba-la-mật cùng với năm Ba-la-mật là một pháp không khác.

Bát-nhã Ba-la-mật có hai thứ: Một là trang nghiêm, hai là chưa trang nghiêm. Như có người đeo Anh lạc đẹp để trang nghiêm, có người không đeo, gọi là chưa trang nghiêm. Cũng như Quốc vương có kẻ đem tùy tùng theo, gọi là vua đến, nếu không đem kẻ tùy tùng theo, gọi là một mình.

Như vậy, thế giới nhiều như cát sông Hằng ở phương Đông, cho đến mười phương cũng như vậy.

**Hỏi:** Nếu Phật có đại thần lực như thế, thì vô số ngàn vạn ức hóa Phật cho đến mười phương đều thuyết sáu Ba-la-mật, độ thoát tất cả, thế thì phải độ hết, không thể có kẻ chưa độ?

**Đáp:** Có ba thứ chướng ngại: Chúng sanh trong ba đường ác, không thể thấu hiểu; ở trong loài người, trên trời, hoặc quá nhỏ, hoặc quá già, hoặc quá bệnh; và trên cõi Vô sắc, trời Vô tưởng, đều không thể nghe, không thể biết.

**Hỏi:** Những người nghe được, hiểu được, vì sao không cùng đắc đạo hết?

**Đáp:** Cũng không thể tất cả đều đắc đạo, vì sao? Vì kiết sử nghiệp chướng. Có người kiết sử nặng, thường bị kiết sử che tâm, vì vậy nên không cùng đắc đạo hết.

**Hỏi:** Mười phương chư Phật hiện nay, cũng nên khiến hóa Phật thuyết sáu Ba-la-mật, và chúng tôi cũng không có ba chướng ngại ấy, vì sao không nghe?

**Đáp:** Chúng sanh hiện nay, sanh ở đời ác, thời không phải ở vào ba chướng ngại ấy. Ở sau thời Phật, bị nghiệp báo bất thiện, hoặc có chướng ngại vì ác tội nghiệp của thế gian, hoặc có chướng ngại vì kiết sử dày nặng. Sanh nhằm sau thời Phật, con người phần nhiều bị kiết sử dày nặng làm chướng. Hoặc dâm dục mỏng mà sân nhuế dày, sân nhuế mỏng mà dâm dục dày; dâm dục mỏng

mà ngu si dày, ngu si mỏng mà sân nhuế dày. Những thứ như vậy triển chuyển có dày có mỏng thay đổi nhau. Vì các chương ngại của kiết sử, nên không nghe không biết hóa Phật thuyết pháp, không thấy ánh sáng của chư Phật, hưởng gì đắc đạo. Cũng như mặt trời mọc mà người mù không thấy, bèn nói thế gian không có mặt trời, mặt trăng, chứ mặt trời có lỗi gì! Lại như sấm chớp rung chuyển đất mà người điếc không nghe tiếng, chứ tiếng không có lỗi.

Nay mười phương chư Phật thường nói Kinh pháp, thường khiến hoá Phật đến mười phương thế giới thuyết sáu Ba-la-mật, mà vì tội nghiệp như đui, như điếc, nên không nghe được âm thanh của Chánh pháp; vì vậy không thấy nghe hết được. Tuy là Thánh nhân có tâm đại từ, cũng không thể khiến cho mọi người đều nghe đều thấy. Nếu tội sát diệt, phước sát sanh, khi ấy mới được thấy Phật nghe pháp.

**KINH:** Bấy giờ Thế Tôn muốn ở tại tòa Sư tử, nhập vào Sư tử du hý tam muội, dùng sức thần thông làm cảm động ba ngàn đại thiên thế giới, sáu cách rung động.

**LUẬN:** **Hỏi:** Tam muội này vì sao gọi là Sư tử du hý?

**Đáp:** Thí như Sư tử bắt nai, vui giỡn tự tại. Phật cũng như vậy, khi vào tam muội này, có thể bằng nhiều cách xoay chuyển đại địa này, khiến sáu phen rung động.

Lại nữa, Sư tử du hý cũng như ngày mà Sư tử vui chơi, thời các loài thú được an ổn. Phật cũng như vậy, khi nhập vào tam muội ấy, thời rung động ba ngàn đại thiên thế giới, làm cho chúng sanh trong ba đường ác một lúc đều được nghỉ ngơi an ổn.

Lại nữa, Phật gọi là Nhân Sư tử. Sư tử du hý tam muội tức là Phật tam muội vậy. Khi nhập vào tam muội này, khiến đại địa này rung động sáu cách, chúng sanh trong tất cả đường ác địa ngục đều được giải thoát, được sanh lên trời, nên gọi là hý.

**Hỏi:** Vì sao Phật nhập vào tam muội ấy?

**Đáp:** Vì muốn rung động ba ngàn đại thiên thế giới, đưa chúng sanh ra khỏi ba đường ác, đặt vào trong hai đường thiện.

Lại nữa, trên kia ba thứ biến hóa xuất từ thân Phật, người hoặc có tâm tin mà không sâu, nay rung động đại địa là muốn cho chúng sanh biết thần lực là vô



lượng, có thể làm cho ngoại vật đều rung động, mà sanh tâm tịnh tín hoan hỷ, đều được lìa khổ.

**Hỏi:** Có các A-la-hán và chư Thiên cũng có thể làm rung động đại địa, sao chỉ nói thần lực của Phật?

**Đáp:** Các A-la-hán và chư Thiên không thể làm rung động đầy đủ, chỉ có Phật mới khiến cho đại địa rung động sáu cách.

**Hỏi:** Phật làm sao làm rung động ba ngàn đại thiên thế giới?

**Đáp:** Vì muốn khiến chúng sanh biết hết thủy đều là không, vô thường.

Có người nói đại địa, mặt trời, mặt trăng, núi Tu-di, đại hải đều là thường. Thế nên Thế Tôn làm sáu cách chấn động, chỉ bày nhân duyên đó khiến biết là vô thường.

Lại nữa, như người muốn nhuộm áo, trước rũ bỏ bụi đất, Phật cũng như vậy, trước khiến chúng sanh trong ba ngàn thế giới thấy thần lực của Phật sanh tâm cung kính nhu nhuyễn, vậy sau mới nói pháp; vì vậy nên nói sáu cách rung động đại địa. Thế nào là sáu cách rung động?

**KINH:** Phương Đông vọt lên phương Tây lặn xuống, phương Tây vọt lên phương Đông lặn xuống, phương Nam vọt lên phương Bắc lặn xuống, phương Bắc vọt lên phương Nam lặn xuống, bốn bên vọt lên chính giữa lặn xuống, chính giữa vọt lên bốn bên lặn xuống.

**LUẬN:** **Hỏi:** Vì sao chính thức có sáu cách rung động?

**Đáp:** Đất động có thượng, trung, hạ. Hạ có hai cách: hoặc phương Đông vọt lên phương Tây lặn xuống, hoặc phương Nam vọt lên phương Bắc lặn xuống, hoặc bốn bên vọt lên chính giữa lặn xuống. Trung có bốn: Hoặc Đông, Tây, Nam, Bắc; hoặc Đông, Tây, bốn bên, chính giữa; hoặc Nam, Bắc, bốn bên, chính giữa. Thượng là sáu cách chấn động.

Có nhiều nhân duyên khiến quả đất rung động lớn. Như Phật bảo A-nan: "Có tám nhân tám duyên, khiến đại địa chấn động", như chỗ khác nói.

Lại nữa, có người nói có bốn cách làm đất động: Hỏa động, Ròng động, chim Kim-sí động, Thiên vương động.

Hai mươi tám ngôi sao đi giáp một vòng quanh mặt trời mặt trăng, nếu mặt trăng đi đến sao Mão, sao Trương, sao Đễ, sao Lô, sao Thất, sao Vị, trong sáu ngôi sao ấy, bảy giờ đại địa rung động như lở. Cách động ấy thuộc Hỏa thần, lúc ấy không mưa, sông ngòi khô kiệt, mùa lúa bị mất, Thiên tử gặp điều xấu, đại thần thọ ương. Nếu đi đến sao Liễu, sao Vỹ, sao Kỵ, sao Bích, sao Khuê, sao Ngụy, trong sáu ngôi sao ấy, khi ấy đất động như lở. Cách động ấy thuộc Long thần, lúc ấy không mưa, sông ngòi khô kiệt, mùa lúa bị mất, Thiên tử gặp điều xấu, đại thần thọ ương.

Nếu đi đến sao Sâm, sao Quỷ, sao Tinh, sao Chân, sao Cang, sao Dục, trong sáu ngôi sao ấy, bảy giờ đất động như lở. Cách động ấy thuộc chim Kim-sí, lúc ấy không mưa, sông ngòi khô kiệt, mùa lúa bị mất, Thiên tử gặp điều xấu, đại thần thọ ương.

Nếu đi đến sao Tâm, sao Giác, sao Phòng, sao Nữ, sao Hư, sao Tĩnh, sao Tất, sao Tuy, sao Đầu, trong chín ngôi sao ấy, bảy giờ đất động như lở. Cách động ấy thuộc Thiên đế, khi đó an ổn, mưa thuận gió hòa, ngũ cốc được mùa. Thiên tử được điều tốt, đại thần hưởng phước, vạn dân an ổn.

Lại nữa, nhân duyên làm đất rung động có nhỏ có lớn. Có khi rung động một Diêm-phù-đề, có khi rung động tứ thiên hạ, một ngàn, hai ngàn, ba ngàn đại thiên thế giới

Động nhỏ là do nhân duyên nhỏ, như người có phước đức, hoặc sanh, hoặc chết, thì đất của một nước rung động, ấy là động nhỏ. Động lớn là do nhân duyên lớn, như Phật lúc sắp diệt độ, thì ba ngàn đại thiên thế giới chấn động, ấy là động lớn. Nay Phật muốn tập hợp chúng sanh một cách rộng lớn nên khiến đại địa này chấn động sáu cách.

Lại nữa, trong pháp Bát-nhã Ba-la-mật, Phật thọ ký cho các Bồ-tát sẽ được làm Phật, mà Phật là vị chủ lớn của trời đất, khi ấy địa thần ấy mừng, rằng ta nay sẽ có được vị chủ tế, thế nên đất động. Cũng như Quốc vương khi mới được lập, thần dân vui mừng, đều tung hô vạn tuế, nhảy nhót ca múa.

Lại nữa, do nhân duyên phước đức của chúng sanh trong ba ngàn đại thiên thế giới nên có đại địa này với núi sông cây cối hết thảy mọi vật, mà chúng sanh không biết nó là vô thường. Vì vậy, Phật dùng đại lực của phước đức trí tuệ, làm chấn động thế giới ấy, khiến chúng sanh phước đức biết là mỏng manh, tất cả đều Ma diệt, trở về vô thường.

**KINH:** Đất đều nhu nhuyễn, khiến chúng sanh hòa vui.

**LUẬN:** **Hỏi:** Đất rung động làm sao có thể khiến chúng sanh hòa vui?

**Đáp:** Tâm tùy theo thân, thân được chuyện vui, thời tâm hân duyệt. Duyệt là những người cùng ở và đồ vật tiện lợi cho thân, hay làm cho tâm vui vẻ. Nay vì chúng sanh hỗn tạp xấu ác trong ba ngàn đại thiên thế giới, tâm nó thô ác, không có điều thiện; vì vậy, Thế Tôn làm rung động đại địa này, khiến đều nhu nhuyễn, tâm được lợi ích. Cũng như trời Ba mươi ba ở trong vườn hoan lạc, chư thiên đi vào, tâm đều nhu nhuyễn, hoan lạc hòa vui, tâm thô ác không sanh, Khi A-tu-la dấy binh kéo đến, đều không quan tâm. Khi ấy, dân của Thích-đề-bà-na dẫn các thiên chúng vào trong vườn thô-sáp. Vì trong vườn đó, cây cối hoa trái, khí vị không vui vẻ, vì Thô-sáp xấu xa, nên các thiên chúng liền sanh quan tâm. Phật cũng vậy, vì đại địa này thô-sáp xấu xa nên biến nó thành nhu nhuyễn, khiến tâm tất cả chúng sanh được vui vẻ. Lại như khi chú thuật thuốc cỏ xông vào mũi người, tâm giận liền sanh, tức thời đấu tranh nhau. Lại có thuốc cỏ làm tâm người hòa vui hoan hỷ, cung kính lẫn nhau. Chú thuật thuốc cỏ còn được như vậy, huống là cả đại địa của ba ngàn đại thiên thế giới đều nhu nhuyễn.

**KINH:** Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và tám nạn của ba ngàn đại thiên thế giới tức thời giải thoát, được sanh lên trời, từ trời Tứ thiên vương cho đến trời Tha-hóa-tự-tại.

**LUẬN:** **Hỏi:** Nếu Phật nhập vào Sư tử du hý tam muội, có thể khiến cho địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và tám nạn đều được giải thoát, sanh lên cõi trời Tứ thiên vương cho cho đến trời Tha-hóa-tự-tại, như thế còn cần gì tu phước hành thiện mới được quả báo?

**Đáp:** Điều ấy như trên đã nói, người phước đức nhiều, thấy ánh sáng là được độ, người tội cấu sâu nặng do đất rung động mới được độ. Cũng như mặt trời mọc chiếu bên hồ sen, những sen già nở trước, sen non thì chưa. Phật cũng như vậy, trước phóng ánh sáng, người phước thuần thực, tâm trí lanh lợi thì được giải thoát trước, còn người phước chưa thuần thực, tâm trí không lanh lợi, cho nên chưa được. Phật đại từ đại bi, bình đẳng cứu độ hết thảy, không ghét không thương. Cũng như trái cây, người rung cây, trái chín rụng trước. Phật cũng như vậy, ba ngàn đại thiên thế giới như cây, người rung là Phật, người được độ trước là quả chín, người chưa được độ là quả xanh.

**Hỏi:** Vì sao nhân duyên thiện tâm mà chỉ sanh lên cõi trời Dục giới, không sanh lên cõi trời Sắc giới và cõi trời Vô sắc giới?

**Đáp:** Phật muốn độ chúng sanh đắc đạo chứng quả. Ở trong cõi Vô sắc vì không có thân nên không thể thuyết pháp cho. Ở trong Sắc giới, không có tâm biết nhàm chán, nên khó có thể đắc đạo, vì cái vui trong cảnh thiền thời nhiều mà tuệ tâm thời độn.

Lại nữa, Phật dùng thần thông làm cảm động, khiến đại địa của ba ngàn đại thiên thế giới đều nhu nhuyễn, chúng sanh có tín tâm đều hoan hỷ nên sanh lên cõi trời Dục giới. Vì không được Tứ thiên và Tứ không định nên không được sanh lên cõi Sắc và cõi Vô sắc.

**Hỏi:** Năm uẩn là vô thường, không, vô ngã, làm sao sanh vào cõi trời và cõi người? Ai chết và ai sanh?

**Đáp:** Việc ấy, đã nói rộng trong chương Tán Bồ-tát, nay sẽ lược đáp: Ông nói năm uẩn vô thường, không, vô ngã. Năm uẩn ấy ở trong Bát-nhã Ba-la-mật không có thường hay vô thường, không hay vô không, ngã hay vô ngã. Nếu như người ngoại đạo tìm cầu thật ngã, ngã ấy không thể có được, chỉ có giả danh, do các thứ nhân duyên hòa hợp mà có, có danh tự ấy. Cũng như người huyền thuật giết nhau, người ngoài thấy nó chết, do huyền thuật khiến đứng dậy, người ngoài thấy nó sống, Sống và chết chỉ có danh tự, không có thật chất. Trong pháp thế gian thì thật có sống chết, trong pháp thật tướng thì không có sống chết.

Lại nữa, người sanh tử có sanh tử, người không sanh tử không có sanh tử, vì sao? Vì người không sanh tử, dùng đại trí tuệ phá trừ tướng sanh, như kệ nói:

"Phật pháp tướng tuy không,  
Cũng không phải đoạn diệt,  
Tuy sanh cũng phi thường,  
Các hạnh nghiệp không mất.  
Các pháp như cây chuối,  
Hết thầy từ tâm sanh,  
Nếu biết pháp không thật,

Tâm ấy lại cũng không.  
Nếu có người niệm không,  
Thời chẳng phải đạo hành,  
Các pháp chẳng đoạn diệt,  
Niệm có nên mất tướng.  
Có niệm, sa lưới Ma,  
Không niệm được ra khỏi,  
Tâm động chẳng phải đạo,  
Bất động là Pháp ấn".

**KINH:** Các Thiên nhân ấy tự biết Túc mạng, đều rất hoan hỷ, đi đến chỗ Phật, đầu mặt lễ chân Phật, rồi ngồi một bên.

**LUẬN: Hỏi:** Chư thiên khi sanh tự biết ba việc: Biết chỗ đi đến, biết chỗ tu hành phước đức, biết phước đức đã làm. Người khi sanh không có ba việc đó. Thế nào là biết Túc mạng?

**Đáp:** Nhân đạo không nhất định, hoặc có người biết, có người không biết. Lại nữa, nhờ thần lực của Phật, thời biết Túc mạng.

**Hỏi:** Chư thiên có quả báo được năm thứ thần thông, tự biết Túc mạng, có thể đi đến chỗ Phật, loài người tuy nhờ Phật lực, được biết Túc mạng, song chỗ ở rất xa làm sao có thể đi đến chỗ Phật?

**Đáp:** Hoặc có người sanh ra đã có quả báo được thần thông, như Chuyển luân Thánh vương, Thánh nhân v.v... Hoặc có người nhờ Phật lực.

**Hỏi:** Người sanh ra được, phải mười tháng mang thai, ba năm bú mớm, sau mười tuổi mới có thể tự đi ra. Nay nhờ oai thần của Phật, tam đồ bát nạn đều được giải thoát, sanh trong cõi trời hay cõi người, liền đi đến chỗ Phật. Nhưng trời có thể như vậy, còn người, nhân pháp chưa thành làm sao đến được?

**Đáp:** Cách sanh ra trong ngũ đạo không đồng nhau: Chư thiên, địa ngục đều do hóa sanh; ngã quỷ thì hoặc thai sanh hoặc hóa sanh; nhân đạo và súc sanh có bốn cách là noãn sanh, thấp sanh, hóa sanh, thai sanh.

Noãn sanh là như Tỳ-xá-khư, mẹ của Di-già-la, sanh 32 đũa con (Tỳ-xá-khư sanh 32 cái trứng, trứng nở ra 32 con trai, đều là lực sĩ; Di-già-la là đũa con lớn nhất. Bà mẹ ấy sau được đọa quả thứ ba). Những người như vậy gọi là người sanh ra từ trứng. Thấp sanh là như Dâm nữ Yêm-la-bà-l□ đảnh sanh Chuyển luân, v.v... Như vậy gọi là sanh ra từ ẩm ướt. Hoá sanh là như Phật cùng 4 chúng du hành, trong chúng Tỳ-kheo-ni có Tỳ-kheo-ni tên A-la-bà, từ trong đất hóa sanh, và lúc kiếp sơ, người đầu hóa sanh. Như vậy gọi là sanh do biến hóa, Thai sanh là sanh như người thường sanh. Người hóa sanh lập tức khôn lớn, có thể đi đến chỗ Phật. Lại nữa, nhờ Phật gia hộ thần lực nên có thể đi đến chỗ Phật.

**KINH:** Như vậy, thế giới nhiều như cát sông Hằng ở trong mười phương, đất đều chấn động sáu cách, hết thủy địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và tám nạn đều được giải thoát, được sanh lên cõi trời, ngang trời thứ sáu (ở Dục giới).

**LUẬN: Hỏi:** Chúng sanh trong ba ngàn đại thiên thế giới đã rất nhiều vô lượng vô số, sao lại còn phổ cập đến chúng sanh trong mười phương thế giới nhiều như cát sông Hằng?

**Đáp:** Phật lực vô lượng, tuy độ chúng sanh trong ba ngàn đại thiên thế giới còn cho là ít, nên lại còn phổ cập đến mười phương.

**Hỏi:** Nếu Thích-ca Văn-ni Phật dùng đại thần lực rộng độ mười phương, thì sao lại còn cần đến nhiều Phật?

**Đáp:** Vì chúng sanh vô lượng, không thuần thực một lúc. Lại nhân duyên của chúng sanh không đồng nhau, như trong pháp Thanh-văn nói: Đệ tử có nhân duyên với Xá-lợi-phất, trừ Xá-lợi-phất, chư Phật còn không thể độ, huống gì người khác.

Lại nữa, nay chỉ nói đến một hằng hà sa thế giới phương Đông, không nói hai, ba, bốn cho đến ngàn vạn ức các thế giới nhiều như cát sông Hằng. Lại vì thế giới vô biên vô lượng, nếu có biên có lượng, thì chúng sanh có thể cùng tận.

Vì vậy, chư Phật cần độ mười phương vô lượng thế giới.

**KINH:** Bấy giờ chúng sanh trong ba ngàn đại thiên thế giới, người mù được thấy, người điếc được nghe, người câm được nói, người điên được tỉnh, người loạn được định, người trần truồng được áo, người đói khát được no đủ, người bệnh được lành, người tàn tật được nguyên vẹn.

**LUẬN: Hỏi:** Chúng sanh khổ nạn có trăm ngàn thứ, sao thần lực của Phật không làm cho tất cả đều được giải thoát?

**Đáp:** Hết thầy đều cứu, nay chỉ lược nói phần thô. Như có nhiều kiết sử mà chỉ nói đến ba độc.

**Hỏi:** Chỉ nói người mù được thấy là đủ, vì sao lại nói là mù bẩm sanh?

**Đáp:** Người sanh ra đã mù là vì tội nặng đời trước. Tội nặng còn làm cho thấy được hưởng gì tội nhẹ.

**Hỏi:** Thế nào vì tội nặng đời trước làm cho sanh ra đã mù?

**Đáp:** Hoặc phá hư con mắt của chúng sanh, hoặc móc mắt của chúng sanh, hoặc phá con mắt chánh kiến, nói rằng không có tội phước, người ấy chết đọa địa ngục, tội hết được sanh làm người, sanh ra đã mù. Hoặc còn ăn trộm hỏa châu và đèn sáng trong tháp Phật, hoặc còn ăn trộm hỏa châu và đèn sáng trong tháp A-la-hán, Bích-chi Phật. Hoặc ăn cắp ánh sáng của trong ruộng phước khác. Vì những nhân duyên của nghiệp đời trước như thế nên bị đui mắt, đời nay hoặc vì bệnh, vì bị đánh mà đui mắt, ấy là do nhân duyên đời nay.

Lại nữa, chín mươi sáu thứ bệnh mắt, vua thầy thuốc là Xà-ca-na không thể trị được, chỉ Phật Thế Tôn là có thể làm cho được thấy.

Lại nữa, trước làm cho được thấy, sau lại làm cho được con mắt trí tuệ. Kẻ điếc được nghe cũng như vậy.

**Hỏi:** Nếu có mù bẩm sanh, sao không nói điếc bẩm sanh?

**Đáp:** Phần nhiều bị mù bẩm sanh, ít có kẻ điếc bẩm sanh, nên không nói.

**Hỏi:** Vì nhân duyên gì mà điếc?

**Đáp:** Điếc là vì nhân duyên đời trước, thầy, cha dạy bảo không chịu nghe, không thực hành còn trở lại sân hận. Vì tội ấy mà bị điếc.

Lại nữa, vì cắt tai chúng sanh, hoặc phá hư tai chúng sanh, hoặc ăn trộm kiên chùy, linh, ốc, trống của trong tháp Phật, tháp Tăng và trong các ruộng phước khác (như cha mẹ, thầy ...) cho nên mắc tội ấy. Như vậy là những nhân duyên của nghiệp đời trước. Nhân duyên đời nay là hoặc bị bệnh, hoặc bị đánh v.v... là nhân duyên của đời nay làm cho điếc.

**Hỏi:** Người câm không nói được, làm tội gì mà bị câm?

**Đáp:** Đòi đòi cắt lưỡi người khác, hoặc bịt miệng người, hoặc bỏ thuốc độc làm cho không nói được, hoặc nghe giáo sư, cha mẹ dạy bảo, ngắt lời họ, chê lời họ, hoặc làm người ác tà kiến không tin tội phước, phá chánh ngữ, nên sau khi chịu tội ở địa ngục ra, được sanh làm người, bị câm không nói được. Vì các nhân duyên như vậy nên câm.

**Hỏi:** Kẻ điên được tỉnh, vì sao mà điên?

**Đáp:** Đòi trước tạo tội, phá không cho người tọa thiền, phá nhà tọa thiền, dùng các chú thuật làm cho người nổi giận đấu tranh, dâm dục. Hoặc vì đời nay các kiết sử nặng nề, như kẻ Bà-la-môn làm ruộng bị mất mùa, vợ nó lại chết, tức thời phát điên, trần truồng chạy loạn. Lại như Tỳ-kheo-ni Si-xá-già-kiêu-đàm lúc còn làm cư sĩ tại gia, có bảy người con đều chết, hết sức ưu sầu, nên mất tâm trí phát cuồng. Có người vì quá giận không tự chế được, mà trở thành đại si cuồng. Có người vì ngu si tà ác, lấy tro bôi mình, nhổ tóc, trần truồng, cuồng si ăn phân. Có người hoặc vì bệnh gió, bệnh nóng, bệnh nặng mà thành điên. Có người bị ác quỷ ám, hoặc có người quá ngu uống nhầm nước mưa mà điên. Mất tâm trí như vậy, các thứ như vậy gọi là điên. Nhờ được thấy Phật mà điên được tỉnh.

**Hỏi:** Kẻ loạn được định. Điên là loạn, vì sao lại khác?

**Đáp:** Có người không điên mà tâm phần nhiều tán loạn, ý như con khỉ, không thể chuyên chú một chỗ, nên gọi loạn tâm.

Lại có việc gấp gáp vội vàng, tâm vướng theo việc, nên mất tâm lực, không kham lãnh thọ đạo pháp.

**Hỏi:** Loạn tâm vì nhân duyên gì?

**Đáp:** Thiện tâm mỏng dần, theo đuổi điều bất thiện, ấy gọi là tâm loạn.

Lại nữa, vì người ấy không quán vô thường, không quán tướng chết, không quán đời là không, ưa đắm sống lâu, tính toán công việc, dong ruổi đủ thứ, cho nên tâm loạn.

Lại nữa, không được cái vui bên trong theo Phật pháp, chạy tìm cái vui bên ngoài. Vì lý do đeo đuổi các vui cho nên tâm loạn. Người tâm loạn như thế, được thấy Phật, tâm họ lại được định.

**Hỏi:** Trước nói người điên được tỉnh, nay nói người trần truồng được áo, vì sao có sự trần truồng?



**Đáp:** Điên có hai thứ: Một là ai cũng biết đó là điên, hai là vì ác tà kiến mà tự trần truồng, không ai biết đó là điên. Như kể chuyện kể, ở Nam thiên Trúc có vị Pháp sư, ngồi tòa cao thuyết nghĩa ngũ giới, trong chúng ấy có nhiều ngoại đạo đến nghe. Khi ấy vị quốc vương nặn rằng: "Nếu như lời Pháp sư giảng, người thí cho rượu và người tự uống rượu, phải chịu quả báo điên khùng, thì đáng đời nay người điên phải nhiều hơn người tỉnh, chứ sao nay người điên lại ít mà người tỉnh lại nhiều?" Lúc ấy các ngoại đạo đều nói: "Hay thay, lời vấn nạn thâm thúy! Ông trọc đầu ngồi tòa cao ấy, chắc chắn không đáp được, vì vua lợi trí".

Khi ấy Pháp sư lấy tay chỉ người ngoại đạo, mà nói qua chuyện khác. Vua liền hiểu. Các ngoại đạo nói với vua: "Lời vấn nạn của vua rất thâm thúy, người ấy không biết trả lời, sợ xấu hổ vì điều không biết, nên chỉ đưa tay chỉ và nói qua chuyện khác. Vua nói với ngoại đạo: "Pháp sư ngồi tòa cao lấy tay chỉ là đã đáp xong, vì hộ vệ cho các người nên không dùng lời nói, mà chỉ chỉ các người để nói rằng, các người là người điên, điên không phải ít. Các người lấy tro bôi mình, ở trần truồng không biết hổ, dùng đầu lâu của người đặng phân mà ăn, nhổ tóc, nằm trên chông gai, treo ngược, xông mũi, mùa đông nhảy vào nước, mùa hạ hơ lửa. Các sở hành phi đạo như thế, đều là hình thức của điên khùng. Lại nữa, theo pháp của các người, bán thịt và bán muối là mất Bà-la-môn, khi cúng tế trời nếu được bố thí Bò, liền đem bán đi, tự cho đó là đúng pháp, nhưng Bò cũng như thịt. Dối gạt người như vậy, không phải là lỗi sao? Lại nói "Vào trong sông cát tốt (sông Hằng) tội lỗi đều tiêu trừ. Thế là tội hay phước đều không có nhân duyên chi cả. Bán thịt, bán muối có tội gì? Vào trong sông cát có thể tiêu tội? Nếu có thể tiêu tội cũng có thể tiêu phước, thì đâu có tốt gì? Những việc như vậy không nhân không duyên, cưỡng cho là nhân duyên, đó là điên. Như vậy, các hình thức điên đều chính là các người. Pháp sư muốn hộ vệ các người nên lấy tay chỉ mà không nói". Những việc như vậy gọi là điên trần truồng.

Lại nữa, có người nghèo cùng không có áo, chỉ mặc áo rách lam lũ, nhờ Phật lực làm cho có được áo.

**Hỏi:** Kẻ đói được no, kẻ khát được uống. Thế nào là đói khát?

**Đáp:** Phước đức mỏng manh, đời trước không nhân, đời này không duyên, thế nên đói khát.

Lại nữa, người ấy đòi trước cướp đồ ăn của Phật, A-la-hán, Bích-chi Phật và đồ ăn cha mẹ thân thích, nên tuy gặp đời có Phật vẫn chịu đói khát, là vì tội nặng vậy.

**Hỏi:** Hiện nay có người sanh ở cõi đời ác trước lại được ăn uống no đủ, còn người sanh gặp đời có Phật lại chịu đói khát, sao lại như vậy? Nếu là người tội, thì không nên sanh gặp đời có Phật, nếu là người phước thì không nên sanh ở đời ác mới phải?

**Đáp:** Nhân duyên nghiệp báo của mỗi người không đồng nhau. Hoặc có người có nhân duyên gặp Phật lại không có nhân duyên ăn uống, hoặc có nhân duyên ăn uống lại không có nhân duyên gặp Phật. Cũng như Rắn đen ôm ngọc Ma-ni mà nằm, hoặc có A-la-hán đi khát thực mà không được chi. Lại như thời Phật Ca-diếp, có hai anh em xuất gia cầu đạo, một người trì giới, tụng kinh, tọa thiền, một người chỉ lo đến các Đàn-Việt, tu các phước nghiệp. Đến khi đức Phật Thích-ca Văn ra đời, một người sanh vào nhà trưởng giả, một người làm voi trắng lớn, có sức phá giặc. Người con trưởng giả xuất gia học đạo, được sáu thần thông, thành A-la-hán, mà vì bạc phước, đi khát thực khó được. Ngày nọ ôm bình bát vào thành khát thực, đi khắp nơi mà chẳng được gì cả, đi đến ngang chuồng bạch tượng thấy vua cung cấp cho Voi đủ thứ, liền nói với Voi rằng: "Ta với người đều có tội lỗi". Voi liền cảm động thăm uất, ba ngày không ăn. Người giữ Voi sợ hãi, tìm đến gặp đạo nhân, hỏi rằng: "Ông làm chú thuật gì khiến voi trắng của vua bệnh khổ không thể ăn? Đáp: "Voi ấy là em của ta trong đời trước, cùng xuất gia học đạo trong thời Phật Ca-diếp. Ta chỉ lo trì giới, tụng kinh, tọa thiền già cung kính, không biết hành bố thí, còn em ta chỉ lo đến các Đàn-Việt, làm việc bố thí, không học vấn. Vì nó không trì giới, tụng kinh, tọa thiền, nên nay phải làm Voi ấy, và nhờ tu hạnh bố thí nhiều mà ăn uống đầy đủ các thứ, còn ta chỉ lo hành đạo, không biết tu bố thí, nên nay tuy được đạo, mà đi khát thực không ra".

Vì vậy, do nhân duyên bất đồng, nên tuy gặp đời có Phật, mà vẫn chịu đói khát.

**Hỏi:** Các chúng sanh ấy làm thế nào được no đủ?

**Đáp:** Có người nói, Phật dùng thần lực biến làm đồ ăn, khiến cho no đủ. Lại có người nói, ánh sáng của Phật chạm vào thân, làm cho không đói khát. Cũng như ngọc Như-ý, Ma-ni, có người tâm nghĩ tới là hết đói khát, hướng đi gặp Phật. (Kinh nói): Người bệnh được lành. Bệnh có hai thứ: Do quả báo hành nghiệp đời trước mà bị các thứ bệnh: hoặc đời nay bị lạnh, nóng, gió phát

sanh, cũng bị các thứ bệnh. Bệnh đời nay có hai thứ: Một là bệnh bên trong, ngũ tạng không điều hòa, kết chặt thành bệnh cũ. Hai là bệnh bên ngoài, bị đè ép té ngã, binh đao đâm chém, đủ các thứ bệnh.

**Hỏi:** Vì nhân duyên gì mắc bệnh?

**Đáp:** Đời trước ưa roi gậy đánh khảo, giam trói, các thứ nã hại nên đời nay mắc bệnh. Đời nay mắc bệnh là vì không biết nuôi thân, uống ăn không tiết độ, nằm ngòì đi đứng không chừng mực. Do những việc ấy nên bị các thứ bệnh. Như vậy, có bốn trăm lẻ bốn chứng bệnh, nhờ thần lực của Phật làm cho bệnh được lành. Như truyện kể: Phật ở nước Xá-bà-đề, có một cư sĩ thỉnh Phật và Tăng dùng cơm tại tinh xá, Phật ở tinh xá tiếp nhận đồ ăn, vì có năm nguyên do: 1- Sắp nhập định. 2- Sắp thuyết pháp cho chư thiên. 3- Sắp du hành quan sát phòng các Tỳ-kheo. 4- Chăm sóc các Tỳ-kheo bệnh. 5- Sắp kiết giới cho các Tỳ-kheo chưa được kiết giới. Khi ấy Phật đẩy cửa vào phòng các Tỳ-kheo, thấy một Tỳ-kheo bệnh khổ, không ai chăm sóc, nằm mà đại tiểu tiện, không ngòì dậy được, Phật hỏi Tỳ-kheo: "Ông bị khổ gì mà không ai chăm sóc cả?" Tỳ-kheo thưa: "Bạch đức Thế Tôn, con có tánh lười biếng, khi người khác bệnh, con không chăm sóc, cho nên nay con bệnh, người khác cũng không chăm sóc ". Phật bảo: "Thiện nam tử, Như Lai sẽ chăm sóc ông".

Khi ấy, Thích-đề-bà-na-dân đem nước rửa, Phật lấy tay xoa thân Tỳ-kheo kia. Trong khi xoa thân, thì hết thấy bệnh khổ đều tiêu trừ, thân tâm được an ổn. Khi ấy Thế Tôn từ từ đỡ Tỳ-kheo bệnh dậy, đưa ra ngoài phòng, tắm rửa mặc áo, rồi từ từ đưa trở vào, trải nệm bảo ngòì. Phật nói với Tỳ-kheo bệnh ấy rằng: "Lâu nay ông không cần cầu việc chưa được khiến được, việc chưa đến khiến đến, mà phải chịu các khổ nạn. Như vậy sẽ phải còn có thống khổ lớn hơn!" Tỳ-kheo nghe rồi, tâm tự suy nghĩ: "Phật ân vô lượng, thần lực vô số, lấy tay xoa cho ta, bệnh khổ tiêu hết, thân tâm khoái lạc!", Vì thế ấy nên nói Phật dùng thần lực khiến người bệnh được lành.

**Người tàn tật được nguyên vẹn.**

Thế nào gọi là tàn tật? Nếu có người đời trước phá hoại thân thể người khác, hoặc chặt đầu, hoặc cắt tay chân, phá các thân phần khác; hoặc phá tượng Phật, hủy hoại nùm tay ấn của tượng Phật và hình tượng các Hiền thánh, hoặc phá hình tượng của cha mẹ, vì các tội ấy nên mang thân hình phần nhiều không được toàn vẹn.

Lại nữa, do quả báo của bất thiện pháp nên chịu mang thân hình xấu xí. Hoặc đời này bị giặc, bị tội hình cắt chém. Vì những nhân duyên ấy gây ra tàn tật. Hoặc bị bệnh gió, lạnh, nóng, sanh ra lở loét, thân thể bị hủy hoại, ấy gọi là thân hình tàn hủy. Nhờ đại ân của Phật mà đều được vẹn toàn. Giống như người ở tứ trong thành Kỳ-hoàn tên Kiện-chỉ, là con của người anh vua Ba-tư-nặc đọa chánh đấng kiện, tâm tánh hiền hòa, đại phu nhân của vua trông thấy sanh tâm đấm trước, bảo nhỏ đi theo mình, Kiện-chỉ không theo, phu nhân nổi giận, sàm tấu với vua, quy tội cho nó. Vua nghe theo liền khiến chặt đứt tay chân, đem quăng giữa gò mả, nhưng chưa chết. Đêm ấy cọp, sói, quỷ La-sát muốn đến ăn thịt. Khi ấy đức Phật đến bên cạnh, hào quang của Ngài chiếu lên thân thể người ấy, thân thể liền bình phục, tâm người ấy rất vui mừng, Phật thuyết pháp cho liền chứng được đạo quả thứ ba. Phật cầm tay người ấy đem đến tinh xá Kỳ-hoàn. Người ấy nói: "Thân con đã bị phá hủy, đã bị quăng bỏ, được Phật nối liền lại, cho con nguyện suốt đời đem thân này bố thí Phật và Tỳ-kheo Tăng".

Ngày mai vua Ba-tư-nặc nghe sự việc như vậy, đi đến Kỳ-hoàn, nói với Kiện-chỉ: "Trẫm xin lỗi người, người thật vô tội, mà Trẫm điên cuồng hình phạt, nay Trẫm sẽ chia cho người nửa Quốc độ để người cai trị". Kiện-chỉ nói: "Tôi đã chán rồi, vua cũng vô tội. Tôi vì tai ương đời trước, mà phải mang tội báo như vậy, nay tôi đem thân bố thí Phật và Tăng, chứ không trở về nữa".

Như vậy, nếu có chúng sanh, thân không toàn vẹn, nhờ ánh sáng của Phật, tức thời bình phục. Thế nên nói: Cho đến thân hình tàn tật không toàn vẹn, nhờ ánh sáng của Phật, tức thời được bình phục.

**KINH:** Hết thấy chúng sanh nhờ đó mà nhìn nhau với tâm bình đẳng, như cha như mẹ, anh em, chị em, như thân thích và thiện tri thức. Bấy giờ chúng sanh đều thực hành một cách bình đẳng Mười thiện nghiệp đạo, tịnh tu Phạm hạnh, không có các tỳ vết, vui vẻ thư thái, như vị Tỳ-kheo nhập vào đệ Tam thiên. Tất cả đều được hảo huệ, giữ giới, tự thủ hộ, không nhiều loạn chúng sanh.

**LUẬN:** **Hỏi:** Các chúng sanh ấy chưa ly dục, không có thiên định, không được bốn vô lượng tâm thì làm sao được tâm bình đẳng?

**Đáp:** Bình đẳng không phải bình đẳng của trong thiên định, mà là đối với hết thấy chúng sanh không oán không giận. Do sự bình đẳng ấy mà đem thiện tâm nhìn nhau.

Lại nữa, tâm bình đẳng là như trong Kinh nói: "Thế nào là tâm bình đẳng? Nhìn nhau như cha mẹ, ấy gọi là tâm bình đẳng".

**Hỏi:** Phải chăng xem hết thấy chúng sanh là cha mẹ, anh em, chị em?

**Đáp:** Không phải vậy. Xem người già như cha mẹ, người lớn như anh, người nhỏ như em, xem như chị em cũng vậy. Do tâm lực bình đẳng nên đều xem nhau như thân thích.

**Hỏi:** Sao chẳng phải cha mẹ, cho đến chẳng phải thân thích mà lại nói là thân thích, không mắc tội vọng ngữ ư?

**Đáp:** Tất cả chúng sanh trong vô lượng kiếp, không ai đã không phải cha mẹ, anh em, chị em, thân thích.

Lại nữa, trong pháp thật tướng, thì không có chi là cha mẹ, anh em, do điên đảo chấp trước tự ngã mà gọi là cha mẹ, anh em. Nay do năng lực của thiện tâm, nên xem nhau như cha mẹ, mà chẳng phải vọng ngữ.

Lại nữa, như người lấy điều nghĩa mà kết thân với nhau, không phải cha mà thờ làm cha, không phải mẹ mà thờ làm mẹ. Anh em, con cái cũng như vậy. Như người có con làm ác, thì truất bỏ đi, còn kẻ khác họ mà làm lành thời đem về nuôi làm con. Nhìn nhau như vậy, thời gọi là tâm bình đẳng, như kệ nói:

"Coi vợ kẻ khác như là mẹ,  
Thấy của cải kẻ khác như lửa,  
Coi tất cả đều như thân thuộc,  
Ấy là sự thấy bình đẳng".

Bấy giờ chúng sanh thực hành một cách bình đẳng. Mười thiện nghiệp đạo là, thân nghiệp đạo có ba là không giết, không trộm, không tà dâm. Khẩu nghiệp đạo có bốn là không nói dối, không nói hai lưỡi, không ác khẩu, không nói thêu dệt. Ý nghiệp đạo có ba là không tham lam, không não hại, không tà kiến. Tự mình không sát sanh, không bảo người khác sát, tán thán người không sát sanh, thấy người không sát sanh thì vui mừng thay cho nó. Cho đến tà kiến cũng có bốn cách như vậy.

**Hỏi:** Ba nghiệp sau chót là đạo, không phải nghiệp, bảy nghiệp đầu vừa là đạo cũng là nghiệp, tại sao nói là Mười thiện nghiệp đạo?

**Đáp:** Bỏ ít theo nhiều nên gọi chung là nghiệp đạo. Ba chữ sau chót tuy không phải nghiệp mà có thể khởi nghiệp. Lại vì nghiệp nên sanh khởi, thế cho nên gọi chung là nghiệp đạo.

**Kinh :** Tịnh tu Phạm hạnh, không có các tỳ vết.

**Hỏi:** Trên đã nói thực hành Mười thiện nghiệp đạo, lý ấy đã đủ, nay sao còn nói tịnh tu phạm hạnh nữa?

**Đáp:** Có người thực hành Mười thiện nghiệp đạo, mà không đoạn trừ dâm dục. Nay lại vì tán thán người thực hành hạnh Phạm-thiên, đoạn trừ dâm dục, nên nói là tịnh tu Phạm hạnh. Kinh nói: "Không có các tỳ vết" là kẻ hành dâm thì thân ác mà danh thúi, vì thế nên tán thán người đoạn trừ dâm dục rằng: Không có các tỳ vết, ô uế.

**Kinh :** Vui vẻ thư thái.

**Hỏi:** Đây là thứ vui gì?

**Đáp:** Vui đây có hai thứ là vui bên trong và vui Niết-bàn. Hai thứ vui này không từ năm trần phát sanh. Giống như con suối đá, nước từ trong núi ra, không phải từ ngoài đến. Tâm vui cũng như thế. Thực hành tâm bình đẳng, tu Phạm hạnh, được Mười thiện nghiệp đạo, thanh tịnh không cấu uế là thứ vui bên trong.

**Hỏi:** Thứ vui ấy hệ thuộc cõi nào? Hệ thuộc cõi Dục, cõi Sắc hay cõi Vô sắc?

**Đáp:** Thứ vui ấy hệ thuộc Dục giới mà cũng không hệ thuộc, chẳng phải hệ thuộc Sắc giới và Vô sắc giới. Nay nói giống như Tỳ-kheo nhập đệ Tam thiên. Nếu là hệ thuộc vào Sắc giới thì không nên nói giống như Tỳ-kheo đắc đệ Tam thiên. Vì ý nghĩa ấy nên biết chẳng phải hệ thuộc vào Sắc giới. Tâm ở Dục giới sanh hỷ lạc thấm khắp toàn thân, giống như giòng sữa ấm ngạt cả thân thể, êm thấm hoan lạc.

Không hệ thuộc là, được thật tướng Bát-nhã Ba-la-mật, quán các pháp bất sanh bất diệt, được trí tuệ chơn thật, tâm không dính mắc. Cái vui vô tướng ấy là không hệ thuộc.

**Hỏi:** Phải có Niết-bàn vui bậc nhất, vì sao còn nói các vui ở đệ Tam thiên?

**Đáp:** Hai thứ vui: Có thứ vui lãnh thọ, có thứ vui do lãnh thọ dứt hết. Thứ vui do lãnh thọ dứt hết, là tất cả năm ấm dứt hết không còn sanh trở lại, đó là thứ

vui Niết-bàn. Còn do dứt trừ phiền não ưu sầu, trong tâm được hoan hỷ, ấy là thứ vui lãnh thọ. Lạc thọ như vậy đầy đủ, chính ở tại trong đệ Tam thiên. Vì thế nên nói như cái vui của đệ Tam thiên.

**Hỏi:** Sơ thiên, Nhị thiên, cũng có lạc thọ, vì sao chỉ nói đệ Tam thiên?

**Đáp:** Vui có thượng, trung, hạ. Hạ là Sơ thiên, trung là Nhị thiên, thượng là Tam thiên. Sơ thiên có hai thứ vui là lạc căn và hỷ căn. Năm thức tương ứng lạc căn, ý thức tương ứng hỷ căn. Trong Nhị thiên, ý thức tương ứng với hỷ căn. Trong đệ Tam thiên, ý thức tương ứng với lạc căn. Trong tất cả ba cõi, trừ đệ Tam thiên, không có nơi nào ý thức tương ứng với lạc căn.

Năm thức không thể phân biệt, không biết đến tướng danh tự, nhãn thức sanh ra trong khoảnh khắc gãy móng tay là đã có ý thức sanh ra. Vì thế nên năm thức tương ứng với lạc căn không thể vui đầy đủ, ý thức tương ứng với lạc căn mới có thể là vui đầy đủ. Vì thế, trong đệ Tam thiên công đức ít mà vui thì nhiều, nên không có Tám bội xả, tám thắng xứ, Mười nhất thiết nhập. Lên quá khỏi đệ Tam thiên thì không còn vui. Vì vậy nên nói như Tỳ-kheo nhập đệ Tam thiên.

**Kinh :** Hết thấy chúng sanh đều được hảo huệ, trì giới, tự thủ hộ, không nhiều loạn chúng sanh.

**Hỏi:** Vì sao sau khi nói đến sự vui lại nói đến đều được hảo huệ?

**Đáp:** Người chưa được vui thì hay làm công đức, khi là được vui rồi, vì tâm đắm trước nhiều vào sự vui ấy mà không làm công đức, cho nên sau khi nói đến sự vui thì nói tiếp tâm được hảo huệ. Hảo huệ là trì giới, tự thủ hộ, không nhiều loạn chúng sanh.

**Hỏi:** Trì giới tức là thủ hộ, cũng là không nhiều loạn chúng sanh, có sao lại còn nói tự thủ hộ và không nhiều loạn chúng sanh?

**Đáp:** Thân và miệng thuần thiện, gọi là trì giới, kiểm thúc tâm vào điều thiện, gọi là tự thủ hộ, cũng gọi là không nhiều loạn chúng sanh. Tất cả các công đức đều nhập vào giới thân, định thân, huệ thân. Nói rằng khéo trì giới, là nhiếp về giới thân; khéo tự thủ hộ là nhiếp về định thân; không nhiều loạn chúng sanh và các công đức từ v.v.. của trong thiên định, là nhiếp về huệ thân.

**Hỏi:** Cũng không có ai nói không khéo trì giới, có sao nay nói khéo trì giới?

**Đáp:** Có kẻ như Bà-la-môn đắm trước theo pháp thế gian mà nói rằng: "Bỏ nhà khéo trì giới, là người làm mất giống nòi". Lại nói: "Do tự lực làm ra của cải, rồi



rộng làm công đức, như vậy là có phước, còn xuất gia thì đi khát thực, tự mình không cấp dưỡng được mình, thì làm sao mà làm các công đức". Những lời nói như vậy là chê trách kẻ khéo trì giới.

Cũng có người đắm trước vào những sửa trị thế gian mà chê trách người tự thủ hộ rằng: "Người tu lấy pháp trị đời, thường thiện phạt ác, luật pháp không thể phạm, không bỏ tôn thân, lập pháp cứu đời, được ích lợi to lớn, cần gì giữ thiện riêng mình, tự thủ hộ vô sự? Đời loạn không lo sửa sang, người gấp không lo cứu". Những lời như thế là chê trách kẻ khéo tự thủ hộ.

Cũng có người chê trách người khéo không nhiều loạn chúng sanh rằng" Có oán mà không thể báo, có giặc mà không thể đánh, không trị nổi đũa ác, không sửa được kẻ tội, không thể trừ loạn cứu nạn, cần gì mặc nhiên vô ích". Những lời như thế là chê trách người khéo không nhiều loạn chúng sanh. Như kệ nói:

"Người mà không dưng kiện,

Sanh ở đời mà chi,

Thân nạn mà không cứu,

Như người gỗ trên đất".

Những lời lẽ không tốt đẹp như thế, gọi là lời chê trách người không nhiều loạn chúng sanh.

Các hạng trời và người đều được hảo huệ, trì giới, tự thủ hộ, không nhiều loạn chúng sanh. Thực hành các thiện pháp ấy, thân tâm được an ổn, không có gì phải sợ hãi, không nóng nảy bứt rứt, được danh dự tốt đẹp, mọi người yêu kính. Ấy là nhắm tới cửa Niết-bàn. Khi mạng chung, thấy phước thì tâm vui mừng, không âu lo, không hối hận, nếu chưa được Niết-bàn, thì hoặc được sanh vào thế giới chư Phật, hoặc sanh lên cõi trời, vì thế nên nói là được hảo huệ, trì giới, tự thủ hộ, không nhiều loạn chúng sanh.

(Hết cuốn 8 theo bản Hán)

--oOo--



## Cuốn 9

### CHƯƠNG 14

#### GIẢI THÍCH: HIỆN PHỔ THÂN

**KINH:** Bảy giờ Thế Tôn ngồi trên tòa Sư tử, ở trong ba ngàn đại thiên đại thế giới, đức của Ngài đặc biệt tôn trọng, sắc tướng sáng chói, oai đức cao lồng lộng, khắp cả mười phương thế giới chư Phật nhiều như số cát sông Hằng, giống như núi chúa Tu-di, sắc sáng chói thù thắng đặc biệt, các núi khác không thể sánh bằng.

**LUẬN: Hỏi:** Phật do oai lực gì mà ở giữa tất cả các chúng sanh, đức của Ngài đặc biệt tôn trọng, oai đức sáng chói lồng lộng đến như vậy? Như Chuyển luân Thánh vương, Chư thiên, Thánh nhân, cũng có sức lớn, oai đức sáng chói, có sao chỉ nói Phật có oai đức đặc biệt tôn quý?

**Đáp:** Các Thánh Hiền ấy tuy có oai đức sáng chói, nhưng có hạng lượng, cũng như ngôi sao, khi mặt trời đã mọc lên thì lặn mất không hiện. Phật từ vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, tập hợp các công đức, tất cả đã đầy đủ. Vì nhân duyên lớn nên quả báo cũng lớn, các người khác không được như thế.

Lại nữa Phật đời đời tu các khổ hạnh, thường bố thí cho chúng sanh vô lượng vô số đầu mắt, tủy não. Đâu chỉ bố thí Quốc thành thê tử mà thôi, còn đời đời tu hành đã đầy đủ tất cả các giới, các nhẫn, các tinh tấn, các thiền định, và trí tuệ thanh tịnh không thể so sánh, không thể phá hoại, không thể cùng tận. Do năng lực của quả báo ấy mà được oai thần thù đặc không thể cân lường. Do vậy nên nói vì nhân duyên lớn nên quả báo cũng lớn.

**Hỏi:** Nếu Phật có thần lực vô lượng, oai đức vòi vọi không thể kể hết, thì vì sao còn chịu chín tội báo: 1- Bị con gái Phạm-chí tên Tôn-đà-ly hủy báng, năm trăm A-la-hán cũng bị hủy báng. 2- Bị con gái Bà-la-môn tên là Chiên-già (Cinca) buộc chiếc bát gỗ làm bụng to giả mang thai để hủy báng Phật. 3- Bị Đề-bà-đạt-đa xô đá từ trên núi xuống đè chân Phật làm bị thương ngón chân cái, 4-Cây đồ tung chích chân, 5- Vua Tỳ-lưu-ly đem binh sát hại con cháu họ Thích, Phật bị đau đầu, 6- Nhận lời mời của Bà-la-môn A-tỳ-đạt-đa mà phải ăn lúa ngựa, 7- Bị gió lạnh làm lưng đau, 8- Sáu năm khổ hạnh, 9- Đi vào làng Bà-la-môn khát thực không được gì, phải mang bát về không. Lại trước và sau đông chí 8 ngày, gió lạnh làm gãy tre, phải tìm ba y để che lạnh. Lại vì bị nóng nên A-nan mới đứng sau quạt cho Phật. Những việc nhỏ của thế gian như vậy, Phật đều chịu đủ. Nếu

Phật có thần lực vô lượng, sắc tướng sáng chói, oai đức vòi vọi giữa ba ngàn đại thiên thế giới, cho đến thế giới chư Phật nhiều như cát sông Hằng ở phương Đông, Nam, Tây, Bắc, bốn phía trên, dưới vì sao còn chịu các tội báo ấy?

**Đáp:** Phật sanh ở trong loài người, có cha mẹ, mang thần lực con người, nhưng sức mạnh của một ngón tay còn hơn sức mạnh của Na-do-tha Voi trắng. Sức thần thông của Phật vô lượng vô số, không thể nghĩ bàn. Người con của vua Tịnh-phạn ấy, nhằm chán lão bệnh tử khổ mà xuất gia học đạo, người ấy đâu phải thụ tội báo, bị lạnh nóng làm khổ bức? Như thần lực của Phật không thể nghĩ bàn, trong pháp không thể nghĩ bàn thì đâu có các hoạn nạn lạnh nóng?

Lại nữa, Phật có hai thân: Một là thân pháp tánh, hai là thân cha mẹ sanh. Thân pháp tánh thì đầy khắp mười phương hư không, vô lượng vô biên, sắc tướng đoan chánh, tướng hảo trang nghiêm, sáng chói vô lượng, âm thanh vô lượng. Chúng nghe pháp cũng đều khắp hư không (chúng này là cũng thân pháp tánh, không phải người còn sanh tử thấy được). Thường hiện ra nhiều thân, nhiều danh hiệu, nhiều nơi sanh, nhiều phương tiện để độ chúng sanh, thường độ khắp tất cả không giây phút ngừng nghỉ. Phật pháp tánh thân như vậy, hay độ mười phương chúng sanh, còn chịu các tội báo, đó là Phật sanh thân. Phật sanh thân thì thứ lớp thuyết pháp như cách thức của con người. Vì có hai thứ Phật thân, nên có việc chịu tội báo, không lỗi.

Lại nữa, ngay khi Phật đắc đạo, tất cả đều thành tựu. Làm sao mà nay thật có quả báo của pháp bất thiện có thể thọ? Chỉ vì thương xót chúng sanh đời vị lai nên Phật hiện phương tiện thọ các tội báo ấy.

Lại nữa, như A-nê-lô-đậu, cúng đồ ăn cho một vị Bích-chi Phật, mà được hưởng thọ vui trong vô lượng đời, tâm nghĩ tới uống ăn thì liền có, huống gì Phật đời đời lóc thịt cắt tủy để thí cho chúng sanh, mà đi khát thực lại không được gì, phải ôm bát về không? Vì các việc ấy, nên biết rằng Phật vì phương tiện độ chúng sanh nên thọ các tội báo ấy.

Thế nào là phương tiện thương xót chúng sanh đời vị lai? Năm chúng (xuất gia) đệ tử Phật, vì phước bố thí mỏng nên đi khát thực các thứ cần dùng để nuôi sống không được. Hàng cư sĩ nói: "Các người áo cơm không có được, có bệnh không trừ được, làm sao có thể đắc đạo giúp ích cho người?" Năm chúng hãy đáp lại rằng: "Chúng tôi tuy không có các việc nhỏ để nuôi thân, mà có phước đức lớn của sự hành đạo. Ngày nay chúng tôi chịu khổ, là tội báo của thân đời trước, còn công đức của ngày nay sẽ có lợi ích ở tương lai. Đại sư của chúng tôi

đi vào làng Bà-la-môn khát thực còn không được gì, phải ôm bát không trở về. Phật cũng có các bệnh. Khi con cháu giòng họ Thích phải trả hết tội, Phật cũng đau đầu. Huống gì chúng tôi là người bậc thấp, phước mỏng?" Hàng cư sĩ nghe xong, tâm hết giận, liền lấy bốn thứ cúng dường để cung cấp cho các Tỳ-kheo, khiến thân được an ổn, tọa thiền đắc đạo, ấy là Phật vì phương tiện, không phải thật tội thọ báo.

Như trong kinh Tỳ-ma-la-cật nói:"Phật ở nước Tỳ-gia-ly, khi ấy Phật nói với A-nan: Trong thân ta phát hơi gió nóng, cần dùng sữa bò, ông ôm bình bát của Ta đi xin sữa đem về đây". A-nan ôm bình bát của Phật, sáng sớm vào thành Tỳ-gia-ly, đến đứng dưới cửa nhà của một cư sĩ. Lúc ấy, Tỳ-ma-la-cật đang đi giữa đó, thấy A-nan ôm bình bát của Phật mà đứng, hỏi A-nan rằng: "Thầy vì sao mà sáng sớm ôm bình bát đứng đây?" A-nan đáp: "Phật thân hơi bệnh, cần dùng sữa bò, cho nên tôi đến đây". Tỳ-ma-la-cật nói: "Thôi, thôi, A-nan! Chớ hủy báng Như Lai. Phật là đáng Thế Tôn, đã vượt qua tất cả các pháp bất thiện, đâu còn có bệnh? Chớ khiến kẻ ngoại đạo nghe lời nói thô ấy, chúng sẽ khinh Phật mà nói rằng: "Phật mắc bệnh không tự cứu được, thì làm sao cứu người khác?" A-nan nói: "Đây không phải là ý của tôi, mà là vâng lời Phật dạy cần dùng sữa bò". Tỳ-ma-la-cật nói: " Đây tuy Phật dạy, song đó là phương tiện, vì đời ngũ ác trước này nên dùng hình thức ấy để độ thoát hết thảy. Nếu đời vị lai có các Tỳ-kheo bệnh, sẽ theo hàng cư sĩ để xin thuốc, hàng cư sĩ nói: "Các Thầy bệnh không tự cứu được, còn đâu cứu được người khác?" Các Tỳ-kheo sẽ nói lại: "Đại sư của chúng tôi cũng có bệnh, huống thân chúng tôi như cỏ nát mà không bệnh được ư?" Vì việc ấy, các cư sĩ đem thuốc cúng cấp cho Tỳ-kheo, khiến họ được an ổn mà tọa thiền hàn đạo. Có kẻ tiên nhân, có thể dùng cỏ thuốc, chú thuật để trừ bệnh cho người, huống gì Như Lai đầy đủ tất cả trí đức mà tự thân có bệnh không trừ được sao? Thầy hãy lặng lẽ ôm bình bát lấy sữa mang đi chỗ khác chớ để các người dị học nghe biết".

Vì vậy nên biết Phật vì phương tiện chứ chẳng thật có bệnh. Nhân duyên về các tội báo khác cũng như vậy. Thế nên nói Phật mà đức của Ngài đặc biệt tôn quý, sắc tướng sáng chói, oai đức vời vợi.

KINH: Bấy giờ, Thế Tôn dùng thân thường để chỉ thị cho tất cả chúng sanh ở ba ngàn đại thiên đại thế giới này. Lúc ấy, trời Thủ-đà-hội, trời Phạm-chúng (đúng là trời Phạm-thế), trời Tha-hóa-tự-tại, trời Đâu-suất-đà, trời Dạ-ma, trời Tam-thập-tam, trời Tứ-thiên-vương và ba ngàn đại thiên đại thế giới, người với phi nhân, lấy các thứ hoa trời, chuỗi Anh-lạc trời, nước hương trời, hương bột trời. Hoa

sen xanh, Hoa sen đỏ, Hoa sen trắng, Hoa sen hồng trời và hương lá cây trời, đem đến chỗ Phật.

**LUẬN: Hỏi:** Phật vì sao dùng thân thường để chỉ thị cho hết thảy chúng sanh trong ba ngàn đại thiên thế giới?

**Đáp:** Phật muốn thuyết Đại Bát-nhã Ba-la-mật nên nhập vào Tam muội vương tam muội, rồi từ luân tướng dưới bàn chân chiếu sáng lên đến nơi nhục kế, rực sáng to lớn, giống như khi kiếp tận lửa cháy, từ các núi Tu-di theo thứ tự cháy hết, ánh sáng ấy biến khắp ba ngàn đại thiên thế giới cho đến thế giới chư Phật nhiều như cát sông Hằng ở mười phương, tất cả đều rất sáng. Chúng sanh trông thấy hết thảy đạt đến A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam Bồ-đề, ấy là thần lực ban đầu khi Phật muốn thuyết Đại Bát-nhã Ba-la-mật. Thứ hai là hết thảy lỗ chân lông đều mỉm cười. Thứ ba là phóng ánh sáng thường, mỗi ánh sáng một trượng. Thứ tư là tướng lưới phủ khắp ba ngàn đại thiên thế giới mà cười. Thứ năm là nhập vào Sư-tử-du-hý tam-muội, ba ngàn đại thiên thế giới rung động sáu cách. Thứ sáu là Phật ở tòa Sư tử hiện thân tối thắng, sắc tượng chói sáng, oai đức ao vôi vọi, lấy thần lực ấy mà cảm động chúng sanh. Những người có lòng tin đều đến được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam Bồ-đề. Trong đó đối với người có lòng nghi thì Phật hiện thân thường, làm cho họ có được tâm tín giải, mà mỗi người đều nói lên rằng: "Nay được thấy đây là chân thân của Phật". Do thần lực của Phật, nên người ở trong ba ngàn đại thiên thế giới thấy thân thường của Phật, dù ở xa hay gần đều vô ngại. Khi ấy chúng sanh ở ba ngàn đại thiên thế giới rất hoan hỷ nói rằng: "Đây đúng là thân Phật". Lúc Phật mới sinh, lúc Phật mới thành đạo, lúc Phật mới Chuyển pháp luân, đều dùng thân ấy, suy nghĩ như vậy, ấy đúng là thân Phật.

**Hỏi:** Sao gọi là trời Tịnh-cư, trời Phạm-thế?

**Đáp:** Ở đệ Tứ thiên có tám chỗ, năm chỗ là của A-na-hàm ở gọi là Tịnh-cư, ba chỗ là của phàm phu và Thánh nhân chung ở. Quả tám chỗ ấy có chỗ của Thập-trụ Bồ-tát ở, cũng gọi là Tịnh-cư, hiệu là vua trời Đại-tự-tại. Trời Phạm-thế là có ba nơi sanh: Một là trời Phạm-chúng, chỗ của các tiểu Phạm-thiên sanh. Hai là trời Phạm-phụ, chỗ của quý Phạm-thiên sanh. Ba là trời Đại Phạm, nơi của kẻ tu Trung gian thiên sanh đến.

**Hỏi:** Lìa dục thì đồng nhau, vì sao khi sanh ra có chỗ quý tiện khác nhau?

**Đáp:** Sơ thiên có ba hạng: Hạ, trung, thượng. Nếu tu Hạ thiên thì sanh vào Phạm-chúng, nếu tu Trung thiên thì sanh vào Phạm-phụ, nếu tu Trung thiên thì

sinh vào Đại-phạm. Tu hạnh từ cũng như thế. Như Diệu-nhãn-sư suy nghĩ rằng: "Ta vì mọi người mà thuyết pháp, họ đều sinh trong Phạm-thiên. Ta nay không nên sanh đồng một chỗ với đệ tử, ta hãy tu hạnh thượng từ". Do tu thượng từ nên sanh trong Đại Phạm-thiên.

Lại nữa, do tâm thanh tịnh bậc nhất nên sanh trong Đại Phạm-thiên.

**Hỏi:** Vì sao đối với bốn thiên, ở đây chỉ nói tới Sơ thiên và Tứ thiên, còn hai thiên giữa không nói?

**Đáp:** Vì bước đầu lìa dục là khó, cuối cùng được vi diệu là khó, còn hai thiên ở giữa dễ nhập cho nên không nói.

Lại nữa, nói Phạm-thế là đã bao gồm Sắc giới, nhưng vì đệ Tứ thiên vi diệu nhất cho nên nói riêng.

Lại nữa, vì người phần nhiều biết Phạm-thiên, không biết các cõi trời khác nên chỉ nói Phạm-thiên. Còn Tịnh-cư thiên thường vì thương xót chúng sanh, mà khuyến thỉnh Phật (cho nên nói).

Lại nữa, Phật thuyết pháp, âm thanh thấu đến Phạm-thiên. Lúc Phật đắc đạo, chư thiên triển chuyển xướng lên âm thanh cao đến trời Tịnh-cư . Vì vậy nên chỉ nói Sơ thiên và Tứ thiên, không nói hai thiên giữa.

Lại nữa, Phạm-thiên gần Dục giới nên cần phải nghe, trời Tịnh-cư là chủ Sắc giới cho nên cần phải nghe. Giống như người giữ cửa biết khách đến, khi khách đi đến chủ nó thời chủ biết; còn các người trung gian vì là vô sự, nên không nói đến.

Lại nữa, ở Nhị thiên thì rất mừng, ở Tam thiên thì rất vui, mừng và vui để phóng dật cho nên không nói.

**Hỏi:** Sao gọi là Tha-hóa-tự-tại?

**Đáp:** Cõi trời này chiếm lấy sự biến hóa của người khác để làm vui cho mình, cho nên gọi là Tha-hóa-tự-tại. Hóa-tự-lạc là hóa ra năm trần để tự vui, nên gọi là Hóa-tự-lạc. Đâu-suất gọi là Tri-túc thiên. Dạ-ma gọi là Thiện-phần thiên. Thứ hai là Tam-thập-tam thiên. Trời dưới thấp hơn hết gọi là Tứ-thiên-vương thiên.

Núi Tu-di cao tám vạn bốn ngàn do tuần. Trên có thành của Tam-thập-tam thiên. Bên núi Tu-di có núi gọi là Kiền-đà-ra, cao bốn vạn hai ngàn do tuần. Núi này có bốn chóp, trên chóp đều có thành. Tứ-thiên-vương mỗi trời ở một thành. Các trời

Dạ-ma v.v... ở đất bằng bảy báu, có gió cầm giữ nó ở giữa hư không, cho đến trời Tịnh-cư cũng lại như vậy.

Các trời như vậy thấy thân Phật thanh tịnh, chói sáng trong sạch lớn lao, họ mang các đồ cúng dường, nào là hoa ở trên nước, hoa trên khô. Hoa mọc trên đất thì hoa Tu-man-đề là quý nhất, hoa sanh trong nước thì Hoa sen xanh là quý nhất, hoặc hoa của cây, hoa của cỏ mọc lan..., các danh hoa ấy đủ các màu sắc lạ, đủ các mùi thơm, họ đều mang hoa trời đi đến chỗ Phật, vì các hoa ấy sắc đẹp, thơm nhiều, mềm mại trơn mịn, nên lấy để làm đồ cúng dường.

Thế nào là hoa trời? Hoa trời thơm tho, mùi thơm bay ngược gió. Các chuỗi Anh-lạc trời, thì treo ở trên Phật; hương ở đầm nước trời thì bôi chỗ đất Phật; hương bột trời thì rải lên trên Phật. Hoa sen trời chỉ có hoa xanh, đỏ, hồng, trắng, sao không có vàng? Vàng thuộc hỏa, hỏa thì không thích hợp với hoa mọc ở nước. Hoa sen báu của trời thì cọng bằng Lưu-ly, đài bằng Kim-cương, lá bằng vàng Diêm-phù-na-đà, mềm mại mà thơm, cúng với hương lá cây của trời, mang đến chỗ Phật.

**Hỏi:** Nếu hàng chư thiên cúng dường thì nên cúng hoa trời, còn người và phi nhân, làm sao có được hoa trời?

**Đáp:** Phật dùng thần túc phóng ánh sáng lớn, quả đất sáu cách rung động, chư thiên mưa xuống đủ thứ hoa đẹp, đầy cả ba ngàn đại thiên thế giới để cúng dường Phật. Người và phi nhân hoặc lượm lấy hoa ấy để cúng dường Phật.

Lại nữa, theo pháp của xứ Thiên Trúc, những thứ vật đẹp đều gọi là thiên vật. Hoa của người và phi nhân ấy tuy không phải là hoa trên trời, nhưng vì nó tốt đẹp nên gọi là hoa trời. Vì vậy nên nói người và phi nhân mang các hoa trời, không có lỗi gì.

**KINH:** Lấy các thứ hoa trời, cho đến hương lá cây của trời ấy, rải lên trên Phật.

**LUẬN:Hỏi:** Vì sao lấy hoa rải lên trên thân Phật?

**Đáp:** Vì cung kính cúng dường. Lại, ánh sáng Phật chiếu ra ở xa đều thấy Phật, tâm rất vui mừng. Để cúng dường Phật, đều lấy các thứ hoa rải lên trên thân Phật.

**KINH:** Hoa được rải ra đều hóa thành đài lớn ở giữa hư không, trên ba ngàn đại thiên thế giới.

**LUẬN: Hỏi:** Vì sao hóa làm đài ấy ở giữa hư không?

**Đáp:** Hoa được rải ít mà hóa làm đài lớn, là để chỉ thị cho chúng sanh biết nhân ít quả nhiều.

**Hỏi:** Làm sao đài ở giữa hư không mà không rớt ?

**Đáp:** Phật dùng thần lực muốn chỉ thị cho chúng sanh biết là Phật phước điền, cúng Phật thì được quả báo không bị mất, cho đến khi thành Phật, phước đó vẫn còn.

**KINH:** Sắc, năm sắc rực rỡ. Các tàng hoa, Anh-lạc ấy bốn bên đài hoa ấy treo các Anh-lạc, tàng hoa tạp khắp đầy ba ngàn đại thiên thế giới.

**LUẬN: Hỏi:** Nếu Phật tự có thần lực, vì sao nhân có hoa rải ra mới biến hóa thành đài?

**Đáp:** Vì muốn khiến người sanh lòng tin thanh tịnh. Người ấy thấy hoa cúng dường đều biến thành đài lớn, thì tâm rất vui mừng. Nhân vui mừng nên được phước đức lớn.

**KINH:** Do tàng hoa, Anh-lạc trang nghiêm nên ba ngàn đại thiên thế giới này đều thành sắc vàng, và thế giới chư Phật nhiều như cát sông Hằng ở mười phương đều cũng như vậy.

**LUẬN:** Có người nói rằng: " Chuyển luân Thánh vương làm chủ bốn thế giới, Phạm-thiên vương làm chủ ngàn thế giới, Phật là chủ của ba ngàn đại thiên thế giới". Để cho thấy lời nói ấy không đúng, nên Phật biến hóa cho đến thế giới chư Phật nhiều như cát sông Hằng ở mười phương.

**KINH:** Bảy giờ, chúng sanh trong ba ngàn đại thiên thế giới, cho đến mười phương, mỗi mỗi tự nghĩ: "Phật riêng vì ta mà thuyết pháp, chứ không vì các người khác".

**LUẬN: Hỏi:** Phật chỉ dùng một thân thị hiện ra giữa ba ngàn đại thiên thế giới và mười phương; nay chúng sanh vì sao lại mỗi mỗi thấy Phật ở trước mặt mình thuyết pháp?

**Đáp:** Phật có hai thứ thần lực: Một là ngồi một chỗ thuyết pháp, khiến các chúng sanh ở xa đều thấy, ở xa đều nghe. Hai là Phật ở tại một chỗ thuyết pháp, có thể khiến mỗi mỗi chúng sanh đều tự thấy Phật ở trước mặt mình thuyết pháp, giống như chỉ một mặt trời mọc lên mà ánh hiện các giòng nước.



Lại nữa, chúng sanh không đồng, có người thấy thân Phật ở khắp cả ba ngàn đại thiên thế giới, mà sanh lòng tin thanh tịnh. Lại có người mỗi mỗi thấy Phật ở trước mặt mình thuyết pháp, mà sanh lòng tin thanh tịnh, tin ưa vui mừng. Vì vậy nên Phật ở trước mỗi mỗi (chúng sanh) mà thuyết pháp cho họ.

**KINH:** Bây giờ Thế Tôn ở tòa Sư tử vui vẻ mà cười, ánh sáng chiếu khắp ba ngàn đại thiên đại thế giới. Do ánh sáng ấy, chúng sanh ở trong ba ngàn đại thiên đại thế giới này đều trông thấy Phật và Tăng ở phương Đông nhiều như cát sông Hằng; chúng sanh ở trong thế giới nhiều như cát sông Hằng ở phương Đông kia lại thấy Phật Thích-ca Mâu-ni và đại chúng ở trong ba ngàn đại thiên đại thế giới này. Nam, Tây, Bắc phương, bốn phía trên, dưới cũng đều như thế.

**LUẬN: Hỏi:** Trước Phật đã nhiều lần phóng ánh sáng, nay vì sao còn phóng ánh sáng ấy?

**Đáp:** Trước phóng ánh sáng, mỗi mỗi đều có việc, như trước đã nói. Nay vì chúng hội ở thế giới kia và thế giới này chưa trông thấy nhau, nên dùng thần lực ánh sáng làm cho tất cả đại chúng ở thế giới kia và đây được trông thấy nhau.

**Hỏi:** Như trong hàng đệ tử, người có Thiên nhãn bậc nhất là Đại A-la-hán A-nê-lô-đậu, nếu mà tạm quán thì chỉ thấy được tiểu thiên thế giới, quán kỹ mới thấy được hai ngàn thế giới. Đại Bích-chi Phật tạm quán thì chỉ thấy được hai ngàn thế giới, quán kỹ mới thấy được ba ngàn đại thiên thế giới. Còn nay tất cả mọi người làm sao mà thấy được thế giới chư Phật ở phương Đông nhiều như cát sông Hằng?

**Đáp:** Đó là do thần lực của Phật làm cho được thấy, chứ không phải sức của chúng sanh. Dẫu A-la-hán và Bích-chi Phật ở các nơi khác cũng nhờ thần lực của Phật mà thấy được vô hạn. Giống như Chuyển luân Thánh vương bay đi, hết thấy kẻ tùy tùng và voi, ngựa, súc vật đều cũng đi theo. Nay do thần lực của Phật, chúng sanh tuy ở chỗ xa, cũng được thấy Phật. Lại như do năng lực của Ban-châu tam muội, tuy không có được Thiên nhãn, mà vẫn thấy được mười phương Phật, con mắt thấy không ngăn ngại. Cũng như khi kiếp tận lửa cháy, hết thấy chúng sanh tự nhiên đều được Thiên định được Thiên nhãn, Thiên nhĩ. Phật dùng thần lực khiến tất cả chúng sanh đều thấy được từ xa cũng như vậy. Bây giờ, Thế Tôn ở tòa Sư tử mà cười. Cười như trước đã nói, còn điều chưa nói nay sẽ nói.

**Hỏi:** Chúng sanh ở phương này xa thấy ở phương kia, là do thần lực của Phật, còn chúng sanh ở phương kia cũng thấy ở bên này là do thần lực ai?



**Đáp:** Đó là thần lực của Phật Thích-ca Mâu-ni khiến chúng sanh kia được thấy ba ngàn đại thiên thế giới ở phương này, và thấy Phật Thích-ca Mâu-ni cùng tất cả các chúng hội, Nam, Tây, Bắc phương, bốn phía trên, dưới cũng như thế.

## CHƯƠNG 15

### GIẢI THÍCH: MƯỜI PHƯƠNG CHƯ BỒ-TÁT ĐẾN

**KINH:** Khi ấy, qua khỏi thế giới chư Phật nhiều như cát sông Hằng ở phương đông, ở bên cùng tận của thế giới kia, có thế giới tên là Đa Bảo, Phật hiệu là Bảo Tích, hiện nay đang vì các Bồ-tát Ma-ha-tát thuyết Bát-nhã Ba-la-mật.

**LUẬN:** Hỏi: Như Phật đã nói hết thấy thế giới là vô lượng vô biên, sao đây lại nói ở bên cùng tận của thế giới kia? Ở bên cùng tận tức là rơi vào tướng hữu biên. Nếu thế giới hữu biên, thì chúng sanh cũng phải hữu tận? Vì sao? Vì mỗi đức Phật độ hết vô lượng vô số chúng sanh vào Vô-dur Niết-bàn, không còn chúng sanh mới cho nên phải tận?

Đáp: Kinh Phật tuy có nói thế giới là vô lượng, đó là phương tiện nói, chứ không phải thật giáo. Như thật không có thần mà vì phương tiện nói có thần. Trong mười bốn nạn ấy, dù nói thế giới là hữu biên hay vô biên, đều là tà kiến. Nếu vô biên thì Phật không có Nhất thiết trí, vì sao? Vì trí tuệ biết cùng khắp không vật gì không biết, mới gọi là Nhất thiết trí. Nếu thế giới là vô biên, thì Phật có thể biết không hết. Nếu thế giới là hữu biên, thời bị lỗi như trước đã nói. Cả hai đều là tà kiến, vì sao? Vì nương vô biên để phá hữu biên. Thế giới Đa Bảo này chẳng phải là ở tận cùng của hết thấy thế giới, mà là ở bên tận cùng các chúng sanh có nhân duyên được độ của đức Phật Thích-ca Mâu-ni. Giống như ở bên tận cùng của một nước, thì không nói là ở bên tận cùng của châu Diêm-phù-đề. Nếu thế giới là vô biên, thì Phật không phải là người biết tất cả. Điều này như đã đáp trong đoạn nói về ý nghĩa Phật ở trên kia. Cho nên, nên biết trí Phật là vô lượng, giống như cái hộp lớn nên nắp cũng lớn.

Hỏi: Thế giới tên Đa Bảo. Bảo có hai thứ là Tài bảo và Pháp bảo. Vì thứ bảo nào nhiều mà gọi là thế giới bảo?

Đáp: Hai thứ đều có. Lại có nhiều Bồ-tát quán chiếu các báu về pháp tánh v.v... (nói báu này là của đại Bồ-tát có được, dùng làm mũ báu, ở trong mũ đều thấy chư Phật và liễu đạt tất cả pháp tánh), vì nhiều nên gọi là Đa Bảo. Trong nước ấy có Phật hiệu là Bảo Tích, vì tập hợp các pháp bảo Năm căn, Năm lực, Bảy giác chi, Tám chánh đạo vô lậu, nên gọi là Bảo Tích.

Hỏi: Nếu vậy, hết thấy Phật nên gọi là Bảo Tích; vì sao chỉ gọi đức Phật kia là Bảo Tích?

Đáp: Tuy hết thầy chư Phật đều có thứ báu đó, nhưng chỉ đức Phật kia lấy báu đó làm danh hiệu, như Di-lặc tên là Từ-thị... Chư Phật tuy có lòng từ, nhưng chỉ Di-lặc lấy từ làm danh hiệu.

Lại nữa, như khi Phật Bảo Hoa sanh ra, khắp trên thân đều có các thứ hoa sắc sáng chói nên gọi là Thái tử Bảo Hoa. Như vậy khi Phật Nhiên Đăng sanh ra, khắp bên thân sáng như đèn nên gọi là Thái tử Nhiên Đăng, khi thành Phật cũng gọi là Nhiên Đăng (tên cũ là Đỉnh Quang Phật), Phật Bảo Tích cũng như vậy, có thể khi mới sanh cũng có nhiều bảo vật sanh ra, hoặc từ đất sanh, hoặc từ trời mưa các thứ hoa báu tập hợp, nên gọi là Bảo Tích.

Hỏi: Chỉ có một đức Phật Thích-ca Mâu-ni thôi, không có mười phương Phật, vì sao? Đức Phật Thích-ca Mâu-ni có oai lực vô lượng, có thể độ hết thầy chúng sanh, không còn có Phật khác. Như nói: A-nan nhất tâm suy nghĩ rằng: "Quá khứ các đức Phật Bảo Hoa, Nhiên Đăng v.v... đều sanh vào đời tốt đẹp, thọ mạng rất lâu, mới có thể độ tất cả chúng sanh, còn nay đức Phật Thích-ca Mâu-ni sanh vào đời ác, thọ mạng ngắn ngủi, chắc không thể nào độ tất cả đệ tử ư?" Vì có tâm nghi ngại như vậy nên Phật liền biết điều mà tâm A-nan đang suy nghĩ cho nên ngay khi mặt trời mọc, Phật nhập vào Nhật xuất tam muội. Bảy giờ tất cả các lỗ chân lông trên thân Phật xuất ra các ánh sáng, cũng như quanh mặt trời xuất ra ánh sáng. Ánh sáng ấy chiếu khắp cõi Diêm-phù-đề. Khắp rồi chiếu đến bốn thiên hạ, chiếu bốn thiên hạ khắp rồi, chiếu đến ba ngàn đại thiên thế giới. Chiếu ba ngàn đại thiên thế giới khắp rồi, chiếu đến mười phương vô lượng thế giới. Khi ấy từ bên rốn của Thế Tôn xuất ra các Hoa sen báu, như kệ nói:

"Cọng lưu ly sáng xanh,  
Ngàn cánh sắc hoàng kim,  
Kim-cương làm đài hoa,  
Hổ phách trang nghiêm hoa.  
Mềm mại không cong thô,  
Nó cao hơn mười trượng,  
Cọng Lưu-ly xanh biếc,  
Dựng ở giữa rốn Phật.  
Cánh nó rộng mà dài,

Sắc đẹp giữa bạch quang,  
Vô lượng báu trang nghiêm,  
Hoa ấy có ngàn cánh.  
Sắc hoa đẹp như vậy,  
Từ rốn Phật sanh ra,  
Trên bốn đài hoa ấy,  
Tỏa báu ánh mặt trời.  
Mỗi mỗi các toà báu,  
Mỗi toà có Phật ngồi,  
Như núi vàng bốn chóp.  
Sáng chói đồng như một.  
Từ giữa rốn bốn Phật,  
Đều hiện vào sen đẹp,  
Trên cọng có toà báu  
Mỗi toà đều có Phật.  
Từ giữa rốn Phật ấy,  
Triển chuyển hiện hoa báu,  
Mỗi hoa đều có toà  
Mỗi toà đều có Phật.  
Triển chuyển hóa như vậy,  
Cho đến trời Tịnh-cư,  
Nếu muốn biết gần xa,  
Hãy lấy ví dụ nói:  
Một viên đá vuông lớn,

Cao rộng như núi lớn,  
Từ trên thả rơi xuống,  
Đi thẳng không chi ngại.  
Vạn tám ngàn ba trăm,  
Tám mươi ba năm ròng,  
Số năm lâu như vậy,  
Nó mới thấu đến đất.  
Ở giữa hai khoảng ấy,  
Đầy đủ có hóa Phật  
Ánh sáng Ngài lớn thịnh,  
Hơn mặt trời mặt trăng,  
Có Phật thân ra nước  
Cũng có thân ra lửa,  
Hoặc hiện đi kinh hành  
Có khi ngồi tĩnh mặc.  
Có Phật đi khát thực,  
Đề phước cho chúng sanh,  
Hoặc là thuyết kinh pháp,  
Có khi phóng ánh sáng.  
Hoặc đến ba đường ác,  
Địa ngục băng, tối, lửa.  
Hòa khí trừ giá rét.  
Ánh sáng chiếu ngục tối.  
Chỗ nóng cho gió mát

Tùy việc cứu khổ nó  
An ổn không hoạn nạn  
Độ thoát bằng pháp lạc".

Các thứ phương tiện như vậy, một lúc có thể độ liền mười phương vô lượng chúng sanh. Độ chúng sanh rồi, trở lại vào bốn xứ ở giữa rốn Phật.

Bấy giờ, Thế Tôn từ Nhật xuất tam muội dậy, hỏi A-nan rằng: "Ông thấy sức thần thông của tam muội này không?" A-nan bạch Phật: "Bạch Thế Tôn, con đã thấy". Lại bạch Phật rằng: "Nếu Phật trụ thế thì đệ tử được độ trong một ngày, có thể đầy đủ hư không, hưởng gì trụ thế hơn tám mươi năm!". Vì vậy nên nói: "Một đức Phật có công đức và thần lực vô lượng, hiện tại hóa độ mười phương, không có Phật khác".

Lại nữa, như Phật nói: "Nữ nhân không được làm Chuyển luân Thánh vương, không được làm Phật, không được làm Đế-thích thiên, Ma vương, Phạm vương, không được làm Phật, không được có hai Chuyển luân Thánh vương cùng cai trị một chỗ, mười phương Thế Tôn cũng không có hai Phật cùng xuất hiện một đời". Lại, Phật nói: "Phật nói không hư dối, một đời không có hai Phật, một pháp khó gặp nhất đó là Phật Thế Tôn; vô lượng ức kiếp, lâu lâu mới có một. Trong 91 kiếp; ba kiếp có Phật. Kiếp thứ 91 trước hiện kiếp, ban đầu có Phật hiệu là Tỳ-bà-thi (Tàu dịch là Chủng-chủng-kiến). Trong kiếp thứ 31 có hai đức Phật, một hiệu là Thi-khí (Tàu dịch Đại), một hiệu là Tỳ-thứ-bà-phụ (Tỳ - xá-phù - Tàu dịch Nhất thiết chủng). Trong Hiền kiếp có bốn đức Phật: Một hiệu là Ca-la-cưu-xan-đà (Câu-lưu-tôn), hai hiệu là Ca-na-già Mâu-ni (Câu-na-hàm Mâu-ni - Tàu dịch Kim Tiên Nhân), ba hiệu là Ca-diếp, bốn hiệu là Thích-ca Mâu-ni. Ngoài ra các kiếp khác không có Phật, rất đáng thương xót!". Nếu có mười phương Phật, có sao nói " các kiếp khác không có Phật, rất đáng thương xót"?

Đáp: Tuy đức Phật Thích-ca có thần lực vô lượng, hay biến hóa làm Phật ở mười phương để thuyết pháp, phóng ánh sáng độ chúng sanh, cũng không thể độ hết chúng sanh, vì bị rơi vào hữu biên, thời không còn có Phật ở vị lai vậy. Nhưng vì chúng sanh không tận, cho nên còn có các đức Phật khác.

Lại nữa, ông nói Phật tự thuyết các nữ nhân không được làm năm việc. Hai Chuyển luân Thánh vương không được đồng thời xuất hiện. Phật cũng như vậy, cùng trong một đời không có hai Phật. Ông không hiểu nghĩa này. Phật có hai nghĩa, có nghĩa để hiểu, có nghĩa sâu xa khó hiểu. Như khi Phật sắp vào Niết-

bàn, nói với các Tỳ-kheo: "Từ nay nên nương theo pháp, không nên nương theo người; nên nương theo nghĩa, không nên nương theo ngữ; nên nương theo trí, không nên nương theo thức; nên nương theo kinh liễu nghĩa, không nên nương theo chưa liễu nghĩa".

Nương theo pháp là, pháp có mười hai loại; nên nương theo pháp ấy, không nên nương theo người.

Nương nghĩa là, trong nghĩa không có sự tranh cãi về tốt xấu, tội phúc, hư thật. Ngữ là để được nghĩa, nghĩa không phải ngữ, Như người lấy ngón tay chỉ mặt trăng để bảo cho người mê muội, nhưng người mê muội lại thấy ngón tay mà không thấy mặt trăng. Người kia lại nói với nó rằng: Ta lấy ngón chỉ mặt trăng, là để cho người biết mặt trăng, sao người lại thấy ngón tay mà không thấy mặt trăng? Đây cũng như thế. Ngữ để chỉ nghĩa, nghĩa không phải là ngữ, vì vậy không nên nương theo ngữ.

Nương theo trí là, trí hay so lường phân biệt thiện ác, còn thức thì thường tìm vui, không vào được đạo chánh, cho nên nói không nên nương theo thức.

Nương theo kinh liễu nghĩa là, trong các người có Nhất thiết trí, thì Phật là bậc nhất. Trong tất cả các kinh thơ, thì Phật pháp là bậc nhất. Trong tất cả chúng, thì chúng Tỳ-kheo Tăng là bậc nhất. Bồ thí thì được phước lớn, giữ giới được sanh thiên, như vậy v.v... là kinh liễu nghĩa. Như nói Pháp sư thuyết pháp có năm điều lợi: Một là phước lớn, hai là được người ưa mến, ba là đoan chánh, bốn là danh tiếng, năm là sau được Niết-bàn, ấy là kinh chưa liễu nghĩa. Vì sao chưa liễu? Vì bồ thí được phước lớn, ấy là rõ ràng dễ hiểu, còn thuyết pháp thì không có tài vật mà nói là được phước, được phước đây là người thuyết pháp. Dùng nhiều cách tán thán sự bồ thí để phá lòng xan tham của người, cũng trừ lòng xan tham của mình, cho nên nói là chưa liễu. Đây là phần nhiều dẫn những lời phương tiện trong kinh, chứ không phải thật nghĩa. Trong kinh ấy tuy Phật nói đời không có hai Phật cùng xuất hiện, mà không nói trong tất cả mười phương thế giới (không có hai Phật). Tuy nói đời không có hai Chuyển luân Thánh vương, mà cũng không phải nói trong tất cả mười phương ba ngàn đại thiên thế giới không có, mà chỉ nói trong thế giới bốn thiên hạ không có hai Chuyển luân Thánh vương. Do tạo phước thanh tịnh nên một mình làm vua một thế giới, không có các oán địch. Nếu có hai vua thì không gọi là thanh tịnh. Tuy Phật không có tâm tật đố, nhưng vì hạnh nghiệp đời đời thanh tịnh nên cũng không có hai Phật xuất hiện trong một thế giới.

Trăm ức núi Tu-di, trăm ức mặt trời mặt trăng, gọi là Tam thiên đại thiên thế giới. Như vậy mười phương hằng hà sa Tam thiên đại thiên thế giới, gọi là một Phật thế giới, trong đó không còn có các Phật khác, thật chỉ có một Phật Thích-ca Mâu-ni. Trong một Phật thế giới ấy thường hóa làm các Phật, các pháp môn, các thân hình, các nhân duyên, các phương tiện để độ chúng sanh. Như vậy nên trong kinh Đa-trì nói: "Trong một đời một thế giới không có hai Phật mà không nói mười phương không có Phật".

Lại nữa, như ông nói: "Một việc khó gaàu7841?p, đó là Phật Thế Tôn. Lại nói trong chín mươi một kiếp, ba kiếp có Phật; các kiếp khác không có Phật, rất đáng thương xót". Phật vì hạng người tội nặng không gieo trồng thiện căn thấy Phật đó, nên nói Phật ra đời khó gặp như hoa cây Ưu-đàm-bát-la, lâu lâu mới có một lần. Người có tội nặng cũng như vậy, luân chuyển trong ba đường ác. Hoặc sanh ở trong cõi người, cõi trời mà gặp lúc Phật ra đời, người kia cũng không được thấy Phật. Như nói chín ức nhà trong thành Xá-vệ, có ba ức nhà tận mắt trông thấy Phật, ba ức nhà tai nghe có Phật, mà mắt không thấy, ba ức nhà thì không nghe cũng không thấy. Phật ở tại Xá-vệ hai mươi lăm năm mà các chúng ấy còn không nghe không thấy, huống là ở xa?

Lại nữa, Phật và A-nan đi vào thành Xá-vệ khát thực. Bấy giờ có một bà già nghèo đứng ở đường, A-nan bạch Phật rằng: "Bạch Thế Tôn, người ấy đáng thương, xin Phật độ cho". Phật nói với A-nan: "Người ấy không có nhân duyên". A-nan thưa: "Phật đi đến gần, người ấy trông thấy tướng hảo quang minh, ắt phát tâm hoan hỷ, lấy đó làm duyên".

Phật đi đến gần, người ấy liền xoay lưng lại với Phật, Phật đi qua cả bốn phía, người ấy liền cả bốn phía xoay lưng lại với Phật mà ngược mặt lên trời. Phật từ trên đi xuống, thì lại cúi mắt xuống đất. Phật từ dưới đất hiện lên, thì lấy hai tay che mắt không chịu thấy Phật. Phật nói với A-nan: "Còn muốn là nhân duyên gì nữa?" Có hạng người như vậy, không có nhân duyên đặc độ nên không được thấy Phật. Vì vậy nên Phật nói: "Này A-nan! Phật khó gặp như hoa Ưu-đàm-bát-la; giống như nước mưa tuy nhiều, khắp nơi đều có được, mà Ngạ quỷ thường chịu khát, không thể uống được".

Ông nói trong chín mươi một kiếp, chỉ ba kiếp có Phật, đó là nói ở trong một Phật thế giới, chứ không phải tất cả các thế giới khác. Nói "chỗ này kiếp trống không không có Phật xuất thế, thật đáng thương xót", đó cũng là nói ở trong một Phật thế giới này, chứ không phải trong tất cả các thế giới khác. Vì vậy nên biết có mười phương Phật.



Lại nữa, trong pháp Thanh-văn có nói mười phương Phật, mà tự ông không hiểu. Như trong kinh Tạp A-hàm nói: "Thí như mưa lớn liên tục, từng giọt, từng giọt không ngừng, chẳng thể nào đếm hết. Phật thế giới cũng như vậy. Ta thấy ở phương Đông vô lượng thế giới, có thế giới đang thành, có thế giới đang trụ, có thế giới đang hoại, số lượng rất nhiều, không phân biệt nổi. Như vậy cho đến mười phương vô lượng chúng sanh. Trong mười phương thế giới đó, có ba thứ khổ về thân là già, bệnh, chết; ba thứ khổ về tâm là dâm, sân, si; ba thứ khổ về đời sau là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Tất cả thế giới đều có ba hạng người hạ, trung, thượng. Hạng hạ nhân thì đắm say cái thú vui hiện tại; hạng trung nhân thì đắm say cái thú vui đời sau, hạng thượng nhân thì cầu đạo, có tâm từ bi thương xót chúng sanh. Đã có nhân duyên, làm sao không có quả báo? Phật nói: "Nếu đời không có già, bệnh, chết, thì Phật không ra đời". Người ấy nhân thấy chúng sanh bị già bệnh chết khổ não, mà trong tâm phát nguyện: "Ta sẽ làm Phật, để độ thoát chúng sanh, dứt trừ tâm bệnh, cứu vớt sự khổ đời sau cho chúng sanh". Như vậy mười phương thế giới đều có nhân duyên có Phật ra đời. Có sao chỉ nói chỗ này có Phật, các chỗ khác không có? Giống như có người nói: "Có cây không lửa, có đất ẩm không có nước" là điều không thể tin được. Phật cũng như vậy, chúng sanh thân có cái khổ già, bệnh, chết; tâm có các khổ dâm, sân, si; Phật vì dứt ba thứ khổ đó khiến họ được chứng Tam thừa, cho nên xuất hiện ở đời. Trong tất cả thế giới đều có các khổ đó, làm sao lại không có Phật?

Lại nữa, người mù vô số mà chỉ nói cần một thầy thuốc, thế thì cũng không đúng. Vì vậy nên phải có mười phương Phật.

Lại nữa, trong Trường A-hàm có kinh nói: "Có Quỷ thần vương giữ phương Bắc, với trăm ngàn vạn quỷ thần rất đông, cuối đêm đi đến chỗ Phật, đầu mặt lễ chân Phật rồi đứng một bên, phóng ra ánh sáng thanh tịnh, chiếu khắp rừng Kỳ Hoàn, làm cho sáng rực, chắp tay tán Phật, nói hai bài kệ rằng:

"Tôi quy mạng bậc Đại tinh tấn,  
Trong loài hai chân Phật trên cả,  
Bậc có mắt trí tuệ thấy hết,  
Chư thiên không hiểu trí tuệ ấy.  
Phật quá khứ, vị lai hiện tại,  
Tôi đều cúi đầu lễ tất cả,

Như vậy tôi nay quy mạng Phật.

Cũng như cung kính Phật ba đời".

Trong bài kệ như vậy có mười phương Phật. Quỷ thần vương cúi đầu lễ Phật ba đời, rồi sau mới riêng quy mạng Phật Thích-ca Mâu-ni. Nếu không có mười phương Phật hiện tại, thì hãy nên chỉ nói quy mạng Phật Thích-ca Mâu-ni, không nên nói chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại. Cho nên nói có mười phương Phật.

Lại nữa, đời quá khứ có vô lượng Phật, đời vị lai cũng có vô lượng Phật. Vì vậy nên hiện tại cũng phải có vô lượng Phật.

Lại nữa, nếu Phật ở trong pháp Thanh-văn, mà nói có mười phương vô số vô lượng Phật thì chúng sanh sẽ nói Phật dễ được gặp, rồi không chịu siêng năng cầu giải thoát. Nếu không gặp Phật này, sẽ gặp Phật kia, cứ như vậy không cần cầu độ thoát. Cũng như Nai khi chưa bị bắn, thời không biết sợ hãi, khi bị bắn rồi mới sợ hãi chạy quanh tìm lối thoát. Người cũng như vậy, có bị khổ già bệnh chết, nên nghe nói chỉ có một đức Phật, rất khó gặp được, thì tâm liền sợ hãi, siêng tu hành tinh tấn cho mau được thoát khổ. Vì vậy nên Phật ở trong pháp Thanh-văn không nói có mười phương Phật, cũng không nói không. Nếu có mười phương Phật mà ông nói không thì bị tội vô hạn. Nếu không có mười phương Phật mà tôi nói có, ông liền sanh tâm tưởng niệm vô lượng Phật thì được phước cung kính, vì có sao? Do nhân duyên của thiện tâm mà được phước đức lớn. Ví như Từ tâm tam muội có sức xem tất cả chúng sanh đều muốn thấy họ thọ vui. Tuy không có lợi ích thật, nhưng vì tâm từ quán nên người ấy được vô lượng phước. Tưởng niệm mười phương Phật cũng như vậy. Nếu thật có mười phương Phật mà nói không thì bị vô lượng trọng tội, phá hoại mười phương Phật, vì sao? Vì phá hoại sự thật. Người con mắt thịt tuy không biết nhưng tâm tin mà nói có, thì phước ấy vô lượng. Nếu thật có Phật mà trong ý lại nói không thì tội ấy rất nặng. Người tự dụng tâm, còn phải tin là có, huống gì Phật tự nói trong Đại thừa rằng thật có mười phương Phật mà lại không tin ư?

Hỏi: Nếu có mười phương vô lượng Phật và các Bồ-tát, nay chúng sanh phần nhiều đang bị đọa trong ba ác đạo, sao lại không đến độ?

Đáp: Vì chúng sanh tội nặng, Phật Bồ-tát tuy đến cũng không thấy. Lại, pháp thân Phật thường phóng ánh sáng, thường nói pháp, mà vì tội chướng cho nên không thấy, không nghe, giống như mặt trời mọc mà người mù không thấy, sấm sét dậy đất mà người điếc không nghe. Như vậy, pháp thân Phật thường phóng ánh sáng, thường thuyết pháp mà chúng sanh vô lượng kiếp tội cấu sâu dày,

nên không thấy không nghe. Cũng như gương sáng, nước trong, soi mặt vào thời thấy, còn nước cấu bản bất tịnh che tối, thời không trông thấy. Như vậy, chúng sanh thanh tịnh thời thấy Phật, nếu tâm không thanh tịnh, thời không thấy Phật. Nay tuy thật có mười phương Phật và các Bồ-tát đến độ chúng sanh mà chúng sanh không thấy được.

Lại nữa, như Phật Thích-ca Mâu-ni, ở trong châu Diêm-phù-đề, sanh tại nước Ca-tỳ-la-vệ, phần nhiều du hành sáu thành lớn ở Đông Thiên Trúc, có khi bay đến Nam Thiên Trúc đến nhà cư sĩ Ưc Nhĩ để thọ cúng dường. Có khi tạm đến nước Nguyệt Chi ở Bắc Thiên Trúc hàng phục Long vương A-ba-la-la. Lại đến phía Tây nước Nguyệt Chi hàng phục nữ La-sát. Phật ở trong hang đá của La-sát một thời gian, đến nay bóng Phật đang còn. Có người đi vào trong xem thì không thấy, ra ngoài ở xa nhìn vào thì thấy tướng ánh sáng như Phật. Có khi tạm bay đến núi của Tiên nhân Lê-bạt-bà nước Kế Tân, trụ giữa hư không mà hàng phục tiên nhân ấy. Tiên nhân nói: Tôi vui ở trong đây, xin Phật cho tóc và móng tay của Phật để dựng Tháp cúng dường.

Tháp nay vẫn còn (dưới núi này có chùa Ly Việt. Ly Việt nên gọi là Lê-bạt-đà). Người đồng sanh với Phật trong một nước mà không phải ai cũng thấy, hướng là ở chỗ khác. Vì vậy nên không thể do không thấy mười phương Phật mà nói là không có.

Lại nữa, Di-lặc Bồ-tát có tâm đại từ bi, mà chỉ ở thiên cung không đến xứ này, có thể vì không đến mà nói không có Di-lặc ư? Di-lặc ở gần mà không đến, không cho là quái lạ, mười phương Phật ở xa (không đến) đâu đủ cho là quái lạ.

Lại nữa, mười phương Phật không đến vì chúng sanh tội cấu sâu nặng, không gieo trồng công đức thấy Phật, cho nên Phật không đến.

Lại nữa, khi Phật biết tất cả chúng sanh thuần thực, kiết sử mỏng, vậy sau mới đến độ, như kệ nói:

"Chư Phật trước xem biết có người,  
Dùng hết phương tiện không độ được,  
Có người khó độ, người dễ độ,  
Hoặc có người chậm, có người mau.  
Hoặc dùng ánh sáng, hoặc thần thông.

Các cách nhân duyên độ chúng sanh,  
Người muốn tác nghịch Phật thương cứu,  
Hoặc muốn tác nghịch Phật không ngăn.  
Chúng cường khó hóa, dùng lời thô,  
Tâm thuần dễ độ dùng lời dịu,  
Tuy có tâm từ bi bình đẳng,  
Biết thời trí tuệ dùng phương tiện".

Vì vậy nên mười phương Phật tuy không đến mà không nên nói là không có.

Lại nữa, Phật có trí tuệ lực, phương tiện, thần thông, các A-la-hán như Xá-lợi-phất, đại Bồ-tát như Di-lặc còn không thể biết, huống gì người phàm?

Lại nữa, chư Phật đại Bồ-tát, khi chúng sanh bị cấp nạn như sợ hãi, nhất tâm niệm đến thì hoặc thời đến cứu độ. Như ở phía Tây nước đại Nguyệt chi, trong một xứ Phật, có người bị bệnh phong lác, đi đến bên tượng Biến-cát Bồ-tát, nhất tâm tự quy y, niệm tưởng công đức của Biến-cát Bồ-tát, nguyện trừ bệnh ấy. Khi ấy Biến-cát Bồ-tát liền lấy tay phải sáng chói quý báu to lớn xoa trên thân người kia, bệnh liền được lành. Lại, trong một nước có vị Tỳ-kheo tu ở chốn A-lan-nhã, đọc lớn kinh Đại thừa, vị quốc vương nước đó thường trải tóc để ngài bước lên mà đi. Có vị Tỳ-kheo nói với vua rằng: "Người ấy Ma-ha-la, không tụng kinh nhiều, cứ sao vua cúng dường lớn lao như thế?" Vua nói: "Ta một hôm giữa đêm muốn gặp vị Tỳ-kheo ấy, liền đi đến chỗ ngài ở, thì thấy vị Tỳ-kheo ở trong động tụng kinh Pháp Hoa, và thấy một người sắc vàng sáng chói, cỡi Voi trắng chấp tay cúng dường, ta đi dần đến gần thì biến mất, ta hỏi Đại đức: "Vì sao tôi đến mà người sắc vàng sáng chói biến mất ư? Vị Tỳ-kheo đáp: "Đó là Bồ-tát Biến-cát. Bồ-tát Biến-cát tự nói rằng: "Có người nào đọc kinh Pháp Hoa, thời ta sẽ cỡi Voi trắng đi đến giáo đạo". Vì tôi tụng kinh Pháp Hoa nên Bồ-tát Biến-cát tự đến (Biến-cát trong kinh Pháp Hoa gọi là Phổ Hiền)".

Lại, tại một nước có vị Tỳ-kheo đọc kinh A-di-đà và Đại Bát-nhã Ba-la-mật, người ấy khi sắp chết, nói với đệ tử rằng: "Phật A-di-đà cùng với đại chúng của ngài đồng đi đến". Tức thời vị ấy cử động thân, tự quy y Phật, giây lát mạng chung.

Sau khi mạng chung, đệ tử chắt củi hỏa thiêu, ngày mai bươi trong đồng tro thấy lưới không cháy. Do tụng kinh A-di-đà Phật mà thấy Phật đi đến, do tụng Bát-

nhã Ba-la-mật mà lười không cháy. Đó là do việc hiện rõ trong đời nay, như trong kinh nói việc chư Phật Bồ-tát hiện đến rất nhiều. Như vậy nơi nào có người tội cấu và kiết sử mỏng mà biết nhất tâm niệm Phật với lòng tin thanh tịnh, không nghi ngờ, thì chắc được thấy Phật, không bao giờ hư dối. Do các nhân duyên ấy, biết thật có mười phương Phật.

**KINH:** Bây giờ, ở thế giới kia có vị Bồ-tát tên là Phổ Minh.

**LUẬN:** Nghĩa của Bồ-tát như đã nói ở trong chương Tán thán Bồ-tát.

Hỏi: Sao gọi là Phổ Minh?

Đáp: Ánh sáng Ngài thường chiếu cả thế giới nên gọi là Phổ Minh.

**KINH:** Thấy ánh sáng lớn ấy, thấy quả đất rung động lớn, lại thấy thân Phật, đi đến chỗ Phật Bảo Tích bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Nay vì nhân duyên gì mà có ánh sáng ấy chiếu đến thế gian, quả đất rung động, lại thấy thân Phật?"

**LUẬN:** Đất rung động, ánh sáng thân Phật như trước đã nói.

Hỏi: Phổ Minh Bồ-tát ấy là bậc tối tôn nhất trong các Bồ-tát, thì phải tự biết nhân duyên; có sao lại hỏi?

Đáp: Phổ Minh Bồ-tát ấy tuy lớn, nhưng không thể biết được trí tuệ, thần lực của chư Phật. Giống như ánh sáng mặt trăng tuy lớn nhưng mặt trời xuất hiện thì biến mất, vì vậy nên hỏi Phật.

Lại nữa, Bồ-tát thường muốn thấy Phật, tâm không chán đủ, không nhân duyên còn muốn thấy Phật, huống gì có nhân duyên lớn?

Lại nữa, việc ấy không nên nghi ngờ. Vì như Trâu nghe đi theo mẹ thì có gì quái lạ. Lại như tiểu vương triều yết đại vương, lẽ phải là như vậy. Các đại Bồ-tát cũng như thế, vì được lợi ích lớn, nên thường muốn theo Phật, Bồ-tát ấy thấy việc ấy, tâm liền biết rõ đó chắc là việc lớn, thấy vô số vô lượng thế giới, đều trông thấy nhau, vì thế cho nên hỏi.

Lại nữa, có người nói: "Bồ-tát ấy tự có thần lực biết được, cũng là do thần lực của Phật Thích-ca Mâu-ni làm cho biết. Chỉ vì các tiểu Bồ-tát không biết hỏi, cho nên hỏi Phật. Các tiểu Bồ-tát chưa trừ hết sợ hãi khổ nạn, không thể hỏi Phật, thế nên vì họ mà hỏi. Phổ Minh Bồ-tát ấy xuất hiện ở thế giới này cùng với các tiểu nam tử, tiểu nữ nhân, nên biết họ không thể hỏi (nên vì họ mà hỏi). Giống như Voi lớn có thể xô ngã cây to để cho các Voi nhỏ được ăn cành lá, cho nên

hỏi Phật: "Thưa Đại đức Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà có ánh sáng này, quả đất rung động lớn, lại thấy thân Phật?"

(Hết cuốn 9 theo bản Hán)

--o0o --

## Cuốn 10

KINH: Phật Bảo Tích trả lời Phổ Minh rằng: "Thiện nam tử! Qua khỏi thế giới nhiều như cát sông Hằng ở về phương Tây, có một thế giới tên là Ta-bà, trong ấy có Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni, hiện nay muốn thuyết Bát-nhã Ba-la-mật cho các Bồ-tát Ma-ha-tát, ấy là thần lực của Ngài".

LUẬN: Hỏi: Phật cũng như núi Tu-di, không bị sóng nước biển cả lay động, nay vì sao đáp lời Phổ Minh hỏi? Ấy là tướng lay động? Nhiếp tâm thời không nói, tán tâm thời có nói. Nói pháp là từ giác quán phát sinh. Giác quán là việc thô, Phật không nên có việc thô ấy?

Đáp: Phật tuy đã nhập sâu thiền định, không bị thế sự làm động. Nay vì tâm đại từ bi thương xót chúng sanh, mà thuyết pháp đoạn trừ nghi ngờ cho họ. Như núi chúa Tu-di, gió nhỏ không thể lay động, nếu có gió Tùy-lam thổi đến thời mới rung động mạnh. Phật cũng vậy, khi có ngọn gió đại từ bi thổi đến thời vì thương xót mà tâm động, phân tán thân ra vô số đi vào năm đạo để giáo hóa chúng sanh, hoặc làm thân trời cho đến thân súc sanh.

Lại nữa, thật sự Phật không động, Ngài thường nhập định, do nhân duyên phước đức đời trước, mà toàn thân phát ra tiếng, ứng tiếp các vật như tiếng vang, cũng như nhạc trời tự dưng phát ra tiếng. Lại như ngọc Ma-ni, tùy theo người muốn gì cho nấy. Nếu muốn áo mặc, uống ăn, thuốc thang, tùy ý cần dùng, tự nhiên đều có được. Phật cũng như thế, từ trong lỗ chân lông kia, trên thân Ngài tự nhiên có tiếng, tùy tâm thuyết pháp, trong ấy Phật không hề nghĩ tưởng, cũng không phân biệt.

Như trong kinh Thuyết-mật-tích Kim-cang nói: "Phật có ba sự bí mật là thân mật, ngữ mật, ý mật. Tất cả chư thiên, loài người đều không hiểu, không biết".

Trong một hội chúng sanh, mà hoặc có người thấy thân Phật sắc hoàng kim, sắc bạch ngân, các tạp sắc. Có người thấy thân Phật cao một trượng sáu thước. Hoặc thấy một dặm, mười dặm, trăm ngàn vạn ức, cho đến vô biên vô lượng khắp cả hư không như thế v.v... gọi là thân mật.

Về ngữ mật là, có người nghe âm thanh của Phật tỏa xa một dặm, có người nghe mười dặm, trăm ngàn vạn ức vô số vô lượng khắp cả hư không. Trong một hội chúng mà hoặc có người nghe thuyết về bố thí, có người nghe thuyết về trì giới, có người nghe thuyết về nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Như vậy

cho đến mười hai bộ kinh, tám vạn pháp tụ, mỗi mỗi tùy tâm mà nghe, ấy gọi là ngữ mật.

Bấy giờ Mục-liên tâm suy nghĩ muốn biết âm thanh của Phật gần hay xa, liền dùng sức Thần túc của mình đi qua ngàn vạn ức thế giới Phật mới dừng nghỉ, vẫn nghe âm thanh Phật cũng như ở gần không khác. Nơi thế giới dừng chân ấy, đang là bữa ăn của Phật và đại chúng, người cõi này thấy Mục-liên ôm bình bát đứng, các đệ tử của Phật này hỏi Phật của họ rằng: "Người này đầu như con sâu từ đâu đến, lại khoác áo Sa-môn mà đi vậy?" Phật này trả lời: "Chớ khinh người ấy. Ở về phương đông, qua khỏi vô lượng Phật thế giới, có Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni, người ấy là đệ tử có Thần túc của Phật ấy". Phật này lại hỏi: "Mục-độ-già-luợc-tử (Moudgalyaya-na)! Sao ông lại đến đây?" Mục-liên thưa: "Con vì tìm âm thanh của Phật, cho nên đến đây". Đ?c Phật bảo Mục-liên: "Ông tìm âm thanh của Phật, qua vô lượng ức kiếp, cũng không thể tìm ra được biên tế của nó".

Lại nữa, Phật ra đời là để dứt bỏ nghi ngờ cho chúng sanh, cho nên thuyết pháp cho họ. Điều ấy không nên gạn hỏi. Ông không nên hỏi mặt trời tại sao lại trừ bóng tối? Phật cũng như vậy, không nên hỏi Phật vì sao mà trả lời.

Hỏi: Các Phật giác ngộ bằng nhau nên gọi là Đẳng giác. Nay vì sao bảo đó là thần lực của Phật kia?

Đáp: Chỉ cho thấy là không có tôi, ta, kia, đây; vì để diệt tận đố, kiêu mạn vậy.

Lại nữa, thế giới có được các vị trời, thường mong cầu sự tôn trọng hơn cả, vì kiêu mạn mà tự nói rằng: Trời, đất, người, vật đều do ta biến hóa ra. Như Phạm-thiên vương nói với các Phạm-thiên rằng: "Ta tạo ra các người". Trời Tỳ-nữu (Virnu) nói: "Ở thế gian mà có kẻ rất giàu sang danh tiếng, đều là một phần sức mạnh oai đức của thân ta. Ta có thể thành tựu thế gian, cũng có thể phá hoại thế gian. Oai đức thế gian đều do ta làm". Vì có các trời như vậy nên họ phá pháp tướng nhân duyên. Cho nên nói đó là thần lực của Phật kia.

KINH: Bấy giờ Phổ Minh Bồ-tát bạch Phật Bảo Tích rằng: "Bạch Thế Tôn! Con nay sẽ đến thăm Phật Thích-ca Mâu-ni để lễ bái cúng dường, và thăm các vị đại Bồ-tát là những vị kế thừa tôn vị, đều đã chứng được Đà-la-ni và các Tam muội, ở trong các Tam muội đều được tự tại.

LUẬN: Hỏi: Sự trì giới, thiền định, trí tuệ và độ người của chư Phật đều như nhau, Bồ-tát Phổ-Minh ấy tại sao còn muốn đến thăm Phật Thích-ca Mâu-ni?



Đáp: Các Bồ-tát thường muốn thăm Phật không biết nhàm chán, nghe pháp không biết nhàm chán, thấy các Bồ-tát không biết nhàm chán. Các Bồ-tát đều nhàm chán đối với pháp thế gian, mà đối với ba việc trên, tâm không hề biết nhàm chán.

Như Thủ cư sĩ từ trên cõi trời Tịnh-cư, đi đến muốn thấy Phật, nhưng vì thân ông quá vi tế, giống như sữa lỏng không tụ lại trên mặt đất. Phật nói với Thủ cư-sĩ rằng: "Ông hãy hóa làm thân thô, quán sắc tướng của mặt đất này", Cư sĩ liền như lời Phật dạy, hóa làm thân thô, quán niệm tướng đất, rồi đầu mặt lễ chân Phật, đứng qua một bên, Phật hỏi cư sĩ: "Ông có bao nhiêu việc không nhàm chán mà được sanh trên cõi trời Tịnh-cư?" Bạch rằng: "Con có ba sự không nhàm chán mà được sanh lên cõi trời Tịnh-cư: 1- Thấy Phật để cúng dường không nhàm chán. 2- Nghe pháp không nhàm chán. 3- Cung cấp cho chúng Tăng không nhàm chán. Cũng như lúc Phật ở tại Diêm-phù-đề, bốn bộ chúng thường đi theo Phật để nghe pháp, hỏi pháp. Chư thiên Tịnh-cư chúng con cũng thường theo con để nghe pháp, hỏi pháp".

Hàng Thanh-văn còn nghe pháp không biết nhàm chán, huống hàng Bồ-tát pháp tánh thân, vì có sao? Phổ-Minh Bồ-tát đến thăm Phật Thích-ca Mâu-ni và thăm các Bồ-tát Ma-ha-tát ở đó, là những vị kế thừa tôn vị, đều đã chứng được Đà-la-ni và các Tam muội, như trong chương Tán Bồ-tát trước kia đã nói: Đã được tự tại đối với các Tam muội.

Hỏi: Như Phật là một người đã được tự tại trong hết thảy Tam muội, sao lại nói Bồ tát cũng được tự tại trong hết thảy Tam muội?

Đáp: Có hai thứ Tam muội: Một là Tam muội của Phật, hai là Tam muội của Bồ-tát. Các Bồ tát ấy được tự tại đối với Bồ tát tam muội, chẳng phải đối với Phật tam muội. Như ở trong kinh Chư Phật Tập Yếu có nói: "Văn thù thi-lợi muốn thấy Phật tập hội, mà không thể đến được, chư Phật đã trở về chỗ cũ." Văn thù thi-lợi đến chỗ chư Phật tập hội, ở đó có một người nữ ngồi gần Phật kia mà nhập vào Tam muội. Văn thù thi-lợi đi vào, đánh lễ dưới chân Phật xong, bạch Phật rằng: "Có sao người nữ này được ngồi gần Phật mà con không được?" Phật bảo Văn thù thi-lợi: "Ông hãy đánh thức người nữ này dậy khỏi Tam muội rồi ông hãy tự hỏi người ấy". Văn thù thi-lợi bèn khảy móng tay để thức mà không dậy, cất tiếng kêu lớn cũng không dậy, cầm tay kéo cũng không dậy, lại dùng Thần túc làm rung động Tam thiên đại thiên thế giới cũng không dậy. Văn thù thi-lợi bạch Phật: "Bạch Thế Tôn, con không thể thức dậy được". Khi ấy Phật phóng ánh sáng lớn chiếu thế giới hạ phương, trong ấy có một vị Bồ-tát trên là Khí-chư-cái,

liền từ hạ phương xuất hiện đến chỗ Phật, đầu mặt đánh lễ dưới chân Phật rồi đứng sang một bên. Phật bảo Khí-chư-cái Bồ-tát: "Ông hãy đánh thức người nữ ấy". Bồ-tát liền khảy móng tay, người nữ ấy liền từ Tam muội dậy. Văn thù thi-lợi bạch Phật: "Vì nhân duyên gì con làm rung động cả Tam thiên đại thiên thế giới mà vẫn không thể khiến người nữ ấy khởi dậy, còn Khí-chư-cái Bồ-tát khảy móng tay một cái là khởi dậy khỏi Tam muội liền?" Phật bảo Văn thù thi-lợi: "Ông nhân người nữ ấy mà bắt đầu phát ý A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam Bồ-đề, người nữ ấy nhân Khí-chư-cái Bồ-tát mà bắt đầu phát ý A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam Bồ-đề. Vì thế nên ông không thể đánh thức dậy".

Đối với chư Phật tam muội, công đức ở trong Tam muội của chư Bồ-tát thì được tự tại, nhưng ở trong Tam muội của chư Phật thì mới vào được ít nhiều mà chưa được tự tại.

KINH: Phật bảo Phổ Minh: "Ông muốn đi qua thì tùy ý, nên biết phải thời". Bấy giờ Phật Bảo Tích lấy hoa sen sắc vàng ngàn cánh đưa cho Phổ Minh Bồ-tát mà bảo rằng: "Thiện nam tử! Ông đem hoa này rải lên trên Phật Thích-ca Mâu-ni. Các Bồ-tát sanh ở thế giới Ta-bà kia, là những vị khó hơn, khó bì kịp, ông hãy nhất tâm đi tới thế giới kia".

LUẬN: Hỏi: Vì sao Phật nói muốn đi tùy ý, nên biết phải thời?

Đáp: Vì Phật đã cắt đứt tình riêng đối với đệ tử và trong tâm Ngài không còn ràng buộc với đệ tử.

Lại nữa, vị Bồ-tát ấy chưa chứng được Nhất-thiết-trí, chưa chứng được Phật nhãn, nên trong tâm còn nhiều nghi ngờ cho rằng Phật Thích-ca Mâu-ni công đức lớn, được lợi ích hoặc nhiều hơn, cho nên nói "muốn đi qua tùy ý".

Lại nữa, vị Bồ-tát ấy ở xa trông thấy Phật Thích-ca Mâu-ni thân nhỏ, lòng hơi có chút kiêu mạn nói là Phật kia không bằng (Phật này). Cho nên Phật bảo ông đi qua chỗ đó chớ quan sát thân Phật, chớ nghĩ đến thế giới mà chỉ nghe Phật thuyết pháp thôi.

Lại nữa, thế giới ấy cách thế giới này rất xa, ở tận nước phương Đông. Vị Bồ-tát ấy nghe Phật Thích-ca Mâu-ni thuyết các pháp tướng với Phật Bảo Tích thuyết các pháp tướng rất giống nhau, mới nói: "Thế giới tuy xa, mà pháp tướng không khác, do đó niềm tin lớn tăng thêm, tâm trở nên kiên cố".

Lại nữa, do nhân duyên đời trước, tuy sanh ở nơi xa, mà nên đi đến nghe thuyết pháp. Thí như dây buộc chân chim Sẻ, cũng bay xa, nhưng khi kéo lại thì về.

Lại nữa, các Bồ-tát trong thế giới Ta-bà thấy Bồ-tát Phổ Minh từ xa đến nghe pháp, liền suy nghĩ rằng: "Kia từ xa còn đến nghe pháp, huống ta sanh trong thế giới này mà không nghe pháp?" Bởi các nhân duyên như vậy nên nói: "muốn đi qua tùy ý, nên biết phải thời".

Hỏi: Thần lực của chư Phật ngang nhau, lại không cầu phước, tại sao lấy hoa làm tin?

Đáp: Vì hành theo pháp thế gian vậy. Như hai vị Quốc vương, thế lực tuy đồng nhau, cũng gửi đồ tặng cho nhau.

Lại nữa, biểu thị thiện tâm nhu nhuyễn cho nên lấy hoa làm tin. Trong pháp thế gian, kẻ sứ giả từ xa đến tất phải có tin. Phật theo pháp thế gian cho nên gởi tin.

Lại nữa, vì chư Phật cung kính pháp, nên cúng dường pháp, lấy pháp làm Thầy, vì có sao? Vì ba đời các đức Phật đều lấy thật tướng chư pháp làm Thầy.

Hỏi: Vì sao không tự cúng dường pháp trong thân mình, mà lại cúng dường pháp của người khác?

Đáp: Theo pháp thế gian, như Tỳ-kheo muốn cúng dường Pháp bảo, nhưng không tự cúng dường pháp ở trong thân mà cúng dường các người trì pháp, biết pháp, hiểu pháp. Phật cũng vậy, tuy trong thân có pháp, mà lại cúng dường pháp của Phật khác.

Hỏi: Như Phật thì không còn cầu phước đức, tại sao còn cúng dường?

Đáp: Phật từ trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp tu các công đức, thường hành các việc thiện, không chỉ cầu quả báo, mà vì kính trọng các công đức mà làm việc cúng dường. Như khi Phật còn tại thế, có một Tỳ-kheo mù, mắt không trông thấy nhưng tay thì khâu áo. Khi kim sút chỉ, thầy nói: "Ai ưa có phước đức, xin khâu kim hộ tôi?" Gặp khi Phật đi đến nơi đó, Ngài nói với Tỳ-kheo: "Ta là người ưa có phước đức, để Ta khâu kim hộ cho ông". Vị Tỳ-kheo nghe biết tiếng Phật, vội đứng dậy sửa áo đảnh lễ dưới chân Phật, bạch Phật rằng: "Công đức của Phật đã đầy đủ, sao còn nói ưa có công đức?" Phật bảo: "Ta tuy công đức đã đầy đủ, mà Ta biết sâu xa về nhân duyên của công đức, quả báo của công đức, năng lực của công đức. Nay Ta được là tối đệ nhất trong hết thầy chúng sanh, là do công đức ấy, cho nên Ta ưa có". Phật vì vị Tỳ-kheo ấy mà tán thán công đức xong, tiếp đó Ngài tùy ý thuyết pháp cho ông. Vị Tỳ-kheo ấy được pháp nhãn thanh tịnh, nhục nhãn lại sáng ra.

Lại nữa, Phật tuy công đức đã đầy đủ, không còn cần gì nữa, nhưng vì giáo hóa đệ tử nên nói: "Ta còn làm công đức, các ông vì sao không làm?" Như trong nhà kỹ nhạc, một ông lão trăm tuổi mà múa, có người chê rằng: "Ông già đã trăm tuổi, còn múa mà làm gì?!" Ông đáp: "Ta không cần gì mà múa, ta chỉ muốn dạy con cháu mà thôi". Phật cũng vậy, công đức tuy đã đầy đủ, mà vì để dạy đệ tử làm công đức nên làm việc cúng dường

Hỏi: Nếu như vậy, sao Phật không từ xa rải hoa đến trên Phật Thích-ca Mâu-ni, mà lại sai người đi cúng dường?

Đáp: Vì ở đây các Bồ-tát tin nơi Phổ Minh vậy.

Lại nữa, sứ giả của Phật sai đi, nước, lửa, binh, độc, trăm ngàn thứ hại, không thể làm thương tổn, đường xá xa xôi, muốn cho được an ổn.

Hỏi: Sao không lấy bảo vật đẹp đẽ, kinh điển sâu xa, hay Phật bảo, Bồ-tát bảo (tức là thứ báu này chư thiên không thấy được, nó xuất sanh các thứ vật quý như ngọc Ma-ni, nên gọi là Phật bảo) làm tin, mà lại lấy Hoa sen? Hoa sen là vật nhỏ mọn đâu đủ làm tin?

Đáp: Phật không cần vật. Bảo vật của Phật, bảo vật của trời còn không cần huống là bảo vật của người. Vì không cần nên không sai mang đi. Cũng vì các Phật tự có đủ như nhau, nên không sai mang đi. Kinh điển sâu xa cũng vậy.

Lại nữa, các kinh đối với Phật không có gì thậm thâm, nói thậm thâm là xuất tự nơi người phàm. Điều người phàm nghi ngờ, đối với Phật vô ngại. Khó đối với người phàm, đối với Phật đều dễ. Lại nữa, hoa hương thanh diệu, đáng dùng để cúng dường, như người hiến tặng, tất phải dùng vật lạ.

Hỏi: Sao chỉ dùng Hoa sen, không dùng vật khác?

Đáp: Cúng dường thì chỉ dùng hoa, hương, tràng phan, bảo cái. Hoa có hai sự là sắc và hương.

Hỏi: Hoa khác cũng có hương, có sắc, sao chỉ dùng Hoa sen cúng dường?

Đáp: Như trong kinh Hoa Thủ nói: "Mười phương Phật đều lấy hoa cúng dường Thích-ca Văn Phật".

Lại nữa, Hoa sen có ba loại: Hoa của người, hoa của trời, hoa của Bồ-tát. Hoa của người, thứ hoa sen lớn có trên 10 cánh, hoa của trời có 100 cánh, hoa của Bồ-tát 1000 cánh. Trong thế giới kia, phần nhiều có Hoa sen ngàn cánh sắc

vàng chói sáng. Trong thế giới Ta-bà tuy có hoa biến hóa ngàn cánh, mà không có hoa sanh trong nước, cho nên Ngài sai mang đi. Hoa sen ngàn cánh sắc vàng ấy, như đã nói ở trong đoạn về tướng lữ.

Hỏi: Sao Phật sai Phổ Minh lấy hoa rải trên Phật?

Đáp: Pháp cúng dường là hoa, hương, phướn, lọng. Phướn, lọng thì nên ở trên, hương khô thì nên đốt, hương nước thì nên bôi dưới đất, hương bột và hương nước nên rải.

Hỏi: Sao không chỉ cúng dâng rồi thôi, mà còn tự tay rải lên trên?

Đáp: Tự tay cúng dường là thân nghiệp, lời nói êm dịu hỏi han là khẩu nghiệp, phát khởi thân nghiệp khẩu nghiệp là ý nghiệp. Ba nghiệp ấy được công đức bền chắc, làm nhân duyên cho Phật đạo.

Hỏi: Vì sao nói "Ông nên nhất tâm cung kính thận trọng, các Bồ-tát trong thế giới Ta-bà là khó bì kịp, khó hơn?"

Đáp: Phật, Bích-chi Phật, A-la-hán, tất cả các Hiền Thánh, đều nhất tâm cung kính thận trọng. Ma hoặc Ma dân, các kiết sử của nội thân, các tội báo đời trước đều là giặc. Gần các thứ giặc ấy, nên phải nhất tâm, cung kính, thận trọng. Cũng như đi vào giữa giặc, không tự thận trọng giữ gìn, thì giặc bắt. Vì vậy nên nói nhất tâm cung kính thận trọng để đi qua thế giới kia.

Lại nữa, vì lòng người dễ tán loạn, như cuồng như say, nhất tâm cung kính thận trọng là đầu cửa các công đức. Nhiếp tâm được thiền, liền được trí tuệ chơn thật, được trí tuệ chơn thật, liền được giải thoát, được giải thoát liền được hết khổ. Những việc như vậy, đều từ nhất tâm mà được. Như sau khi Phật Bát Niết-bàn một trăm năm, có một thầy Tỳ-kheo tên là Ưu-ba-cúc, là vị A-la-hán chứng được lục thông, làm Đại đạo sư của cõi Diêm-phù-đề lúc bấy giờ. Lúc ấy có một Tỳ-kheo-ni, 120 tuổi, vị Tỳ-kheo-ni ấy lúc nhỏ đã từng thấy Phật. Ngài Ưu-ba-cúc vào nhà bà để hỏi về dung nghi của Phật, trước tiên sai đệ tử đến nói với Tỳ-kheo-ni rằng: "Đại sư tôi là Ưu-ba-cúc muốn đến thăm bà để hỏi về dung nghi của Phật".

Khi ấy vị Tỳ-kheo-ni lấy bình bát đựng đầy dầu mè, đặt dưới cánh cửa để thử coi oai nghi của Ưu-ba-cúc có được rõ ràng chăng? Ưu-ba-cúc đi vào, từ từ đẩy cánh cửa, làm đổ một ít dầu. Ngồi xong, Ngài hỏi Tỳ-kheo-ni: "Bà đã từng thấy Phật chăng? Dung mạo giống như thế nào? Xin nói cho tôi được rõ". Tỳ-kheo-ni đáp: "Lúc ấy tôi còn niên thiếu, thấy Phật đi vào làng, mọi người đều nói "Phật

đến", tôi theo mọi người chạy ra, trông thấy ánh sáng của Ngài tôi liền lễ bái, chiếc thoa vàng trên đầu tôi rơi xuống đất, tại rừng cây tối mù, ánh sáng Phật soi đến, mọi vật u ám đều được trông thấy, tôi liền lượm được thoa. Từ đó về sau, tôi làm Tỳ-kheo-ni. Ưu-ba-cúc lại hỏi: "Lúc Phật còn ở đời, oai nghi lễ pháp của các Tỳ-kheo như thế nào?" Đáp: "Lúc Phật còn ở đời, Lục quần Tỳ-kheo rất là tệ ác, không biết tầm quý, mà oai nghi phép tắc hơn ông bây giờ, vì sao mà biết thế? Vì Lục quần Tỳ-kheo đi vào cửa, không làm dầu đổ. Lục quần Tỳ-kheo tuy là tệ ác, mà đúng như nghi pháp của Tỳ-kheo, đi, đứng, nằm, ngồi không mất phép tắc. Ông tuy là A-la-hán có sáu thần thông mà không bằng bọn họ." Ưu-ba-cúc nghe nói lời ấy, hết sức hổ thẹn. Vì vậy nên nói nhất tâm cung kính thận trọng, là tướng trạng của bậc thiện nhân vậy.

Lại nữa, vì sao nói là nhất tâm cung kính thận trọng? Vì các vị Bồ-tát ấy khó hơn, khó bì kịp, khó phá, khó gần. Cũng như Sư tử chúa to lớn, khó hơn, khó phá hoại; cũng như Bạch tượng vương và Long vương; cũng như ngọn lửa lớn, đều khó có thể đến gần. Các Bồ-tát ấy có đại phước đức trí tuệ lực, nếu người nào muốn hơn hay muốn phá hoại, đều không thể được; mà chỉ có thể tự hại mà thôi. Thế nên nói là khó gần.

Hỏi: Hết thầy đại Bồ-tát đều có đại công đức, trí tuệ lợi căn, hết thầy đều khó gần, có sao chỉ nói các Bồ-tát trong thế giới Ta-bà là khó gần?

Đáp: Đúng như lời ấy. Chỉ vì các Bồ-tát từ trong thế giới Đa Bảo đi đến, thấy thế giới Ta-bà này không bằng, toàn đá, cát, ô uế, xấu xa, thân Bồ-tát thì nhỏ, tất cả mọi sự đều không bằng, chắc sanh lòng nghi mạn, thế nên Phật nói hãy nhất tâm cung kính thận trọng, các Bồ-tát kia khó gần.

Lại nữa, người sanh ở chỗ vui, phần nhiều không dững mãnh, không thông minh, ít trí tuệ, như người sanh ở châu Uất-đơn-la-việt, vì quá vui mà không xuất gia, không thọ giới. Sanh trong cõi trời cũng vậy, còn trong thế giới Ta-bà này nhân duyên của sự vui ít, có ba điều dữ là già, bệnh, chết, cách nuôi sống theo đất đai khó, cho nên dễ sanh tâm nhàm chán. Thấy già bệnh chết kéo đến, tâm rất chán sợ, thấy người nghèo cùng, biết do nhân duyên đời trước gây nên, sanh tâm rất chán, do vậy nên nói có trí tuệ lợi căn. Các Bồ-tát ở trong cõi kia, là thế giới bảy báu, các thứ cây báu, tâm tưởng tới uống ăn, tùy ý liền có được. Như vậy nên khó sanh tâm nhàm chán, cho nên trí tuệ không thể thông lợi, lớn lao. Cũng như dao bén, đặt vào trong đồ uống ăn tốt, dao dễ sanh rỉ sét, đồ uống ăn tuy tốt nhưng không thích hợp với dao. Nếu lấy đá mà mài, lấy mỡ, tro mà lau chùi, thì rỉ sét liền sạch, dao được bén. Bồ-tát cũng như vậy, sanh trong thế giới

hỗn tạp, nên có lợi trí mà khó gần. Như người lúc nhỏ siêng năng khó nhọc, thì có nhiều tài năng, cũng kham được nhiều việc. Lại như nuôi Ngựa mà không cỡi, thì không dùng được việc gì.

Lại nữa, trong thế giới Ta-bà, Bồ-tát có nhiều phương tiện nên khó gần, các nơi khác thì không vậy. Như Phật nói: "Ta tự nhớ đời trước, một ngày bố thí cho người nghìn thân mạng, vì để độ chúng sanh. Tuy các công đức, sáu Ba-la-mật, tất cả Phật sự đầy đủ mà không làm Phật, thường dùng phương tiện độ thoát chúng sanh. Vì những việc ấy, các Bồ-tát trong thế giới Ta-bà là khó gần.

**KINH:** Bảy giờ Phổ Minh Bồ-tát từ nơi Phật Bảo Tích nhận lấy Hoa sen sắc vàng ngàn cánh, với vô số hàng xuất gia, tại gia và các đồng nam đồng nữ cùng cất bước.

**LUẬN:** Hỏi: Phổ-Minh Bồ-tát có đại lực thần thông nên có thể đi đến, còn hàng xuất gia, tại gia Bồ-tát, và các đồng nam đồng nữ làm sao tự đi được? Đa Bảo thế giới ở tận cùng phía Đông, dặm đường xa xôi, các hàng ấy tự dùng sức mình mà đi, hay là sức của Phật Bảo Tích? Hay là sức của Phổ-Minh Bồ-tát? Hay là sức của Phật Thích-ca Mâu-ni?

Đáp: Hoàn toàn do sức của cả bốn hạng người. Các hàng Bồ-tát xuất gia tại gia ấy là những Bồ-tát đã được bất thối, thành tựu ngũ thông, khéo tu bốn Như ý túc, có nhân duyên với đức Phật Thích-ca Mâu-ni từ đời trước, cũng do tự sức mình, cũng do sức của Bồ-tát Phổ-Minh, vì cớ sao? Trong đó, người thế lực mỏng thời do sức của Bồ-tát Phổ-Minh mà đến được. Như khi Chuyển luân Thánh vương bay đi, thì cả bốn thứ binh và các cung, quán, súc vật, thú vật tất cả đều bay. Vì công đức của Chuyển luân Thánh vương rất lớn, đủ khiến cho tất cả bay đi. Đây cũng như vậy, người thế lực mỏng thì do sức của Bồ-tát Phổ-Minh, đều cũng đi theo được. Cũng là do sức của Phật Bảo Tích và ánh sáng của Phật Thích-ca Mâu-ni soi cho. Nếu tự không có sức, chỉ do ánh sáng của Phật Thích-ca Mâu-ni soi đến cũng có thể đến được, huống gì có cả ba sức.

Hỏi: Bồ-tát Phổ-Minh sao không chỉ đi một mình mà đem nhiều người thế?

Đáp: Vì đúng lẽ là có vây cánh đi theo vậy. Cũng như khi Quốc vương đi ra ngoài, tất cả có quần thần đi theo.

Lại nữa, đó là người có nhân duyên với Phổ-Minh Bồ-tát và đức Phật Thích-ca Mâu-ni, cớ sao vậy? Vì trong đại chúng kia hai chúng cùng đến, nên biết kẻ có nhân duyên thì đi đến, kẻ không có nhân duyên thì ở lại.

Hỏi: Vị Bồ-tát ấy vì sao cùng đi đến với các tại gia, xuất gia, đồng nam, đồng nữ?

Đáp: Bảy chúng đệ tử Phật là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Học giới ni, Sa-di, Sa-di-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di là tại gia, năm chúng kia là xuất gia. Trong chúng xuất gia tại gia hoặc có hai hạng, hoặc lớn tuổi, hoặc nhỏ tuổi. Nhỏ là đồng nam, đồng nữ, ngoài ra là lớn tuổi.

Hỏi: Người lớn nên đi, còn người nhỏ làm sao có thể đến được?

Đáp: Tại công đức, không tại lớn nhỏ. Nếu mất sự lợi ích của công đức, làm điều bất thiện, thì tuy già mà nhỏ, nếu có công đức lợi ích, làm điều thiện, thì tuy nhỏ mà lớn.

Lại nữa, thấy người nhỏ đi đến, người trông thấy sẽ khen: "Nhỏ mà còn được vậy, còn vì pháp mà từ xa đi đến". Cũng hiển bày Phật pháp dù nhỏ hay lớn đều được phụng hành.

Trong pháp của ngoại đạo, hàng Bà-la-môn mới được hành pháp đó, chẳng phải Bà-la-môn thì không được hành. Phật pháp không kể lớn, không kể nhỏ, không kể trong, không kể ngoài, hết thảy đều được tu hành, cũng như uống thuốc, cốt để trừ bệnh, không lựa người sang, hèn, lớn nhỏ.

**KINH: Điều cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán các đức Phật ở phương Đông.**

**LUẬN:** Hỏi: Nếu cúng dường khắp cả các đức Phật ở phương Đông, thì các đức Phật rất nhiều, biết bao giờ mới cúng xong mà đến được nơi ấy?

Đáp: Các Bồ-tát không cúng dường theo cách của người, trời, mà tự làm theo cách của Bồ-tát. Cách cúng dường của Bồ-tát, thân vào thiền định, thân ấy đi thẳng đến, rồi từ trên thân ấy, xuất ra vô lượng thân, hoá làm đủ thứ vật cúng dường, đầy khắp thế giới của chư Phật, cũng như khi Long vương đi, từ thân tuôn nước, mưa khắp thiên hạ.

Hỏi: Các Bồ-tát ấy muốn đi đến chỗ Phật Thích-ca Mâu-ni, có sao giữa đường lại cúng dường chư Phật?

Đáp: Chư Phật là phước điền bậc nhất, nếu ai cúng dường thì được quả báo lớn. Cũng như người sửa sang nhiều công nghiệp ruộng vườn là để được nhiều lúa. Chư Bồ-tát thấy chư Phật cúng dường mà được quả báo làm Phật, cho nên cúng dường.



Lại nữa, Bồ-tát thường kính trọng Phật, như người ta kính trọng cha mẹ. Chư Bồ-tát nhờ nghe Phật thuyết pháp mà được các thứ Tam muội, các thứ Đà-la-ni, các thứ thần lực. Vì biết ơn Phật cho nên cúng dường rộng khắp. Như trong kinh Pháp Hoa, Bồ-tát Dược vương từ nơi Phật mà được Tam muội Biến hiện sắc thân, mới suy nghĩ rằng: "Ta sẽ cúng dường Phật và Pháp Hoa Tam muội như thế nào?" Liền bay lên đến giữa trời, dùng sức Tam muội mưa xuống bảy báu, hương hoa, tràng phan, bảo cái, cúng dường Phật. Sau khi ra khỏi Tam muội, ý còn cho như vậy là chưa đủ, trong một ngàn hai trăm năm ăn những thức ăn thơm, uống các dầu thơm, rồi sau dùng giạ trắng quấn vào mình mà đốt lên và tự phát thệ rằng: "Mong cho ánh sáng của thân tôi chiếu đến tám mươi hằng hà sa thế giới Phật". Chư Phật trong tám mươi hằng hà sa thế giới ấy tán thán rằng: "Làng thay, lành thay! Thiện nam tử! Lấy thân cúng dường, ấy là bậc nhất, hơn đem quốc thành thế tử cúng dường gấp trăm ngàn vạn lần, không thể đem thí dụ so sánh". Trong một ngàn hai trăm năm, thân cháy mãi không tắt.

Lại nữa, sự cúng dường Phật ấy được vô lượng tiếng tăm, phước đức lợi trí. Các việc bất thiện đều diệt trừ hết, các thiện căn được tăng trưởng, đời này đời sau thường được quả báo cúng dường, lâu về sau sẽ được làm Phật.

Cúng dường Phật như vậy, được vô lượng các thứ lợi ích, thế nên các Bồ-tát cúng dường Phật.

**KINH:** Cầm các hoa hương, Anh lạc, hương bột, hương nước, hương đốt, hương xoa, y phục, tràng phan, bảo cái, hướng đến chỗ Phật Thích-ca Mâu-ni, đến rồi đầu mặt đánh lễ dưới chân Phật, rồi đứng qua một bên.

**LUẬN:** Hỏi: Nếu có lễ, cơ sao nói đầu mặt đánh lễ dưới chân Phật?

Đáp: Trong thân thể người ta quý nhất là đầu, vì là nơi chứa đựng ngũ tinh (năm giác quan) và ở trên hết. Chân là cái hèn nhất, vì đạp lên chỗ bất tịnh và ở dưới hết. Cho nên đem cái quý mà lễ cái hèn, là vì cúng dường một cách quý trọng nhất.

Lại nữa, lễ có bậc thấp, bậc giữa, bậc cao. Lễ bậc thấp là vái, bậc giữa là quỳ, bậc cao là cúi đầu. Đầu mặt lễ dưới chân là cách cúng dường bậc cao. Do vậy, trong Luật tạng của Phật, hạ tọa Tỳ-kheo hai tay đỡ hai chân thượng tọa, đầu mặt cúi lễ.

Hỏi: Oai nghi của thân có bốn là hoặc ngồi, hoặc đứng, hoặc đi, hoặc nằm, cơ sao chỉ đứng một bên?

Đáp: Vì mới đến nên không nên đi, vì cung kính nên không nên nằm, việc ấy thật dễ rõ, đâu cần phải hỏi. Nên hỏi tại sao ngồi, tại sao đứng. Ngồi là sự cúng dường không tôn trọng, còn đứng là sự cúng dường tôn trọng.

Lại nữa, trong Phật pháp, các hàng ngoại đạo xuất gia và hàng cư sĩ khi đi đến chỗ Phật đều ngồi. Ngoài đạo là đạo khác, khinh Phật nên họ ngồi, kẻ cư sĩ thì như khách, cho nên ngồi. Còn hết thầy năm chúng, thân tâm thuộc vào Phật, cho nên đứng. Nếu là A-la-hán đắc đạo như Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Tu-bồ-đề v.v... việc phải làm đã làm xong, cho nên được phép ngồi, ngoài ra các người khác, tuy được chứng ba đạo quả Sơ, Nhị, Tam cũng không được phép ngồi, vì chưa làm xong đại sự, chưa phá hết giặc kiết sử. Cũng như vua tôi, người có công lớn nên được ngồi. Trong các hàng Bồ-tát tuy có kẻ cư sĩ, mà vì từ xa đi đến cúng dường Phật cho nên đứng.

**KINH:** Bạch Phật rằng: "Bảo Tích Như Lai gọi lời hỏi thăm Thế Tôn, được ít bệnh, ít não, đi và ở được nhẹ nhàng, lạnh lợi, khí lực được an vui chăng?", lại lấy Hoa sen sắc vàng ngàn cánh cúng dường Thế Tôn.

**LUẬN:** Hỏi: Phật Bảo Tích là bậc Nhất thiết trí, sao lại còn phải hỏi Phật Thích-ca Mâu-ni "được ít bệnh, ít não, đi và ở được nhẹ nhàng, lạnh lợi, khí lực được an vui chăng?"

Đáp: Pháp của Phật tự nhiên là vậy, biết mà cố hỏi. Như trong Luật tạng, Tỳ-kheo Đặc-ni-ca làm một cái hang bằng gạch màu đỏ, Phật thấy vậy, đã biết mà cố hỏi A-nan: "Cái đó là vật gì vậy?" A-nan thưa: "Đó là con của người thợ gốm xuất gia, tên là Đặc-ni-ca, làm cái nhà nhỏ bằng cỏ, thường bị trâu phá đi, ba lần làm, ba lần bị phá, do đó mới làm cái nhà gạch ngói này". Phật hỏi A-nan: "Hãy phá cái hang gạch ấy đi, vì có sao? Vì bọn ngoại đạo sẽ nói: "Khi Phật đại sư còn đó, pháp lọt ra từ chỗ rĩ". Nhiều chỗ như vậy, biết mà cố hỏi.

Lại nữa, Phật tuy là bậc Nhất thiết trí, nhưng tùy theo pháp thế gian, người thế gian hỏi thăm, Phật cũng hỏi thăm. Phật sanh ở trong loài người, chịu theo pháp loài người, lạnh, nóng, sống, chết v.v... cùng với người như nhau.

Lại nữa, thế giới của Phật Đa Bảo đó là thanh tịnh trang nghiêm, thân Phật sắc tướng sáng chói cũng lớn, nếu không hỏi thăm thì người ta cho là khinh mạn. Lại muốn bày tỏ cho thế giới và thân sắc, ánh sáng của Phật, tuy có nhiều chỗ hơn, mà trí tuệ thần lực thì đều như nhau không khác, cho nên hỏi thăm.

Hỏi: Tại sao hỏi ít não, ít bệnh?

Đáp: Có hai thứ bệnh: Một là bệnh do nhân duyên bên ngoài, hai là bệnh do nhân duyên bên trong. Bên ngoài là lạnh, nóng, đói, khát, binh, nhẫn, đao, gậy, bị rơi, bị ngã, bị xô, bị đè ... những thứ như vậy gọi là bệnh ngoài, gọi là não. Bên ngoài là ăn uống không tiết độ, nằm, đi thất thường, bốn trăm lẻ bốn bệnh, những thứ như thế gọi là bệnh trong. Hai thứ bệnh đó hễ có thân đều khổ. Cho nên hỏi "Ít não ít bệnh chăng?"

Hỏi: Sao không hỏi không não, không bệnh, mà lại hỏi ít não, ít bệnh?

Đáp: Thánh nhân thật biết thân là gốc khổ, không lúc nào không bệnh, vì sao? Vì bốn đại hợp lại làm thân; đất, nước, gió, lửa tánh không hợp nhau, mỗi thứ hại lẫn nhau cũng như ung thư, không lúc nào không đau, nếu lấy thuốc xoa, có thể bớt được mà không thể lành. Thân người cũng vậy, thường bệnh, thường trị, trị thì được sống, không trị thì chết. Vì lẽ ấy, không thể hỏi không não, không bệnh. Bệnh hoạn bên ngoài thường bị gió, mưa, lạnh, nóng làm bức não. Lại thân có bốn oai nghi ngồi, nằm, đi, đứng, ngồi lâu thì rất não; nằm lâu, đứng lâu, đi lâu cũng não. Cho nên hỏi ít não, ít bệnh.

Hỏi: Hỏi ít bệnh ít não là đủ, sao còn nói đi và ở nhẹ nhàng lạnh lợi?

Đáp: Người ta tuy bệnh lành mà chưa được bình phục, vì vậy nên hỏi đi và ở nhẹ nhàng lạnh lợi.

Hỏi: Sao lại còn nói khí lực an lạc chăng?

Đáp: Có người bệnh lành, tuy đi lại ngồi dậy được, nhưng khí lực chưa đủ không thể làm lưng thi vi, xách nhẹ, vác nặng, do đó hỏi về "khí lực". Có người tuy bệnh lành, có thể vác nặng xách nhẹ, nhưng chưa được yên vui. Do đó hỏi "Có yên vui chăng?"

Hỏi: Nếu không bệnh mà có sức, vì sao chưa được an vui?

Đáp: Có người vì nghèo cùng, sợ hãi, ưu não, không được an vui. Do đó nên hỏi "Được an vui chăng?"

Lại nữa, có hai cách hỏi thăm: Hỏi thăm về thân, hỏi thăm về tâm. Nếu nói ít não, ít bệnh, đi và ở nhẹ nhàng lạnh lợi, khí lực là hỏi thăm về thân. Nếu an vui chăng, là hỏi thăm về tâm. Các thứ bệnh bên trong, bên ngoài đều được gọi là thân bệnh. Các thứ phiền não dâm dục, sân nhuế, tật đố, xan tham, ưu sầu, sợ hãi v.v..., chín mươi tám kiết sử, năm trăm phiền cái, các thứ mong cầu, ham

muốn, v.v... đều được gọi là tâm bệnh. Vì hỏi thăm hai thứ bệnh ấy nên nói "ít não, ít bệnh, đi và ở nhẹ nhàng lạnh lợi, khí lực an vui chăng?"

Hỏi: Cách hỏi thăm của loài người thì hỏi như vậy. Hàng chư thiên còn không nên hỏi thăm như vậy, huống gì là đối với Phật?

Đáp: Thân Phật có hai: Một là thân thần thông biến hóa, hai là thân cha mẹ sanh. Thân cha mẹ sanh thì chịu theo phép loài người, không như chư thiên, do đó phải theo phép loài người mà hỏi thăm.

Hỏi: Đối với hết thầy Hiền thánh, tâm không còn bị dính mắc, không tham thân, không tiếc tuổi thọ, không ghét chết, không ưa sống, nếu như vậy thì cần gì hỏi thăm?

Đáp: Vì theo phép thế gian chịu theo phép loài người mà thăm hỏi. Sai thăm hỏi, cũng là chịu theo phép của loài người.

Hoa sen sắc vàng ngàn cánh, như trên đã nói.

**KINH: Bấy giờ, Phật Thích-ca Mâu-ni sau khi nhận Hoa sen sắc vàng ngàn cánh, Ngài rải đến chư Phật trong Hằng hà sa thế giới ở phương Đông.**

**LUẬN:** Hỏi: Phật là bậc không ai hơn, không ai bằng, sao nay lại rải hoa cúng dường chư Phật ở phương Đông? Như khi Phật mới đắc đạo, tự suy nghĩ rằng: "Người mà không có chỗ để tôn thờ thì sự nghiệp sẽ không thành, nay trong mười phương trời đất ai là kẻ đáng tôn thờ. Ta sẽ kính làm Thầy mà thờ". Khi ấy Phạm-thiên-vương cùng chư thiên bạch Phật rằng: "Phật là trên hết, không ai vượt qua Phật". Phật cũng tự dùng Thiên nhãn xem thấy trong ba đời và mười phương trời đất, không có ai hơn Phật. Tâm tự nghĩ rằng: "Ta thực hành Đại Bát-nhã Ba-la-mật mà nay tự mình được làm Phật. Đây là chỗ cho Ta tôn thờ, tức là Thầy của Ta. Ta sẽ cung kính cúng dường tôn thờ pháp ấy". Thí như có một gốc cây tên là Hảo-kiên, ở trong lòng đất một trăm năm, cành lá đầy đủ, một ngày kia ra khỏi lòng đất, cao một trăm trượng. Cây ấy ra khỏi rồi, muốn tìm gốc cây lớn để che mát cho mình. Khi ấy trong rừng có vị thần nói với Hảo-kiên rằng: "Trong đời không còn cây nào lớn hơn ngươi, các cây khác đều ở trong bóng mát của ngươi". Phật cũng như vậy, Vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, sanh ở trong lòng đất Bồ-tát, một ngày kia ở tại dưới gốc Bồ-đề, ngồi trên chỗ tòa Kim-cang, như thật biết rõ hết thầy các pháp tướng, chứng thành Phật đạo. Bấy giờ tự nghĩ: "Ai đáng tôn thờ để làm thầy, ta sẽ hầu hạ cung kính cúng dường". Khi ấy ấy Phạm-

thiên-vương cùng chư thiên bạch Phật rằng: "Phật là vô thượng, không ai hơn Phật". Vậy nay có sao lại cúng dường chư Phật ở phương Đông?

Đáp: Phật tuy trên hết, trong ba đời mười phương trời đất, không ai hơn Phật để mà thực hành sự cúng dường. Cúng dường có thượng, trung, hạ. Cúng dường người thua mình là cúng dường bậc hạ, cúng dường người hơn mình là cúng dường bậc thượng, cúng dường người ngang mình là cúng dường bậc trung. Cũng như Tỳ-kheo-ni Đại-ái-đạo cùng 500 Tỳ-kheo-ni A-la-hán, trong một ngày cùng một lần vào Niết-bàn. Khi ấy hàng Ưu-bà-tắc chúng đấng ba đạo quả đở giường của 500 Tỳ-kheo-ni, Tứ-thiên-vương đở giường nhũ mẫu của Phật là Đại-ái-đạo, còn Phật tự ở trước bưng lò hương, đốt hoa cúng dường. Phật nói với các Tỳ-kheo: "Các ông hãy giúp Ta cúng dường thân nhũ mẫu". Bấy giờ các Tỳ-kheo A-la-hán, mỗi người dùng lực thần túc, đi đến trên núi Ma-lê, lấy củi hương Chiên-đàn ngưu đầu chất thành đồng giúp Phật. Ấy là cúng dường bậc hạ. Do đó, tuy không cầu chúng quả mà vẫn thực hành cúng dường bình đẳng.

Lại nữa, chư Phật nên phải cúng dường Phật, các người khác không biết đức của Phật, như kệ nói:

"Người trí kính người trí,

Trí luận người trí mừng,

Người trí biết được trí,

Như Rắn biết chân Rắn".

Vì vậy, chư Phật là bậc Nhất thiết trí cúng dường bậc Nhất thiết trí.

Lại nữa, mười phương Phật đời đời khuyến trợ Phật Thích-ca Mâu-ni. Như Thất trụ Bồ-tát quán các pháp là không, vô sở hữu, bất sanh bất diệt. Quán như vậy rồi, trong hết thảy thế giới, tâm không dính mắc, muốn buông thả sáu Ba-la-mật mà nhập Niết-bàn. Cũng như người trong khi mộng làm bè để vượt qua sông lớn, tay chân mỗi mệt, sanh tâm nhàm chán, đang ở giữa lòng sông mộng tỉnh, tự nghĩ rằng: "Đâu có sông để có thể vượt qua?" Khi ấy, tâm chuyên cần cũng buông bỏ hết, Bồ-tát cũng như vậy. Ở trong địa vị Thất trụ, chúng được Vô sanh Pháp nhẫn, tâm hành đều đình chỉ, muốn vào Niết-bàn. Bấy giờ mười phương chư Phật đều phóng ánh sáng, chiếu trên thân Bồ-tát, lấy tay phải xoa đầu, nói rằng: "Thiện nam tử! Chớ sanh tâm tưởng ấy. Ông nên nhớ lại bản nguyện của ông là muốn độ chúng sanh. Ông tuy biết các pháp là không, mà chúng sanh thì không biết. Ông nên nhóm các công đức, giáo hóa chúng sanh, chớ vào Niết-

bàn. Ông chưa được thân kim sắc, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình, vô lượng quang minh, ba mươi hai nghiệp. Ông nay mới chứng được Vô sanh pháp môn, chớ có mừng lớn." Khi ấy Bồ-tát nghe lời chư Phật giáo huấn, trở lại sanh tâm nguyện như trước, thực hành sáu Ba-la-mật để độ chúng sanh. Như vậy, lúc mới đắc Phật đạo, được sự tá trợ ấy. Lại lúc Phật mới đắc đạo, tâm tự suy nghĩ: "Pháp này rất sâu xa, chúng sanh ngu muội bạc phước, Ta cũng sanh trong đời ngũ ác, phải làm sao đây? Suy nghĩ xong, Ta sẽ từ trong một pháp chia làm ba phần thành ba thừa để độ chúng sanh". Khi suy nghĩ như vậy, chư Phật mười phương đều hiện ánh sáng tán thán rằng: "Lành thay! Lành thay! Chúng ta cũng ở trong đời ngũ ác, chia một pháp làm ba phần để độ chúng sanh". Khi ấy, Phật nghe tiếng nói của chư Phật mười phương, liền rất hoan hỷ, xưng niệm "Nam Mô Phật".

Như vậy, mười phương Phật, nơi nơi đều khuyến trợ làm lợi ích lớn. Vì biết ân nặng ấy, cho nên lấy hoa cúng dường mười phương Phật. Phước đức tối thượng, không gì vượt qua phước đức này, vì có sao? Hoa ấy do công đức lực của Phật Bảo Tích sinh ra, chứ không phải hoa từ trong nước sanh. Phổ Minh là vị Bồ-tát pháp thân ở địa vị Thập trụ, đưa hoa ấy đến dâng lên Phật Thích-ca Mâu-ni. Phật Thích-ca Mâu-ni biết mười phương Phật là phước điền đệ nhất, cho nên cúng dường, phước ấy nhiều gấp bội, vì có sao? Vì Phật tự cúng dường Phật vậy.

Trong Phật pháp có bốn hạng bố thí: 1- Người thí thanh tịnh, người thọ không thanh tịnh, 2- Người thí không thanh tịnh, người thọ thanh tịnh, 3- Người thí thanh tịnh, người thọ cũng thanh tịnh, 4- Người thí không thanh tịnh, người thọ không thanh tịnh. Nay thí cho Phật ở phương Đông là cả hai đều thanh tịnh, phước ấy rất lớn. Vì vậy nên Phật tự cúng dường mười phương Phật.

Hỏi: Hết thấy Thánh nhân đều không thọ quả báo, đời sau không còn sanh trở lại, có sao nói phước bố thí ấy rất lớn?

Đáp: Phước ấy tuy không có người thọ hưởng, mà tướng nó lại lớn. Nếu có người thọ hưởng thì quả báo ấy vô lượng. Các Thánh nhân biết pháp hữu vi đều là vô thường, không, cho nên xả bỏ mà vào Niết-bàn, phước ấy cũng xả. Thí như thoi vàng đốt cháy, tuy mắt thấy nó đẹp mà không thể lấy tay đụng, vì sợ cháy tay người.

Lại nữa, như người bị mụn nhọt thời phải dùng thuốc bôi, nếu người không bị nhọt thì thuốc vô dụng; người có thân cũng như vậy, thường bị đói khát, lạnh

nóng bức bách. Cũng như bị mụn nhọt, phải lấy áo chần, ăn uống, ầm nóng làm cho dễ chịu, như lấy thuốc bôi mụn nhọt. Còn như kẻ ngu si, vì ham thuốc chửi không phải dùng bôi mụn. Nếu không mụn nhọt, thì thuốc cũng vô dụng. Chư Phật cho thân là một mụn nhọt, vì phóng xả thân mụn nhọt nên cũng không lãnh thọ thuốc quả báo. Vì vậy nên tuy có đại phước, cũng không thọ báo.

KINH: Hoa sen được rải đến chư Phật thế giới nhiều như hằng hà sa số ở phương Đông.

LUẬN: Hỏi: Hoa ít mà thế giới nhiều, làm sao rải khắp?

Đáp: Do thần thông lực của Phật. Những sự như trên, có tám cách tự do biến hóa: Khiến nhỏ thành lớn, khiến lớn thành nhỏ, khiến nặng thành nhẹ, khiến nhẹ thành nặng, tự tại vô ngại, tùy ý đi đến, rung động đại địa, thành tựu sở nguyện. Các đại Thánh nhân đều có tám cách biến hóa tự tại ấy, cho nên Phật có thể lấy một ít hoa rải khắp hằng hà sa số thế giới ở phương Đông.

Lại nữa, để chỉ cho chúng sanh thấy phước báu vị lai, một ít hoa như thế mà rải khắp thế giới ở phương Đông. Lại để khuyên Bồ-tát ở phương Đông rằng gieo phước vào trong ruộng Phật thời được quả báo cũng như hoa ấy đầy khắp vô lượng. Các ông từ xa đi đến, phải nên hoan hỷ, gặp được phước điền ấy, quả báo vô lượng.

KINH: Các Bồ-tát xuất gia, tại gia và đồng nam đồng nữ, đầu mặt đảnh lễ dưới chân Phật Thích-ca Mâu-ni, mỗi người đem đồ cúng dường mà cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán Phật Thích-ca Mâu-ni. Các Bồ-tát xuất gia, tại gia và đồng nam đồng nữ ấy, mỗi mỗi nhờ năng lực thiện căn phước đức mà được cúng dường Thích-ca Mâu-ni Như Lai, Ứng cúng, Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN: Như kệ nói:

"Con đường các Thánh đến,

Phật cũng đến như vậy,

Thật tướng và chỗ đi,

Phật như vậy không khác.

Chư Thánh nói như thật,

Phật nói cũng như thật,

Do vậy nên gọi Phật,  
Là đấng hiệu Như Lai (Tathàgata)  
Giáp nhãn: Tâm kiên cố,  
Cung tinh tấn: Sức mạnh,  
Tên trí tuệ: Nhọn cứng,  
Phá các giặc kiêu mạn.  
Đáng lãnh thọ cúng dường,  
Của loài trời, loài người.  
Do vậy nên gọi Phật.  
Là đấng hiệu Ứng cúng (Araha)  
Chính tri thật tướng khổ,  
Cũng thật biết khổ tập,  
Biết thật tướng khổ diệt,  
Cũng biết đạo diệt khổ,  
Chơn chánh hiểu Tứ đế,  
Định thật không thể biến,  
Cho nên trong mười phương,  
Hiệu Chánh đẳng Chánh giác.  
Được tam minh vi diệu,  
Đầy đủ hạnh thanh tịnh,  
Do đó hiệu Thế Tôn (Bhagavat)  
Là đấng Minh-Hạnh-túc (Vidyà-carana)  
Biết rõ hết thầy pháp  
Tự được diệu đạo rồi.



Hoặc thời phương tiện thuyết,  
Vi thương đến tất cả,  
Diệt trừ già, bệnh, chết,  
Đẫn đến chỗ an ổn,  
Do vậy nên gọi Phật,  
Là đáng hiệu Thiện-thệ (Sugata)  
Biết đời từ đâu đến,  
Cũng biết đường đời diệt,  
Do vậy nên gọi Phật,  
Là đáng Thế-gian-giải (Loka-vid).  
Con mắt thiền, giới, trí,  
Không ai bằng, huống hơn,  
Do vậy nên gọi Phật,  
Là đáng Vô-thượng-sĩ (Anurata).  
Đại bi độ chúng sanh,  
Khéo léo dạy, điều ngự,  
Do vậy nên gọi Phật,  
Là đáng Điều-ngự-sư (Purusa-damyà Sàrathi).  
Trí tuệ, không phiền não,  
Thuyết giải thoát tối thượng,  
Do vậy nên gọi Phật,  
Là đáng Thiên-nhơn-sư (Devamanusyanàmi).  
Ba đời động, chẳng động,  
Pháp tận và chẳng tận,

Dưới đạo thọ biết hết,

Do vậy nên gọi Phật,

KINH: Vượt qua hàng hà sa thế giới chư Phật về phương Nam, ở tại mé thế giới ấy, có thế giới tên là Ly-nhất-thiết-ưu, Phật hiệu là Vô-ưu-đức, Bồ-tát hiệu là Ly-ưu. Vượt qua hàng hà sa thế giới chư Phật về phương Tây, ở tại mé thế giới ấy, có thế giới tên là Diệt-ác, Phật hiệu là Bảo-sơn, Bồ-tát hiệu là Nghĩa-ý. Vượt qua hàng hà sa thế giới chư Phật về phương Bắc, ở tại mé thế giới ấy, có thế giới tên là Thắng, Phật hiệu là Thắng vương, Bồ-tát hiệu là Đắc Thắng. Vượt qua hàng hà sa thế giới chư Phật về phương dưới, ở tại mé thế giới ấy, có thế giới tên là Thiện, Phật hiệu là Thiện đức, Bồ-tát hiệu là Hoa Thượng. Vượt qua hàng hà sa thế giới chư Phật về phương trên, ở tại mé thế giới ấy, có thế giới tên là Hỷ, Phật hiệu là Hỷ đức, Bồ-tát hiệu là Đức Hỷ. Như vậy, hết thảy đều như phương Đông.

LUẬN:Hỏi: Như trong Phật pháp thật không có các "phương", vì cứ sao? Vì không nhiếp vào trong năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới? Trong bốn pháp tạng cũng không. Nói "phương" là thật pháp, mà tìm nhân duyên cũng không thể có được; nay cứ sao trong đây nói "mười phương chư Phật", "mười phương Bồ-tát đến"

Đáp: Theo pháp thế tục lưu truyền cho nên nói "phương", chứ tìm "phương" thật không có.

Hỏi: Vì sao lại nói "không có phương"? Trong bốn pháp tạng của các ông không nói, nhưng trong sáu pháp tạng (sáu cú nghĩa) của chúng tôi có nói. Nó không được kể đến trong năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới nhưng được kể đến trong Thật cú nghĩa (Đà-la-phiêu - Draya-Pàdarthà) của chúng tôi. Pháp "phương" ấy, vì là tướng thường, tướng hữu thường, nên cũng có, cũng thường. Như trong Kinh nói: "Chỗ mặt trời mọc là phương Đông, chỗ mặt trời lặn là phương Tây, chỗ mặt trời đi qua là phương Nam, chỗ mặt trời không đi qua là phương Bắc. Mặt trời có ba phần hợp: Hoặc trước hợp, hoặc nay hợp, hoặc sau hợp. Tùy theo phương mà mặt trời có ba phần. Đầu tiên hợp là phương Đông. Phương Nam phương Tây cũng vậy. Chỗ mặt trời không đi qua là không có phần. Kia cách đây, đây cách kia, đó là tướng trạng của "phương". Nếu không có "phương" thì không có kia, đây. Kia là tướng của "phương" nhưng nó chẳng phải phương?

Đáp: Không phải vậy, núi Tu-di ở giữa bốn châu. Mặt trời đi quanh núi Tu-di, chiếu đến bốn châu thiên hạ. Ở châu Uất-đơn-la-việt, mặt trời đứng bóng, thì ở châu Phất-bà-đề, mặt trời mới mọc, vậy người ở châu Phất-bà-đề là phương Đông; ở châu Phất-bà-đề mặt trời đứng bóng, thì ở châu Diêm-phù-đề mặt trời mới mọc, vậy người ở châu Diêm-phù-đề là phương Đông, ấy là thật không có bắt đầu, vì có sao? Vì hết thầy đều là phương Đông, đều là phương Nam, đều là phương Tây, đều là phương Bắc. Vậy ông nói chỗ mặt trời mọc là phương Đông, chỗ mặt trời đi qua là phương Nam, chỗ mặt trời lặn là phương Tây, chỗ mặt trời không đi qua là phương Bắc, việc ấy không đúng

Lại nữa, có nơi mặt trời không hợp, thế là không phải "phương", vì không có tướng "phương".

Hỏi: Tôi nói trong một nước có bốn phương, ông lại đem bốn châu ra nạn. Vì thế nên chẳng phải là không có bắt đầu ở phương Đông?

Đáp: Nếu ở trong một nước mà mặt trời cùng với phương Đông hợp, thế là có biên, có biên thì vô thường, vô thường thì chẳng khắp. Vì thế nên "phương" chỉ có danh mà không có thật.

**KINH:** Bảy giờ cả ba ngàn đại thiên thế giới đều thành trân bảo, hoa phủ khắp mặt đất, treo lụa, phướn, lọng, cây hương, cây hoa, đầy đủ trang nghiêm.

**LUẬN:** Hỏi: Do thần lực ai mà làm cho đất thành báu?

Đáp: Đó là do vô lượng thần lực của Phật biến hóa làm ra. Có người dùng chú thuật, huyền pháp, và các Quỷ thần, Ma vương có thể biến hóa một ít vật, còn nếu làm cho cả ba ngàn đại thiên thế giới đều thành trân bảo, thì những người ấy và Phạm-thiên-vương đều không thể làm được. Phật vào trong bốn thiên với tâm biến hóa, khiến ba ngàn đại thiên thế giới, tất cả hoa, hương, cây cỏ, đất đai đều được trang nghiêm, hết thầy chúng sanh đều hòa đồng, với tâm trở nên thiện, vì có sao? Trang nghiêm thế giới này vì để thuyết Bát-nhã Ba-la-mật vậy. Cũng vì Bồ-tát khách và các chư thiên, loài người từ mười phương đến, cho nên trang nghiêm. Như người ta mời quý khách. Nếu một nhà mời thời trang nghiêm một nhà, một Quốc chủ mời thời trang nghiêm một nước, Chuyển luân Thánh vương mời thời trang nghiêm bốn châu thiên hạ, Phạm-thiên-vương mời thời trang nghiêm ba ngàn đại thiên thế giới. Phật là chủ của mười phương vô lượng hằng hà sa thế giới, vì các Bồ-tát khách và các chư thiên, loài người từ tha hương đến, cũng vì chúng nhân ở đây ở kia hãy thấy sự biến hóa trang nghiêm này thời sanh đại tâm, sanh tâm thanh tịnh hoan hỷ. Từ đại tâm phát ra đại

nghiệp, từ đại nghiệp được đại báo, trong khi thọ đại báo lại sanh đại tâm, như vậy triển chuyển tăng ích, mà chúng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì thế nên biến thể giới này đều thành trân bảo.

Sao gọi là bảo? Có bốn thứ là vàng, bạc, Tỳ-lưu-ly, Pha-lê. Lại có bảy thứ báu là vàng, bạc, Tỳ-lưu-ly, Pha-lê, Xa-cừ, Mã-nã, Xích-chơn-châu (châu này rất quý, chẳng phải là San-hô). Lại còn có thứ báu là Ma-la-già-đà (báu này từ miệng chim Kim-sí mà ra, sắc lục, hay trừ độc), Nhân-đà-ni-la (báu xanh của trời), Ma-ha-ni-la (báu xanh lớn), Bát-ma-la-già (báu sáng đỏ), Việt-xà (kim-cương), Long châu, Như ý châu, Ngọc bồi, San-hô, Hồ phách v.v... các thứ gọi là báu. Báu ấy có ba loại là: Nhân bảo, thiên bảo, Bồ-tát bảo. Nhân bảo năng lực ít, chỉ có sắc sáng thanh tịnh, trừ độc, trừ quỷ, trừ tội, trừ đói khát, lạnh, nóng ... các thứ khổ. Thiên bảo cũng lớn, cũng hơn thường, thường theo chân trời, có thể sai khiến, cùng nói chuyện, nhẹ mà không nặng. Bồ-tát bảo thì hơn thiên bảo, có thể gồm cả việc của nhân bảo, thiên bảo. Lại có thể khiến hết chúng sanh biết gốc ngọn nhân duyên của sự chết đây sanh kia. Thí như gương sáng, soi thấy mặt mày.

Lại nữa, Bồ-tát bảo có thể phát ra các thứ pháp âm, hoặc làm mũ báu đội trên đầu, trời mưa xuống các đồ cúng dường, nào là tràng phan, hoa cái trên mười phương vô lượng thế giới chư Phật để cúng dường Phật. Lại mưa các vật để nuôi sống như áo, chăn, đồ nằm, mọi thứ tùy theo chỗ cần của chúng sanh mà mưa đủ cả, để cấp thí cho chúng sanh. Các thứ trân bảo như vậy, để trừ các khổ nghèo cùng của chúng sanh.

Hỏi: Các thứ trân bảo ấy từ đâu xuất ra?

Đáp: Vàng thì xuất từ đá cát, đồng đỏ trong núi; Trân châu thì xuất từ bụng cá, từ trong tre, từ não Rắn; Long châu thì xuất từ não Rồng; San-hô thì xuất từ cây đá trong biển; Ngọc bồi thì xuất từ Mai ruà; Bạc xuất từ đá cháy; còn Lưu-ly, Pha-lê v.v... xuất từ hang núi. Ngọc Như ý xuất từ Xá-lợi của Phật. Nếu khi chánh pháp chưa tận thì các Xá lợi đều biến làm Như ý châu, thí như băng giá quá một ngàn năm thì hóa làm ngọc Pha-lê. Các thứ trân bảo như vậy là trân bảo thường trong loài người. Tất cả thế giới mà Phật trang nghiêm là thù thắng hơn cả, chư thiên không thể làm được, vì có sao? Ấy là từ đại công đức sanh ra.

Các thứ tràng hoa, như trước đã nói. Cây hương gọi là A-già-lâu (cây mật hương), là Đa-già-lâu (cây mộc hương), Chiên-đàn..., các thứ cây hoa như vậy. Cây hoa gọi là hoa Chiêm-bạc (cây hoa vàng), A-du-ca (cây hoa vô ưu), Bà-ha-ca-la (cây hoa đỏ). Các thứ cây hoa như vậy

KINH: Thí như thế giới Hoa Tích, thế giới Phổ Hoa, Bồ-tát Diệu Đức, Bồ-tát Thiện-ý-trụ, và các Bồ-tát có đại oai thần khác, đều ở nơi đó.

LUẬN: Hỏi: Vì sao nói "Thí như thế giới Hoa Tích"?

Đáp: Thế giới kia thường có tịnh hoa, thế giới này biến hóa trong nhất thời, nên lấy để thí dụ. Pháp thí dụ, là lấy cái nhỏ dụ cái lớn, như người có mặt đẹp thí như mặt trăng tròn.

Hỏi: Còn có các thế giới thanh tịnh ở mười phương, như thế giới An lạc của Phật A-di-đà v.v..., sao chỉ lấy thế giới Phổ Hoa làm thí dụ?

Đáp: Thế giới của Phật A-di-đà không bằng thế giới của Phật Hoa Tích, vì có sao? Tỳ-kheo Pháp Tích (Pháp Tạng) tuy được Phật dẫn đến mười phương xem thế giới thanh tịnh, nhưng vì công sức mỏng nên không thể thấy được thượng diệu thanh tịnh. Do vậy thế giới không bằng.

Lại nữa, ngay khi Phật biến hóa thế giới này, chính cùng thế giới Hoa Tích giống nhau. Do vậy nói "Thí như thế giới Hoa Tích".

Hỏi: Còn có các Bồ-tát khác như Tỳ-ma-la-cật, Quán Thế Âm, Biến-cát v.v... Sao không nói các Bồ-tát này ở tại đó mà chỉ nói Bồ-tát Văn-thù-thi-ly (Diệu Đức), Bồ-tát Thiện-ý-trụ?

Đáp: Bồ-tát Biến-cát (Phổ Hiền) ấy, nơi mỗi lỗ chân lông của Ngài thường hiện ra thế giới chư Phật và chư Phật Bồ-tát đầy khắp mười phương để hóa độ chúng sanh, nên không có chỗ ở nhất định. Văn-thù-thi-ly phân thân biến hóa vào trong năm đường, hoặc làm Thanh-văn, hoặc làm Duyên-giác, hoặc làm thân Phật. Như trong kinh Thủ Lăng nghiêm Tam muội nói: "Bồ-tát Văn-thù-thi-ly đời quá khứ là Long Chủng Phật Tôn, bảy mươi hai đời làm Bích-chi Phật". Đó là có thể nói, có thể thuyết; còn Bồ-tát Biến-cát thì không thể lượng, không thể nói, không thể biết trú xứ, hoặc trú xứ ở trong tất cả thế giới. Do đó không nên nói đến.

Lại nữa, nói "và các Bồ-tát có đại oai thần" là cũng nói chung Bồ-tát Biến-cát và các Bồ-tát lớn.

KINH: Bấy giờ, Phật biết hết thấy thế giới, hoặc thế giới Trời, hoặc thế giới Ma, hoặc thế giới Phạm-thiên, hoặc Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc Trời, hoặc Càn-thát-bà, Người, A-tu-la v.v... Và các Bồ-tát kế thừa Phật vị, tất cả đều tập hội.

LUẬN: Hỏi: Thần lực của Phật vô lượng, tất cả chúng sanh trong mười phương, nếu tất cả đều đến tập hội, thì hết thảy thế giới phải trống không. Nếu không đến thì thần lực vô lượng của Phật có chỗ không làm được?

Đáp: Không thể đến hết, vì có sao? Thế giới của chư Phật vô biên vô lượng, nếu đến hết thời là hữu biên. Lại, mười phương đều có Phật, cũng thuyết Bát-nhã Ba-la-mật. Như trong Chương 43 của kinh Bát-nhã Ba-la-mật nói "Mười phương đều có hàng ngàn vị Phật xuất hiện, đều thuyết Bát-nhã Ba-la-mật". Do đó không nên đến cả hết.

Hỏi: Nếu có mười phương chư Phật đều thuyết Bát-nhã Ba-la-mật, thế thì mười phương Bồ-tát sao còn đến đây?

Đáp: Như đã nói trong chương Bồ-tát Phổ-Minh đến. Vì có nhân duyên với Phật Thích-ca Mâu-ni cho nên đến.

Lại nữa, đó là vì bản nguyện của Bồ-tát rằng: "Nếu có chỗ nào thuyết Bát-nhã Ba-la-mật thời ta sẽ nghe, lãnh thọ, cúng dường". Vì vậy nên từ xa đi đến. Vì muốn đem thân lực chứa nhóm công đức, cũng vì muốn tỏ cho chúng sanh rõ rằng: "Ta từ xa còn đi đến cúng dường pháp, sao các người ở tại thế giới này mà không cúng dường?"

Hỏi: Phật đối với pháp không còn dính mắc, tại sao lại bày phen hiện thần lực để khiến chúng sanh tập hội đông đủ?

Đáp: Bát-nhã Ba-la-mật ấy rất sâu xa, khó biết khó hiểu, không thể nghĩ bàn, cho nên tập hội rộng rãi các Đại Bồ-tát, làm cho người mới phát tâm được tin vui. Cũng như lời của kẻ nhỏ không đủ làm cho ai tin, lời của người quý trọng tất được tin vâng.

Hỏi: Có sao nói "hoặc thế giới Trời, hoặc thế giới Ma, hoặc thế giới Phạm-thiên"? Chỉ nên nói thế giới Trời, thế giới Người là đủ, vì có sao? Vì trong mười hiệu của Phật có hiệu là Thiên Nhơn sư. Do vậy chỉ nên nói Trời và Người là đủ?

Đáp: Chư thiên có Thiên nhãn, Thiên nhĩ, lợi căn, trí tuệ nhiều, tự biết mà đi đến. Thế nên nói là thế giới Trời.

Hỏi: Nếu trong thế giới Trời đã gồm có Ma, Phạm; sao còn nói riêng Ma hoặc Phạm?

Đáp: Trong chư thiên có 3 chủ lớn: Thích-đề-bà-na-dân làm thiên chủ hai nơi (Tứ thiên thiên và Tam-thập-tam thiên), Ma vương làm chủ cõi trời Lục dục, Phạm-thiên-vương làm Thiên chủ trong thế giới Phạm thiên.

Hỏi: Như cõi trời Dạ-ma, cõi trời Đâu-suất-đà, cõi trời Hóa Lạc thủy đều có chủ, tại sao chỉ nói có ba chủ?

Đáp: Thích-đề-bà-na-dân vương nương trên đất mà ở, Phật cũng nương trên đất đó mà ở. Vì thường đến chỗ Phật, rất có danh tiếng, nhiều người biết đến. Còn Ma vương thì thường đến quấy rầy Phật, lại là chủ của tất cả cõi Dục. Các trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa Lạc đều thuộc Ma vương.

Lại nữa, nói thế giới Trời, thời trời của ba cõi đều thuộc về Trời. Ma là chủ của tất cả cõi Dục, nên nói riêng.

Lại nữa, Ma thường quấy rầy Phật, mà nay đến nghe thuyết Bát-nhã Ba-la-mật, thì các người khác cũng thêm lòng tín.

Hỏi: Trong cõi Sắc có rất nhiều cõi Trời; tại sao chỉ nói thế giới Phạm thiên tập hội?

Đáp: Các cõi Trời cao nữa thì không có giác và quán, không thích tán tâm lại vì khó nghe. Thế giới Phạm có bốn thức (nhãn, nhĩ, thân, ý thức) vì dễ nghe được và vì ở gần.

Lại nữa, " Phạm" nghĩa là ly dục thanh tịnh. Nay nói thế giới Phạm là đã nói chung các cõi Trời ở Sắc giới.

Lại nữa, các cõi Trời khác chưa có dân trời, lúc kiếp sơ sanh, Phạm-thiên-vương ở một mình trong Thiên cung, vắng vẻ không ai, tâm không vui nên tự nghĩ: "Sao trong đây không có nhân dân?" Bấy giờ Quang-âm mệnh tuyệt, ứng theo ý nghĩ kia mà sanh đến. Phạm vương bèn suy nghĩ: "Chư thiên này trước không có, theo ý nghĩ của ta mà sanh ra, ta hay sanh ra chư thiên này". Chư thiên khi ấy ai cũng tự nghĩ: "Ta từ Phạm vương sanh ra. Phạm vương là cha của ta". Do vậy nên chỉ nói Phạm thế giới.

Lại nữa, các cõi Trời Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên (các cõi cao trên Phạm-thiên) thấy Phật, nghe pháp, hoặc khuyến trợ Bồ-tát ở tại cõi Dục, nhưng nhãn thức, nhĩ thức, thân thức đều tựa vào thế giới Phạm. Do vậy nên nói riêng Phạm thế giới.

Hỏi: Tại sao chỉ nói các Sa-môn, Bà-la-môn, mà không nói đến Quốc vương, Trưởng giả và các chúng khác?

Đáp: Người trí tuệ có hai hạng là Sa-môn và Bà-la-môn. Xuất gia thì gọi là Sa-môn, tại gia thì gọi là Bà-la-môn. Các người khác để tâm vào sự vui ở đời, cho nên không nói. Bà-la-môn phần nhiều học trí tuệ và cầu phước, người xuất gia thì hết thấy đều cầu đạo, thế cho nên chỉ nói đến Sa-môn và Bà-la-môn. Trong hàng tại gia, người có bảy đời thanh tịnh, sanh ra đủ sáu tuổi, đều thụ giới, gọi là Bà-la-môn. Trong hàng Sa-môn, Bà-la-môn ấy, có đạo đức, trí tuệ cho nên nói.

Hỏi: Trước đã nói thế giới Trời, sao nay còn nói đến trời?

Đáp: Thiên thế giới là chỉ Tứ-thiên-vương, Đạo-lợi thiên; Ma là chỉ cho Tha-hóa-tự-tại thiên; Phạm là chỉ cho Sắc giới. Nay nói trời là chỉ cho Dạ-ma, Đâu-suất-đà, Hóa-lạc và Ái-thân-thiên trong Dục giới. Ái-thân ở trên Lục-dục-thiên, hình sắc tuyệt đẹp, cho nên gọi là Ái-thân.

Hỏi: Tại sao chỉ nói Càn-thát-bà mà không nói đến các Quỷ thần và Long vương khác?

Đáp: Càn-thát-bà là nhạc thần của chư thiên, thường đi theo chư thiên. Tâm nó nhu nhuyễn, phước đức kém hơn chư thiên. Các Quỷ thần thuộc trong Quỷ thần đạo; Long vương thuộc trong súc sanh đạo. Chân-đà-la cũng là kỹ nhạc của trời, đều thuộc vào trời; chung ở cùng ngôi với người mà ăn uống, và kỹ nhạc thì đồng với trời. Vua Càn-thát-bà tên là Đồng-lung-ma (Tàu dịch là Cây). Càn-thát-bà, Chân-chân-đà thường ở hai chỗ, chỗ thường ở là tại giữa núi Thập Bảo. Có khi tấu nhạc cho chư thiên ở trên trời. Hai loại này thường thay đổi giữa cao và thấp.

Người sanh trong bốn châu thiên hạ. Sanh ra có bốn hạng. Sống rất lâu cho đến vô lượng tuổi, sống rất ngắn cho đến chỉ mười tuổi.

A-tu-la là ác tâm, ưa đấu tranh mà không phá giới, tu phước bố thí lớn, sanh ở trên biển lớn, cũng có thành quách cung điện. Các vua của A-tu-la ấy tên là Tỳ-ba-chất-đa, Ba-lê, La-hầu-la v.v...

Như có thuyết kể: "Một lúc nọ, La-hầu-la A-tu-la vương muốn nuốt mặt trăng. Nguyệt thiên tử sợ hãi, gấp đi đến chỗ Phật nói kệ:

"Phật Thế Tôn thành tựu đại trí

Con nay quy mạng kẻ thủ lễ.



La-hầu-la ấy não loạn con,  
Xin Phật thương xót mà cứu hộ".

Phật nói kệ cho La-hầu-la:

"Trăng hay soi tối lại mát mẽ,  
Là ngọn đèn trời giữa hư không.  
Sắc nó trong trắng ngàn ánh sáng,  
Người chớ nuốt trắng, mau nhả ra".

Khi ấy La-hầu-la sợ quá toát mồ hôi, liền nhả trắng ra. Ba-lê A-tu-la vương thấy La-hầu-la sợ hãi, nhả trắng ra, nói kệ hỏi rằng:

"Người La-hầu-la vì có gì  
Sợ hãi run rẩy nhả trắng gấp?  
Thân người mồ hôi như người bệnh,  
Tâm sợ bất an đến thế kia?"

La-hầu-la bấy giờ nói kệ đáp rằng:

"Thế Tôn dùng kệ mà dạy tôi,  
Tôi không nhả trắng, đầu vỡ bầy.  
Dẫu cho sống được, không an ổn,  
Vì vậy nên tôi nhả trắng này".

Ba-lê A-tu-la vương nói kệ rằng:

"Chư Phật rất khó gặp,  
Lâu xa mới xuất hiện,  
Nói kệ thanh tịnh này,  
La-hầu-la nhả trắng".

Hỏi: Tại sao không nói địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ?

Đáp: Địa ngục đại khổ, tâm rối loạn không thể thọ pháp, súc sanh thì ngu si che tâm, không thể thọ hóa, ngã quý thì đói khát đốt thân cho nên không thể thọ pháp.

Lại nữa, trong loài súc sanh, ngã quý, ít nhiều có kẻ đến nghe pháp, chỉ sanh tâm phước đức mà thôi, không tham lãnh thọ đạo, cho nên không nói.

Hỏi: Nếu như vậy, cũng không nên nói đến Càn-thát-bà, A-tu-la, vì sao? Vì đã bao gồm trong ngã quý đạo?

Đáp: Phật không nói bao gồm, sao nay nói bao gồm. Đó là thuyết của Ca-chiên-diên-tử v.v... Như sức của A-tu-la ngang với trời, có khi chiến đấu hơn trời. Càn-thát-bà là nhạc công của chư thiên, đồng thọ phước lạc với trời, có trí tuệ phân biệt được tốt xấu, vì có sao không thể lãnh thọ đạo pháp? Như phẩm Thiên trong kinh Tạp A-hàm nói: "Mẹ quý thần Phú-na-bà-tẩu, Phật du hành nghỉ đêm nơi đó. Bấy giờ Phật thuyết về pháp thượng diệu cam lồ, hai người con trai con gái khóc lóc, mẹ nó nói bài kệ để ngăn rằng:

"Này con Uất-đát-la chớ ồn,

Phú-na-bà-tẩu cũng chớ khóc.

Ta nay Nghe pháp được Chứng đạo,

Các con cũng sẽ được như ta".

Do việc ấy nên biết trong hàng Quỷ thần có kẻ đắc đạo.

Lại nữa, trong Đại thừa, lực sĩ kim-cang Mật-tích trong hàng các Bồ-tát là hơn hết, hà huống các người khác.

Như Đơn-luân-ma, vua của Chân-đà-la, vua của Càn-thát-bà, đến chỗ Phật gảy đàn ca ngợi Phật. Ba ngàn thế giới đều chấn động, cho đến Đ?i Ca-diếp ngồi không yên. Những người như vậy, sao không thể đắc đạo?

Như các A-tu-la vương, Long vương, đều đến chỗ Phật, hỏi Phật về pháp sâu xa, Phật tùy câu hỏi mà giải đáp nghĩa sâu, sao nói không thể đắc đạo?

Hỏi: Trong năm đạo chúng sanh, Phật là Thầy của trời, người, không nói là Thầy của ba ác đạo, vì ba ác đạo vô phước, không có phần lãnh thọ đạo pháp, mà Rồng và Quỷ đều đọa vào trong ác đạo?

Đáp: Phật cũng không nói rõ năm đạo. Nói năm đạo, là do các thầy ở Nhất-thiết-hữu-bộ. Các vị khác ở phái Độc-tử-bộ (Bà-ta-phát-đổ-lộ) nói có sáu đạo.

Lại nữa, nên nói có sáu đạo, vì sao? Ba ác đạo một mực thuần là chỗ tội lỗi. Nếu phước nhiều tội ít, thì gọi là A-tu-la, Càn-thát-bà v.v... chỗ thác sanh phải khác, vì vậy nên có sáu đạo.

Lại nữa, ba ác đạo cũng có lẽ lãnh thọ đạo pháp, song vì ít cho nên nói không.

Và các Bồ-tát sắp nói ngôi vị Phật, như trước đã nói.

(Hết cuốn 10 theo bản Hán)

--oOo --